

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

CƠP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 59 — 15-6-1961

1.— Nhân ngày lịch sử 17-6 dl, tên phần đăng Thừa-Mai bị xử tội . . . Trương Thọ Phó	6 — 10
2.— Giang sơn Việt-Nam: Biên Hòa . . . Bùi văn Cang	11 — 15
3.— Chiếc lá cuối cùng (truyện ngắn) Nguyễn đức Dũng	16 — 18
4.— Đêm mưa rừng (thơ) Lữ Quỳnh	19
5.— Những áng thơ hay Bằng Bá Lân	20 — 25
6.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn Vỹ	26 — 33
7.— Một cây lúa sẽ mọc lên Nguyễn phú Tính	34 — 39
8.— Con gái Huỳnh anh Kiệt	40 — 47
9.— Mưa Saigon, Mong thu (thơ) My Sơn và Phương Đợt	48 49
10.— Nhân vật xuân thu: Tào Uý Thiệu Sơn	50 — 53

11.— Mất mát (truyện ngắn) Kim Liên	54 — 58
12.— Những người đàn bà lừng danh trên thế giới: Joséphine Tân Phong	59 — 65
13.— Kỳ giả thuở trước Tế Xuyên	66 — 70
14.— Minh ơi! Mời Minh uống café Diệu Huyền	71 — 78
15.— Bằng tất cả hôm nay (thơ) Cao hoàng Nhân	79
16.— Bình dịch hạch Nguyễn Ang Ca	80 — 82
17.— Đalạt mĩa yêu, Thao thức (thơ) Trúc Mai, Thanh Nguyễn	83
18.— Một giấc mơ hoa Duyên Hồng	84 — 90
19.— Paul et Virginie (truyện rút ngắn) Hoàng Thắng	91 — 104
20.— Thơ lên Ruột Diệu Huyền	105 — 107
21.— Sách báo mới Phồ Thông	108
22.— Mồ hôi nước mắt Nguyễn Vỹ	109 — 115
23.— Đáp bạn bốn phương Diệu Huyền	116 — 130

✦ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-thị)

✦ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

Tên phản đảng THỪA-MAI bị xử - tội trước bàn thờ NGUYỄN-THÁI-HỌC



ĐÊM đã khuya rồi mà y vẫn còn thất-tha, thất-thiếu đi ra đi vào, nét mặt đầy tư-lự, hai tay chắp sau lưng. Một cơn bão tố đang nổi lên trong

* TRƯƠNG THỌ PHỤ

đầu óc của y. Từ buổi trưa, y đã được nghe tin ngày mai là ngày 17 tháng 6 (d. l.) nhân lễ kỷ-niệm Nguyễn-thái-Học và 12 liệt sĩ đã vì Tổ Quốc, rơi đầu

ở Yên-Bái, dân-chúng sẽ xử tội tên phản đảng Thừa Mai, kẻ đã giúp đắc lực cho thực dân Pháp hồi 25 năm trước, bất biết bao yếu-nhơn trong Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Kẻ phản đảng Thừa - Mai chính là y, hồi thuở trước chỉ là một anh Thừa phái (thợ-ký nhỏ trong quan-trường) sau nhờ làm « chó săn » cho Pháp mà được nhảy lên đến chức tri phủ, nay về hưu được chức hàm bổ-chánh.

Mấy tháng trước, hồi đầu năm 1945, khi Pháp chưa bị Nhật đảo-chánh, có ai dám gọi y là « Thừa Mai » đâu. Người ta chỉ nói đến « quan bổ chánh » Bùi Tiến Mai, đầu có người đã nhiều tuổi, biết được bước tiến mạnh của anh Thừa-phái trên hoạn-lộ.

« Quan bổ chánh » Bùi ở một Dinh thự đồ sộ tại Thư - Trì, tỉnh Thái-Bình, Bắc-Việt ; ai đi qua nhà y cũng biết liền đó là nơi dưỡng già của một vị quan hồi hưu trong thời thực-dân phong-kiến.

Nhưng từ ngày 9 tháng 3, lá cờ tam sắc bị triệt-hạ, dân chúng tỉnh Thái-bình đi qua dinh thự ấy, đều tò mò nhìn vào có vẻ sung sướng vì « tên phản - đảng Thừa-Mai . đã tới số.

Giờ đến tội của y sắp diễn.

Giờ ấy là 9 giờ sáng ngày 17 tháng 6 năm 1945.

Chờ thần chết

Thừa Mai muốn diên đầu vì không biết ngày mai mình sẽ đến tội cách nào : bị chém bêu đầu ở ngoài chợ chằng, hay bị nhân dân trói vào sau xe hơi, cho xe chạy lòi xác cùng đường tới chết. Y rùng mình, đổ mồ hôi, khi nghĩ đến hình phạt ấy.

Mà có muốn trốn thì cũng chẳng có nơi nào thoát thân. Đoàn thanh-niên Thái-Bình phục lực với công quyền trong việc giữ trật tự, đã kín đáo canh gác nhà y. Họ chỉ chờ đến sáng mai là lôi tên phản-đảng tới trước bàn thờ liệt sĩ Nguyễn-thái-Học trong một cuộc lễ trọng-thể do đoàn thanh-niên tổ-chức.

Đêm 16, Thừa Mai hết ngủ. Y thấy như tử thần lảng vảng bên mình y, chờ quơ lưỡi hái là y rồi đời. Đi ra đi vào quá cũng mệt, y lên cái sập khảm, chân quỳ, y ngã lưng vào cái xếp, rồi dăm chiêu suy nghĩ. Cái tú chề kê sát cái sập, có một mâm hút quý giá để bên trên. Chính sập khảm này là chỗ y thường « đi mây về gió » trong các ngày thương. Buổi

Do võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

chiếu y đã kêu già nhân làm thuốc, để y hút « vài cặp » dặng giữ vững can đảm, nhưng sao lúc này y cũng bủn rủn chân tay.

Ba giờ sáng rồi mà y cũng không ngủ được. Bỗng y thổ huyết ra cả ly.

Bệnh thổ-huyết, y mắc đã từ lâu, từ 25 năm trước, sau khi cô Giang tự-tử theo Nguyễn-thái-Học, thường mỗi khi quá nghĩ, buồn rầu, y lại thổ-huyết, có ngày đến 3, 4 lần. Tiền của y có thiếu gì, nên trong nhà sẵn sâm, nhung, quế, đủ thứ để tẩm bổ cho y hầu thắng được cơn bệnh ngặt-nghèo. Thần dược kéo dài kiếp sống của y được 25 năm nay là « cô Ba Nha-phiến » thì đúng hơn.

Thừa Mai thổ huyết phải chăng vì buồn lo, hối-hận? Con người đã đưa cả bốn, năm chục đồng chỉ lên máy chém, còn chút lương tâm mà ăn năn chăng? Miệng đời lại nói rằng hồn cô Giang linh thiêng lắm, đã về báo oán, nên Mai mắc chứng thổ-huyết ít ngày sau cái chết của nhà liệt-nữ.

Người ta còn tin ở thuyết báo oán hơn nữa, vì thấy Thừa Mai bị tuyệt-tự. Y có tới 3 vợ và 4,

5 nàng hầu mà không có con trai. Nhưng cái « máy dẽ » của y lần lượt bị sa thải và thay thế vì vô dụng, rút cuộc y còn một vợ lớn và cô vợ bé thứ ba, người trong nhà gọi là « bà Ba » đã ở với y cả 10 năm nay. Bà Ba hồi năm ngoài bốn có bầu, cả nhà mừng như trúng số độc đắc, nhứt là « quan bố chánh » sung sướng, vượt râu tự bảo rằng y sẽ có quý tử để nối giới tông đường.

Sau 9 tháng 10 ngày, mộng vàng của y bỗng tan như mây khói: đứa hài nhi ra chào đời, thì bà mẹ thô dài vì đứa nhỏ là con trai mà chỉ có một mắt, lại thêm một cục thịt dài ở dưới lưng như cái đuôi khỉ. Cái quái thai làm cho cả nhà thất vọng rồi 4 ngày sau nó đã thành cái xác không hồn.

Thừa Mai, kể từ tội chờ lên đoạn đầu dài, nghĩ lại các chuyện cũ ấy, thô dài, đứng lên, đi tới bàn Phật ở cùng trong phòng khách. Y đốt hương, xá trước tượng đấng Từ-Bi. Y nhỏ to cầu khẩn.

Từ năm ngoài, sau khi vợ y sanh quái thai, y đã lập bàn thờ Phật và sáng, chiếu, đốt nhang,

tụng niệm. Nhưng kẻ giàu sang thường tưởng lầm là Tôn-giáo có một sức mạnh vạn năng xóa hết được tội ác của họ.

Thừa Mai, tụng kinh niệm Phật, có ngờ đâu còn có ngày nay... ngày không còn « quan thầy Pháp », để che chở sanh mạng và tài sản của y... ngày y sắp đến tội cũ.

Đối diện với anh linh nhà cách mạng

Sáng 17 tháng 6-1945, dân chúng tỉnh Thái-Bình nô nức kéo nhau đến Phòng Thông Tin để xem xử tội « tên phân đảng ».

Một toán chừng 10 thanh-niên địa phương đã vào nhà Thừa Mai, tiến vào phòng khách trong lúc y đang thu mình trong cái áo the thâm dài, đầu đội sẵn khăn ống, tay cầm tách nước trà tàu uống cho ấm lòng.

Anh đoàn trưởng thanh-niên nói cho Thừa Mai biết mình có trách-vụ triệu y đến Phòng Thông Tin. Biết rằng bêu van cũng vô ích, khóc than cũng bằng thừa, tội nhưn run như bị truyền điện, mặt mày xanh lét, riu riu đứng lên, đi theo đoàn thanh-niên.

Ngoài đường có nhiều toán người tò mò đứng lại xem một người lớn tuổi ốm yếu, thấp lùn, môi thâm, tai bẹp, mặt xám xịt, đi giữa toán thanh-niên. Có người lên tiếng nói: « Thừa Mai đây, thằng phân đảng, làm chó săn cho Tây!» Rồi nhiều người khạc nhổ.

Dẫn Thừa Mai đến phòng Thông-Tin, các thanh-niên đẩy y vào.

Trong phòng chật ních dân chúng. Nhiều người không có chỗ đứng, phải ở bên ngoài. Giữa phòng, thiết lập một bàn thờ, có lư trầm khói lên nghi-nút. Trên bàn thờ treo bức vẽ chân dung nhà lãnh tụ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, cặp mắt oai-nghiêm nhìn thẳng. Trên bức chân dung có câu: «Quốc dân thành kính biết ơn những nghĩa sĩ đã hy-sinh cho Tổ-Quốc».

Một người trong ban Tổ-chức nói lớn lên hai tiếng: «Quy xuống!»

Thừa Mai làm đúng theo lời như cái máy.

Một thanh-niên tiến tới đọc một bài diễn-văn, nói về ý nghĩa ngày 17-6, ngày 13 liệt-sĩ Việt.

Nam Quốc-dân-Đảng đã đổ máu ở đoạn đầu dài, để lại tấm gương sáng lạn cho hậu-lai.

Đoạn nói đến những kẻ phản đảng, anh đưa ra những tên Đội Dương, Giáo Phú, Thừa Mai...

Thừa Mai tên thật là Bùi-tiến-Mai, làm Thừa-phát tại dinh Tổng-đốc Thái Bình, có chân trong V. N. Q. D. Đ. được tỉnh bộ Thái-Bình cử làm đại biểu ở Tổng-bộ của đảng.

Đầu năm 1929, đảng bị khủng bố, Thừa Mai bị bắt giải lên Hà-nội. Tại phòng dự-thẩm của chánh Hội-đồng Đề hình Bride, Mai đã khai kết các yếu nhơn và đồng chí ở các tỉnh Thái-Bình, Nam Định, Ninh Bình, làm cho nhiều người bị bắt. Bù lại công lớn của Thừa Mai, Bride đã thả y về, không đưa y ra Hội đồng Đề-hình.

Y được bổ tri-châu, song suýt bị ám sát. Người phụ trách thi hành bản án xử tử Thừa Mai là Trịnh Tam Tĩnh, chưa giết Thừa Mai thì việc bại lộ.

Thừa Mai đi Tri-châu rồi được bổ tri huyện, tri phủ, sau về hưu được chức hàm bổ chánh.

Tội của y rất nặng đáng chết lăm. Song vì đang lúc mới triệt

hạ được chánh quyền thực dân, đang cần đoàn kết quốc gia, tổ lượng khoan hồng với những kẻ có tội cũ, nên Nhân-dân tạm tha thứ cho Thừa Mai, chỉ bắt y chịu một án tượng-trung : tạ tội trước anh linh 13 liệt-sĩ.

Một tiếng nói lớn : «Lạy đi !» Thừa Mai bèn quỳ lạy trước bàn thờ. «Đứng lên !»... «Lùi bước»... «Đi ra !»

Theo đúng ba lịnh ấy, tội nhân cử-động như cái máy.

Sau buổi xử án, Thừa Mai bước ra, chân run lên đi không vững. Tiếng dân chúng xì-xào bàn tán. Thừa Mai đứng lại, dựa vào góc phòng một lúc, để chấn tĩnh lại thần kinh ; y không ngờ đã thoát chết nhờ lượng khoan-hồng của đoàn Thanh-Niên.

Rồi chẳng hiểu bị xúc động ra sao, y lại đi tới trước bàn thờ, khóc sụt sùi nói : «Tội con đáng chết lăm. Nay con được thoát chết, con xin thề rằng sẽ tu-tâm, sửa hối. Con sẽ sửa một cái lễ để tạ tội với các liệt-sĩ đã chết oan vì tay con !» Rồi y bâng khuâng ra về, chắc là tinh thần bàng hoàng, không biết mộng hay thật, chắc y tự hỏi lòng : Sờ đầu chẳng biết có còn không ?

Giang san Việt - Nam

BIÊN
HÒA



* BÙI-VĂN-CANG

NĂM giữa một khung-cảnh nên thơ, bên cạnh giòng Đòng - nai nhẹ chảy, với ruộng lúa phì - nhiều đồng xanh bát-ngát, Biên - Hòa là một tỉnh phong-phú nhưt miền Đông.

Được chính-thức sáp-nhập vào nước ta năm 1658 với danh-hiệu là DINH-TRẦN-BIÊN, sau cuộc kinh-lý của quan Lê - Tà - Hậu NGUYỄN-HỮU-CẢNH.

Cuộc khai - thác đầu - tiên vào năm 1623 do những người Việt ở miền Trung theo chân bà NGỌC-KHOA CÔNG-CHÚA

vào khai-khẩn đất Mỗi-xuy (Mô-xoài, Bà-Rịa), tiếp đến Biên-Hòa năm 1658.

Nhưng thật ra công-cuộc khai-thác toàn-diện là do 2 tướng Tàu là TRẦN - THẮNG - TÀI và TRẦN-AN-BÌNH, hai tướng-quốc nhà Minh vì bất phục chế-độ nhà Thanh nên sang nước ta xin trú ngụ năm 1679.

Được chúa Nguyễn cho vào khai-khẩn đất Biên-Hòa, Trần-Thắng-Tài đến ở tại NÔNG-NẠI ĐẠI-PHỐ (củ - lao Phố, thuộc thôn Bình - Hoành, đời

Minh-Mạng, và xã HIỆP-HÒA ngày nay) lo việc khai-khẩn đất đai và biến nơi này thành chỗ thị tứ.

Sách *Đại-nam nhất Thống-chí* chép về Nông-nại Đại-Phố như sau :

« Ở địa hạt huyện Phước-Chính (Quận CHÂU-THÀNH hiện nay), phía tây châu Đại-Phố, khi đầu khai thác, Trần-Thượng-Xuyên chiêu-nạp những Hoa-Kiều buôn bán xây dựng phố xá, đường sá, nhà ngói vách vôi, lầu quá hai tầng, rục-rỡ. Trên bờ sông liên-lạc 5 dặm và phân-hoạch ra 3 nhai lộ, nhai lớn giữa phố lót đá trắng, nhai ngang lót đá ong, nhai nhỏ lót đá xanh ; đường rộng rải bằng phẳng, người buôn tụ-tập đông-dúc, tàu biển ghe sông đến đậu neo chen lấn lẫn nhau, còn những nhà buôn to lớn ở đây là nhiều hơn hết làm thành một đại đô hội. Khi Tây-Sơn đến chiếm cứ giữ lấy cả nhà cửa, đá gạch và của cải, nay tuy người đã phục hồi, nhưng chưa được một phần mười khi trước » (Bản-dịch của Tư-Trai Nguyễn-Tạo, trang 25).

Đất này người ta cũng gọi là ĐỒNG-NAI (có người cho là

do chữ Nông-Nại của người Tàu mà ra). Lộc-Dã hay Lộc-Đông, còn gọi là Biên-Phố hay Đông Phố.

Đất Đồng-nai là nơi có nhiều lúa gạo nhưt nhì ở miền Nam, nên mới có hai câu ca-dao :

— Nhất Đồng-nai,

Nhì Hai-Huyện.

— Xay lúa già gạo Đồng-nai,
Gạo thóc về Ngòi, tấm cám về tôi.

« Ngòi » đây có lẽ là Nguyễn-vương Phúc-Ánh và câu ca-dao trên do dân-chúng đặt ra để nói lên tấm lòng kính mến khi Nguyễn-Vương chạy giặc đến trú ở Đồng-Tràm, thuộc Long-Thành, Biên-hòa.

Ngoài ra, còn một câu nữa, không biết có phải là nói đến Nguyễn-Vương chăng ? Hay muốn ám chỉ một người nào không rõ. Có lẽ câu này có tự đời chúa Nguyễn chống Tây-Sơn, và có ít nhiều ảnh hưởng đến cuộc tá-ngụ của Nguyễn-Vương Phúc-Ánh :

Rồng châu ngoài Huế, ngựa tể
Đồng-Nai,

Nước sông trong sao lại chảy
hoài ?

Thương người xứ lạ lạc loài
đến đây.

Đồng-nai cũng làm mảnh đất
dừng chơn của những người trai
kiêu-dũng :

Làm trai cho đáng nên trai,

Phú-xuân cũng trai, Đồng-Nai
cũng từng.

Đồng-nai sau thành Biên-hòa, mảnh đất quê hương của TRỊNH-HOÀI-ĐỨC trong Gia-định tam thi gia ; VÕ-TÁNH, một trong Gia-định tam hùng ; của ĐOÀN-VĂN-CỤ, vị anh hùng kháng-chiến. Cũng là nơi yên nghỉ của cụ Lê-tài-Hầu NGUYỄN-HỮU-CẢNH và là quê vợ của cụ BÙI-HỮU-NGHĨA. Về sau, đất Biên-hòa lại là nơi ngụ của một nhân tài xuất chúng, đó nhà Bác-học NGUYỄN-VĂN-HOÀI, Giám đốc Dưỡng-trí-viện Biên-hòa, nhà thương điên độc nhất ở miền Nam.

Tỉnh Biên-hòa nổi tiếng nhờ
con sông Đồng-nai, con sông có
nước ngọt nhất miền Nam.

Gạo Cần-Đước,

Nước Đồng-Nai.

Và là một thắng cảnh tuyệt-

đẹp nhất là buổi chiều, khi mặt
trời vừa khuất bóng.

Sông Đồng-nai cũng làm bối
cảnh lịch sử khi tàu Pháp ngược
giòng Đồng-nai vào chiếm thành
GIA-ĐỊNH năm 1859 và tỉnh
BIÊN-HÒA năm 1862. Trung
Tướng NGUYỄN-BÌNH, một
vị anh hùng kháng chiến miền
Nam, cũng đã đóng bản doanh
dựa con sông Đồng-nai thuộc
làng Tân-Định, để kháng Pháp
từ năm 1945.

Sông Đồng-nai cũng thường
chứng kiến những trang tình-sử
đằm-lệ hay những lời hò hẹn
ân ái :

— Anh xa em chưa đầy một
tháng,

Nước mắt em lai láng hai tám
đêm ngày

Bao giờ ráo nước Đồng-Nai,

Sông Gianh bớt chảy mới sai
lời nguyện.

— Bao giờ cạn rạch Đồng-nai.

Nghiêng chùa Châu-Thới mới
sai lời nguyện.

Sách *Đại-nam Nhất-thống-chí*
chép lầm CHÂU-THỚI ra
« Chiêu-Thát », là một ngọn
núi nằm dựa quốc-lộ 1, trên

đường, Sài-gòn Biên - hòa, cao 65 thước, trên đỉnh có ngôi chùa HỘI-SƠN, được trùng tu vào đầu thế kỷ 19, do sư cụ KHẢI-LONG :

« Núi Chiêu-Thái (Châu-thới) ở phía nam huyện Phước-chính 21 dặm : từng núi cao út làm bình phong phía nam tỉnh thành, đôi núi khi phục loanh-quanh chạy đến Khổng - Tước - Quan mới hết khoảng giữa núi Chiêu-Thái về hướng Bắc thuộc thôn Long-Sơn huyện Long - Thành. Ở trên gò bằng có chỗ cao đứng thẳng như vách, trên có am Vân-Tĩnh là nơi Lương-Ny tinh-tu, di chỉ nay vẫn còn. Đuôi núi đi sang phía Bắc chệch ra một chi chạy đến địa-phận làng Long-Tuy mới dừng lại, đột-khởi một gò cao bằng thẳng rộng-rãi ở bên có hang-hổ và khe nước chảy quanh theo, nhà cửa nhân-dân ở quanh theo đó. Trên có chùa Hội-Sơn là chỗ Thiên-Sư Khánh-Long trú-tích tu-hành. Năm Bính-Thân đạo hòa nghĩa là Lý-Tài chiếm-cứ núi Chiêu-Thái tức chỗ này. Năm Tự-Đức thứ 8 (1850) đem núi này liệt vào tự-điền » (Theo Đại-nam nhất-Thống chí).

Có khách vịnh chùa Khánh-

Long như sau .

*Tiêu-Sơ lãnh-thọ quây tà-dương,
Bộ nhập khe - nham phông đạo
trường.*

*Chữ đánh vô-yên sào hạc tĩnh,
Khả liên thiên vị chính thể lương.
Cây núi tiêu-sơ mặt trời đã xế,
Bước vào nham - khe để viếng
đạo-trường (cảnh chùa).
Nấu trà không khói bay, hạc nằm
yên-tĩnh
Thương cho mùi thiền thật là
thê-lương.*

(Bản dịch của Nguyễn-Tạo).

VỀ AM - VÂN - TĨNH, sách Đại-nam Nhất Thống-chí chép như sau :

« Am Vân-Tĩnh ở thôn Long-Sơn, huyện Long Thành là chỗ bà Lương-ni tinh tu. Sách Nhất-thống của Lê-Quang-Định chép: xưa có ni-cô tên là Thị-Lượng lập lên am-tự này tuy đã hủy - phế, mà phong-cảnh còn khả quan. Thuở trước có khách đến vịnh rằng :

*Sơ lâm di phế tự
Hoang cảnh tòa chình trần.
Bửu tháp qui ngư lộ
Liên-trì âm mã tân.
Hoa hàm chung cồ hạn*

*Thảo trường vắng yên xuân
Mãn mục tùy bình-lạc
U-hoài nhập vân lân.*

Dịch :

*Rừng thưa chùa bỏ nát
Đường loạn bụi đeo dây.
Liên-trì nơi ngựa uống,
Bửu-Tháp gót trần giày
Hoa buồn muôn thuở mất,
Cỏ rậm mấy năm nay
Trông thấy cảnh linh-lạc,
Vần thơ tỏ cảm-hoài.*

Núi Châu - Thới sau do ông PALASNE DE CHAMPAUX khai thác đá, sau bán cho ông PAUL BLANCHY 1873. Năm 1886 ông Paul Blanchy lại bán cho Công-ty Nông-kỹ Nam kỳ. Mãi đến năm 1928, núi Châu - Thới lại do một người Việt-Nam làm chủ là ông BUI-VÂN-LỖ.

Gần cuối giòng-sông Đồng-Nai

(Kỳ sau hết)



★ Giận

— Người nào không biết giận là người đại. Người nào không muốn giận là người khôn.

— Huyết khí chi nộ, bất năng hữu. Nghĩa lý chi nộ, bất năng vô (Cái giận vì nóng tính không nên có. Cái giận vì nghĩa lý không nên không)

ở ranh giới Biên-Hòa là Nhà-Bè :
Nhà Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia-Định Đồng-Nai thì về,
Nhà-bè là nơi ngã ba sông
Đồng-Nai gặp sông Sài-Gòn (còn
gọi là sông Bến-Nghé, Tân-Bình
hay Đạm-Thủy).

Vì ngày xưa, khi mới đặt
Trần - Biên-Dinh, đường sá chưa
mở mang được, hành khách phải
đi dò trường hành từ hạt này đến
hạt khác. Đồ Trường - hành đi
rất khổ sở, khách thường chịu
khát vì không đủ nước uống, lại
nữa dò quá chật hẹp, đường lại
xa-xôi, lại phải đợi con nước.
Thấy tình - trạng này, ông VÕ-
THỦ-HOÀNG, người Phước-
chính, xuất tiền cất nhà tại ngã ba
Phù-bia tam-giang-khẩu, trong nhà
chứa nước uống và đồ ăn để khách
đi dò dùng khỏi trả tiền. Về sau,
nhiều ghe buôn bán cũng đến tụ-
tập quanh đây nên mới có tên gọi
là « Nhà Bè ».

CHIẾC LÁ

cuối cùng

LỊCH-SỬ

THUỞ nhà Hán đô-hộ nước ta, các quan lại Tàu phần nhiều đều tàn bạo. Trong các tên hút máu dân ấy, Tô-Định là một người đã được sách vở nhắc nhiều nhất.

Thái-thú Tô-Định sang cai-trị nước ta, bắt dân lên núi tìm ngà voi, xuống bể mò ngọc trai, sưu cao, thuế nặng để nhét cho đầy túi tham không đáy. Nhân dân bốn phương rên xiết, kêu gào, chống đối, Tô-Định lại càng đàn áp, bóc lột. Dân Lạc-

Hồng chúng ta phải một phen điêu đứng vì tên tham quan vô loại của Tàu.

Tô-Định giết Thi-Sách, rồi tiếp đến cuộc khởi nghĩa của hai bà Trưng, nhân dân ta rừng rùng nổi dậy cùng hai bà tổng cổ Định về nước để tô điểm lại giang sơn gấm vóc đã điêu tàn vì bàn tay độc ác của chúng.

★

Khi đang ngự trị trên đầu cổ dân ta và đang tác oai, tác

★ NGUYỄN-ĐỨC-DŨNG

quái, già có sinh được một người con trai đặt tên là Tô-Liêu. Cha nào con nấy, Tô-Liêu cũng tàn ác không kém gì cha.

Tô-Định có nuôi một người dạy võ cho con, tên thầy dạy võ này cũng cậy quyền, hiếp ức dân chúng, nhân dân oán ghét càng oán ghét thêm.

Tô-Liêu độ 12, 13 tuổi, không thích học hành, chỉ ưa tập võ, bắn tên, tính tình rất thô bạo. Chiều chiều, thầy trò kéo nhau đi tập bắn ngoài đồng rộng, chúng đi đến đâu trê chân trâu bò phải chạy trốn, nếu không, khi cao hứng chúng lấy trê nít làm bia bắn càn!

Một buổi chiều hè kia, gió mát, thầy trò cỡi ngựa đi du ngoạn, đến một ngọn đồi bên đồng trống, nhìn thấy trê mục đồng đang nô đùa. Lũ trê đập từng mò đất nhỏ rồi chặt cây tươi cắm lên trên chơi dỡn. Ở xa, Tô-Liêu dương cung nhắm một cây nhỏ rồi buông dây. Một trê chân bò ngã!

Thầy trò thích thú phi ngựa lại xem... Đến gần, thầy thích chí khen ngợi:

— Công-tử thật thiện xạ, bắn

một mũi tên mà vừa trúng cây vừa bị thương thừng bé. A ha! ha!

Em nhỏ bị thương thấy Tô-Liêu tự nhiên bắn mình, cổ nén đau đớn, quắc đôi mắt sáng ngời, bảo:

— Tô-Liêu, ! Ta với người không thù hềm chi sao người bắn ta, Ta kỳ cho người hể cây trên mô đất này rụng hết lá thì mạng người cũng không còn!

Liêu tính nhút nhát, nghe nói thất kinh liền té xuống ngựa. Tên thầy lật đặt đỡ lên, rồi an ủi:

— Có quý chi một mạng thừng nhỏ mà công-tử sợ quá vậy!

Rồi thầy trò ra về. Mấy em nhỏ chân trâu khiêng em bị thương đi băng bó thuốc than. Mặt trời bảy giờ gần khuất núi, đỏ lôm như máu em bé chân trâu rồi dần dần khuất. Trời không gió, ngọt ngọt như cuộc sống của người dân lúc bảy giờ.

★

Tô-Liêu nhóm bệnh, các danh sư đều không chữa nổi, Liêu mê mang, cứ nhắc hoài câu chuyện bắn em bé chân trâu. Tên thầy dạy võ thuật lại đầu đuôi câu

chuyện. Tô-Định nổi giận sai người đi tìm bắt mấy em chẵn trâu ấy thì bảy giờ không biết ở đâu mà tìm.

Tô-Định không tin nhưng cung con, gã cũng cho người tưới nước, vun đắp mấy cây nơi Tô-Liên bán đó, nhưng cây chặt ngang, không gốc làm gì mà sống được, càng ngày càng rụng lá, chết dần. Bệnh Liễu mỗi ngày mỗi nặng, Định chỉ có một đứa con trai nên cuống cuống lên.

Liêu yếu dần, hình ảnh thẳng bé dầy dựa trên vung máu cứ theo ám ảnh nó và nhất là câu dọa của em «nếu cây này rụng

hết lá thì mạng người cũng không còn » làm hấn càng ngày càng không cưỡng lại được với định mệnh.

Liêu ngày một ngày hai đòi đi xem mấy cây ấy thử còn tươi tốt hay đã rụng hết lá. Cùng quá, Định phải cho người cán con đi xem. Cán ra khỏi dinh, lúc gần đến nơi thì thấy cây chỉ còn lơ thơ một chiếc lá vàng úa ! Lúc lại gần, chiếc lá cuối cùng này vừa rụng xuống. Liễu nằm trong cán cũng trút hơi thở cuối cùng !

Trời xanh thật chí công ! Xa xa có tin đồn quân của hai bà nữ tướng đã đánh gáp.



*** Nhện và Cọp**

Một con Ruồi mẹ bảo bầy Ruồi con :

— Các con phải coi chừng con Nhện, nó nguy-hiểm lắm đấy.

Bông có tiếng gầm ghê-rợn. Bầy Ruồi con sợ run láy-báy, thiếu điều nhào lăn hết. Nhưng Ruồi mẹ điềm nhiên bảo bầy con :

— Đó là con cọp. Các con đừng sợ, nó hiền-lành lắm, không hề ăn thịt Ruồi bao giờ.

Đêm mưa rừng

*Anh mạnh bước trên con đường gian khổ ;
Cúi đầu đi không hề nghĩ mai sau.*

*Sống hôm nay với hình ảnh ban đầu,
Cùng tất cả tình yêu còn sót lại.*

*Lòng lê-tái nhưng trời còn mưa mãi ;
Quãng đường dài không biết quán dừng đâu ?
Mà đêm đen nhuộm sắc áo cô sầu,
Giữa rừng gió, rừng cây đầy bóng tối.*

*Anh tự nghĩ cuộc đời không tội-lỗi ;
Chỉ tại mình gây tội-lỗi mà thôi.
Chuyện ngàn sau như thế đã yên rồi ;
Anh sẽ mãi là một giang-hồ khách.*

*Em sẽ mãi là linh hồn trong sạch,
Đón gió về để thơm hỏi tin anh.
Đón mộng về để mơ thấy tình anh,
Yêu em đến độ nào, em thử tưởng.*

*Đêm nay gió, mưa rừng rơi như thác ;
Anh cúi đầu rào-rạc nhớ thương em.
Ôi, tình anh là bóng tối dày đen,
Là Trời, Đất, Cây rừng và Bóng nước !*

*Đêm mưa rừng con đường đi dốc ngược
Đá cheo leo nhưng anh vẫn cố trèo.
Kìa trên cao là Thần Tượng Tình yêu ;
Anh phải vượt tượng linh cao qui ấy.*

*Đêm mưa rừng, người anh như nhỏ lại ;
Nhưng hồn anh đang rộng lớn vô-biên.
Và linh em theo suối nước triều miên,
Ngập vào máu tim anh cùng điệu khúc.*

*Đời phiêu bạt hình như đã kết thúc,
Giữa đêm trường với Thần Tượng Tình-yêu.
Anh vấp chân gục giữa cảnh tiêu điều...
Mưa rừng vẫn tuông trào như lạch thác !*

LŨ-HUỖNH
(Huế)

NHỮNG ÁNG THƠ HAY

● Chuối ngọc

«Biết đâu Hợp-phố mà mong cháu về!»

Nhật ngôi sao lạc đêm thanh-
 khiết,
 Vót đềm hào-quang đáy biển
 sâu,
 Hứng giọt bình-minh từng lá cỏ,
 Chàng đưa em giữ chuỗi minh-
 châu.
 Hôn-hờ tay chàng rung ánh sáng,
 Mười đầu ngón nở ý yêu-
 đương.
 Và lòng chàng nở niềm âu-yếm,
 Đem đắp vào em chuỗi mến-
 thương.
 Em giấu vào lòng sâu kín nhất,
 Đeo vào vòng ngực trắng trinh
 hơn,
 Một lần, chỉ một lần hôn ấy,
 Nghĩ suốt đời em ngọc hãy còn.

Em có ngờ đâu cơn lửa binh
 Cho tràn châu ngọc vỡ tan tàn.
 Ngọc rơi, ôi! cũng như hoa
 rụng :
 «Đáo địa nhất vô thanh».
 Chuỗi ngọc chàng cho em mất
 rồi!
 Còn đây một chuỗi tiếc thương
 dài.
 Và đây vạn giọt lòng ngưng đọng,
 Ý ngọc Tình châu chớp mắt rơi...
 Sao lạc không về trời thôn-thức,
 Nước chìm đềm sáng biển băng
 khuâng,
 Sương tan cỏ héo lòng thương
 nhớ ;
 Ngọc mất. Chàng xa. Lệ ngập
 ngừng.

ĐÔNG-HỒ

TÁC-giả làm bài thơ này từ năm 1946, giữa lúc khói lửa đang lan tràn khắp nước, sau cơn quốc biến 1945. Ở trong Nam, cũng như ngoài Bắc, dân chúng lục-tục tản cư. Người ở chợ chạy về quê, người ở quê lại chạy ra chợ, kẻ ở miền đông đi sang miền tây, kẻ ở miền tây lại đi qua miền đông. Chạy quần chạy quanh, rồi cuộc chẳng nơi nào yên ổn mà đồ vỡ, tang tóc phân ly vẫn là những hậu quả đau thương không sao tránh khỏi!

Lúc ấy, Đông-Hồ cùng gia-đình ông cũng đang ở vào hoàn-cảnh phân tán, mỗi người một nơi. Đầu năm 1946, trong lúc nhà thơ này ăn náu ở một nơi quán khách, ngày ngày nóng ruột mong ngóng tin nhà thì bỗng nhận được một bức thư dài của Mộng-Tuyệt. Tâm trạng người nhận thư lúc đó thật là phức tạp : mừng mừng, sợ sợ, hồi-hộp lo âu ; nửa nóng muốn xem ngay, nửa chần chừ e ngại, vì «giữa lúc bao nhiêu bất trắc, bao nhiêu biến cố vây quanh mà bỗng có một tin đưa đến, thì phải cầm chắc đo là báo cho nhau một tin tức chẳng lành. Một tin mừng

vui có ai dám nghĩ nhận được dễ dàng trong lúc ấy ? » (1) Quả nhiên đó là một hung tin. Trong thư, Mộng-Tuyệt báo tin chẳng lành về gia-tình : nào sản-nghiệp tan tành, nào sách vở mất mát, nào ngọc vàng trân bảo cũng không còn... Cuối thư, Mộng-Tuyệt đã ngừng lại kể lẽ rất nhiều, «bằng-khuâng tiếc về một chuỗi ngọc hạt trai mà Mộng-Tuyệt đã bình sinh rất quý» (2)

Câu chuyện mất chuỗi ngọc đã khiến Đông-Hồ xúc động mạnh và giúp ông cảm-hứng làm bài thơ trên đây, «diễn lại những ý những lời trong đoạn thư của Mộng-Tuyệt thở than về chuỗi ngọc quý không còn, trong cơn khói lửa», (3)

Đây là một bài thơ được tác-giả ưa thích nhất trong thi-phẩm của ông, vì... Tôi xin nhường lời đề tác-giả tự mình tâm sự với các bạn : «Tôi thích bài thơ này, vì mỗi khi đọc đến thì như thấy lại bao nhiêu hình ảnh loạn lạc năm xưa mà mình đã trải qua. Những nỗi buồn thương

(1), (2), (3) Những chữ trong dấu ngoặc kép «..» là thuật lại nguyên văn lời Đông-Hồ đã kể với tôi.

chưa hết ray-rút tâm-hồn mà lòng cứ còn thấy bàng-hoàng như vừa qua cơn ác mộng. Bài thơ đã nói lên được một đồ võ âm thầm của cá nhân trong muôn nghìn đồ võ chung của xã-hội.. Trong mọi đồ võ tan tành, có một điều làm cho con người thơ vừa an-ủi vừa tự hào là còn giữ lại được cái gì thanh-cao nhất, tinh-khiết nhất trong tâm - hồn. Cái còn ngưng đọng lại đó là « ý ngọc tình châu » của hồn thơ nhân-loại. Là một chuỗi ngọc dài không bao giờ tan mất.»

Có thể tác-giả chủ quan, thiên lệch vì một kỷ-niệm cá-nhân sâu xa thấm - thiết nên đã đặt bài này trên giá - trị thực của nó ? Đó là quyền của ông và thiết tưởng chúng ta cũng nên tôn trọng cái quyền ấy của thi-nhân, vì một tác-giả nào mà chẳng có cái sở thích riêng tư ấy. Điều cốt yếu là phân-tích bài thơ một cách khách quan, ở cương-vị một người ngoại cuộc để tìm hiểu cái chân giá-trị của nó.

Nhìn chung vào thi-phẩm của Đông-Hồ, ta thấy thơ ông gần với thơ cũ hơn là thơ mới. (I) Cũng như thơ xưa, thơ ông phần

nhều chú trọng vào sự nhịp-nhàng cân đối, uốn ý gọt lời. Nhưng cũng khác thơ xưa ở chỗ phóng túng, cởi mở do ảnh-hưởng khuynh-hướng lãng-mạn, một trào-văn-chương cực thịnh vào hồi đầu thế-kỷ XX. Nhờ đó, thơ Đông-Hồ được người đương thời chú ý và cũng nhờ đó mà ông có được một địa-vị trong văn-học giới vậy. Nhưng ngày nay, có người lại chê thơ Đông-Hồ ý tưởng hiền lành quá, tình cảm thông thường quá, lời thơ tròa trịa quá, không có những góc cạnh sắc bén dễ xúc cảm mạnh người đọc, khiến người ta miệt đọc mà lòng đứng đưng và xem rồi không còn nhớ nữa ! Nhận xét ấy cũng có phần nào đúng, vì lớp người đã thay đổi với những cảm quan đã khác xưa. Nhưng nói như trên không khỏi có điều thiên lệch và nông cạn. Đã đành mỗi thời mỗi thích, mỗi người mỗi ưa ; nhưng không thể vì thích tranh lập-thề mà hoàn toàn phủ nhận giá-trị hội-họa cổ-diễn, không thể vì thích thơ tự-do không vần không điệu mà nhất thiết cho thơ niêm luật là đồ bỏ đi !

(1) Tôi muốn nói «Thơ mới» thuộc cao-trào từ 1930 đến 1945

Tôi phải dài dòng như vậy là muốn trước khi phê-bình, chúng ta hãy cố đứng vào đúng vị-trí để khỏi nhìn lệch-lạc và phán đoán sai lầm.

Bây giờ, xin trở lại bài thơ **CHUỖI NGỌC**. Bằng những lời cầu-kỳ nhưng duyên dáng, tác-giả cho ta biết đây không phải là chuỗi ngọc thường mà là một chuỗi « minh-châu » làm bằng những ngôi sao lạc nhật trong đêm thanh-khiết, những điamond hào-quang vớt từ đáy biển sâu, những giọt sương mai hứng trên từng lá cỏ :

Nhật ngôi sao lạc đêm thanh-khiết,

Vớt diamond hào-quang đáy biển sâu,

Hứng giọt bình-minh từng lá cỏ,

Chàng đưa em giữ chuỗi minh-châu.

Chuỗi ngọc đã quý vô ngần, tình người tặng ngọc lại vô cùng nồng hậu khiến người nhận ngọc cảm động mang mang :

Hôn-hờ tay chàng rung ánh-sáng,

Mười đầu ngón nở ý yêu-đương.

Và lòng chàng nở niềm âu-yếm

Đem đắp vào em chuỗi mến

thương.

câu :

Hôn-hờ tay chàng rung ánh sáng
ý đẹp lời hay và gợi hình nữa. Đọc câu thơ, ta như trông thấy chuỗi ngọc sáng rung-rinh lấp-lánh trên mười đầu ngón tay của người tặng ngọc.

Những chữ « yêu-đương », « âu-yếm », « mến-thương » đặt ở cuối mỗi câu sau bộc lộ được niềm yêu thương vô hạn giữa hai người.

(Tiện đây, tôi muốn mở một dấu ngoặc đề riêng góp ý kiến với tác-giả : Có nên thay chữ « nở » bằng chữ « mở » trong câu thứ 3 đoạn 2 này, để tránh hai chữ « nở-niềm » đi liền nhau không được êm tai lắm và luôn thể tránh cả sự điệp lời vì câu trên đã dùng chữ « nở » rồi ?)

Chúng ta đã biết chuỗi ngọc quý thế nào, tình người tặng ngọc ân-cần ra sao ? Đây là cử - chỉ cảm-dộng và âu-yếm của người được tặng vừa ngọc báu vừa tình yêu ấy :

Em giấu vào lòng sâu kín nhất

Đeo vào vòng ngực trắng trinh

hôn.

Một lần, chỉ một lần hôn ấy,

Nghĩ suốt đời em ngọc hỡi còn.

Ta tưởng nghe tiếng thơ đời
Đường :

Quân tri thiệp hữu phu,
Tặng thiệp song minh châu.
Cảm quân triền miên ý,
Hệ tại hồng la nhu...

(Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em, chàng tặng một đôi
ngọc lành.
Vấn-vương những cảm tấm tình,
Em đeo trong áo lót mình màu
sen...)

(Ngô Tất-Tố dịch)

Thế rồi trời đất bỗng « nổi cơn
gió bụi » để cho « khách má
hồng nhiều nỗi truân-chuyên » và
những bảo vật thân quý nhất đời
cũng không còn giữ được :

Em có ngờ đâu cơn lửa binh,
Cho trảng châu ngọc vỡ tan lành.
Ngọc rơi, ôi ! cũng như hoa rụng.
« Đáo địa nhất vô thanh »

Câu dưới cũng mượn thơ xưa
rất khéo, và sự so sánh thật tài
tình : Trong cơn binh lửa, chuỗi
ngọc rơi mất tấm cũng như hoa
rụng xuống đất không một tiếng
động. Câu « đáo địa nhất vô
thanh » phải đọc chậm lại và dài

ra mới thấy nỗi buồn tiếc thật là
lê-thê, thấm-thía !

Chuỗi ngọc chàng cho em mất
rồi,
Còn đây một chuỗi tiếc thương
đài.

Ngọc mất, tiếc thương còn
mãi mãi ! Từ chuỗi ngọc chuyển
ra chuỗi tiếc thương, tình ý
thật là khít-khào và chữ dùng
thật khéo.

Trước sự mất mát lớn lao ấy,
người mất của không thể cầm
được nước mắt. Nàng đã khóc,
nhưng khóc một cách rất duyên
dáng dưới ngọn bút của nhà thơ :

Và đây vụn giọt lòng ngưng đọng,
Ý ngọc Tình châu chớp mắt rơi...

Tôi khuyên bốn chữ « ý ngọc
tình châu », vì những chữ đó dùng
ở đây vừa đẹp lời vừa đặc vị.

Sao lạc không về trời thôn thức,
Nước chìm điềm sáng biển băng-
khuáng

Sương tan cỏ héo lòng thương
nhớ,

Ngọc mất. Chàng xa. Lệ ngập-
ngừng.

Đoạn sau cùng này đã khéo
hồi ý đoạn đầu cho thêm đậm

màu thương tiếc và dọn ý cho
câu kết tràn ngập một nỗi buồn
cay đắng thiết-tha :

Ngọc mất. Chàng xa. Lệ ngập-
ngừng.

Bài thơ này tuy nói về một
việc riêng tư của tác-giả ; nhưng
trong những năm khói lửa vừa
qua và trước những ngày tương-
lai bất trắc, những vụ mất mát
tương tự như thế đã và sẽ còn

xây ra, nên ta có thể thừa nhận
vói tác-giả, rằng : « Bài thơ này
đã nói lên được một đồ vỡ âm-
thầm của cá-nhân trong muôn
nghìn đồ vỡ chung của xã-hội ».

Và ta có thể kết luận rằng :
Tác-giả quả đã có lý-do chính
đáng khi ông cho biết bài này
là bài mà ông ưa nhất trong
thi-phẩm của ông.

BÀNG-BÁ-LÂN



★ Người nghèo đi khám bệnh.

Một bà nhà nghèo dẫn đứa bé xanh xao bệnh hoạn tới phòng khám
bệnh của một bác sĩ.

Bác sĩ nhìn bà, nhìn đứa bé, rồi hỏi :

— Hình như hôm nọ tôi có dặn bà phải đưa thằng nhỏ đến mỗi
ngày để tôi chích thuốc. Sao ba hôm rồi bà không tới ?

Bà già đáp :

— Thưa bác sĩ, tôi cũng muốn đưa cháu lại đây mỗi ngày,
nhưng vì...

— Nhưng vì sao ?

— Dạ. Nhưng vì cha của cháu đi làm mỗi ngày chỉ được có 30
đồng, mà mỗi lần khám bệnh 5 phút bác-sĩ lấy đến 90 đồng. Thành ra
cha của cháu phải đi làm ba ngày mới đủ tiền thuốc cho Bác-sĩ trong
5 phút.

T.T.

TUẦN,

chàng
trai
nước
Việt



(Tiếp theo P. T. số 58)

* NGUYỄN-VỸ

LÊ-VĂN-THANH muốn đám cưới của chàng với cô Ba Hợi phải được long-trọng vì ba lý-do : thứ nhất, vì cô Nguyễn-thị-Hợi là cô gái đẹp nhất trong tỉnh, — ai cũng công-

nhận như thế, — và chàng hãnh-diện được cưới cô làm vợ. Cô Ba vừa đẹp, lại vừa là con một ông Bá-hộ, nhà giàu. Chàng được cả tình lẫn tiền. Thứ hai, chàng không quên rằng chính nhờ cô Ba đã xúi chàng bỏ chữ Nho, học chữ Tây, và bắt buộc chàng phải thi đỗ làm được chức Thầy Ký cô mới chịu làm vợ chàng, cho nên bây giờ chàng mới thành - đạt được « công danh », chàng làm một Thầy Ký « văn minh », chứ không còn là anh nho-sĩ « quê mùa » nữa.

Lý - do thứ ba, — và lý-do quan trọng nhất, — là từ hôm làm thông - ngôn dịch sai - lầm cái lệnh của « Cụ Sứ » truyền cho làng-xã về việc đề-phòng hỏa-hoạn, chàng bị « Cụ Sứ » tức giận la-mắng, không tin-cậy chàng nữa, và lại bị ông Phán-đầu-Tòa càng chê cười, khinh-bí, chàng muốn thừa dịp chàng cưới vợ, mời « Cụ

Sứ » dự tiệc để lấy lại chút cảm tình của quan-thầy « Đại-Pháp », để làm oai với làng xã, và để rửa cái nhục với bạn đồng - nghiệp « quan Phán-đầu-tòa ».

Đám cưới đã sắp đặt từ lâu. Việc chọn « ngày lành tháng tốt », và mọi thủ-tục về hôn-lễ, đã có ông Hương-Cả lo. Lê-văn-Thanh nghĩ đến việc mời các quan khách. Lúc bấy giờ, trừ ở Hà-nội và Sài-gòn mới có ba bốn nhà in — và giá in rất đắt — còn ở Huế và các tỉnh khác của Việt Nam chưa đâu có một « ấn-quán ».

Những đồ in, không nhiều, — hầu hết là của Nhà-nước, tư-nhân chưa biết xữ-dụng các tiện-nghi của ấn-loát, như in thiệp mời, hóa đơn, danh thiếp, v.v... Lê-văn-Thanh ghi sổ quan khách phải mời dự tiệc, trên một tờ giấy như sau đây :

- Quan Công-sứ, và Bà Đầm.
- Quan Phó sứ và Bà Đầm.
- Quan Thầy Thuốc (1).
- Quan Tuần-Vũ, (2).
- Quan Án-sát, (3).
- Quan Đốc-học.
- Bốn Thầy Trợ-giáo (thầy

học cũ của chàng).

— Phán Bích, đầu-tòa.

Những « thầy Thông, thầy Ký » làm việc tại các sở khác, tất cả chỉ độ 5 thầy, cũng toàn là thanh-viên. Lê-văn-Thanh chưa quen biết, nhưng cũng cứ mời.

Vì không có lệ gởi thiệp mời, Lê-văn-Thanh phải thân-hành đến mời miệng từng mời vị quan-khách. Riêng đến « Quan sứ », và « Quan Phó sứ », hai vị chủ-tỉnh Pháp-lang-sa, thì một buổi sáng chủ-nhật, được nghỉ. Lê-văn-Thanh đi với ông Hương-Cả. Hai cha con đem theo hai chai rượu Tây và hai gói trà Tàu, đặt trong một chiếc khay nạm xa-cừ. Viên đại-diện « Nhà-nước Bảo hộ » rất đỗi ngạc nhiên, hỏi Lê-văn-Thanh bằng tiếng Pháp, ý-nghĩa như sau đây :

— À, mầy há, Thanh ? Mầy đến có việc gì ?

Thanh cũng trả lời bập-bẹ bằng tiếng Tây, thứ tiếng Tây

(1) Bác-sĩ Pháp, Giám-đốc Nhà-thương-lĩnh.

(2) Tỉnh-trưởng Việt-nam.

(3) Tòa án Việt-Nam.

trật mọ - luật, và người Pháp thường ngạo là « tiếng Tây của thằng Mọt da đen con ». Dịch ra như sau :

— Bầm quan sứ, thân phụ của con đến trình quan lớn hay rằng con sắp cưới vợ.

Ông Sứ cười đưa tay bắt tay ông Hương Cả :

— Tôi mừng cho anh và cho con trai của anh. Nhưng tại sao có rượu và trà như thế này ?

Ông Hương Cả khúm núm :

— Bầm quan lớn, ngày 14 tháng Chín An-nam, tôi định cưới vợ cho thằng Ký, nên xin có cặp rượu và cặp trà tới để trình cho Quan-lớn biết, và cúi xin mời Quan lớn và Bà-lớn bữa đó dòi gót ngọc tới tề xá để uống chén rượu lạt mừng cho hai cha con chúng tôi.

Nói xong, ông Hương Cả xá ba xá. Ông Sứ gật đầu, hỏi Thanh :

— Cha mày nói gì ?

Lê-văn-Thanh thông ngôn lại, bằng mấy câu « tiếng Tây ba-rợi » :

(1) — Mon père il dit que le 14ème Jour du 9è mois annamite, il marie une femme pour moi. Il nous offre en cadeaux deux bouteilles d'alcool et deux... thé pour vous

faire connaître respectueusement. Il vous prie de venir assister le festin, avec madame la Résidente ce jour-là pour féliciter pour nous.

Ông Sứ vẫn hiền được, và cười niềm nở, nói bập bẹ vài tiếng Việt mới học, chêm với tiếng Pháp :

— Tốt lam ! Tốt lam ! Je vien-drai. Dis à ton père, quan Su cam on. (Tốt lắm ! Tốt lắm ! Ta sẽ đến. Nói với cha mày rằng Quan-sứ cảm ơn).

Đến viên Phó-sứ Pháp, hai cha con Lê - văn - Thanh cũng đóng trò lố-lãng ấy..

Ngày 14 tháng chín âm-lịch là ngày Thanh cưới vợ, trúng chủ-nhật. Lúc bảy giờ đồng hồ chưa được thông dụng, chính Thanh đi làm việc Nhà-nước mà cũng không có đồng - hồ. Người Việt - Nam hãy còn theo « giờ ta », Tý, Sửu, Dần, Mẹo... Giờ lành đã được ông Hương-Cả chọn đề xuất hành rước dâu, là giờ Thìn, « mặt trời đã lên cao một chặn đòn-gánh », nghĩa là vào khoảng 9 giờ sáng.

Từ sớm, Lê-văn-Thanh đã thuê hết tất cả các xe-kéo ở tỉnh,

(1) Danh-từ thông dụng, chỉ lối tiếng Pháp nói bập bẹ, sai mọ luật, và không thành câu.

toàn xe bánh sắt, chỉ vòn-vẹn có 5 chiếc. Thành thử hôm ấy tại tỉnh-ly không còn một chiếc xe nào nữa cả. 5 chiếc xe-kéo đã chờ trước cổng nhà ông Hương-Cả. Ông Hương bà Hương ngồi chung một chiếc đi đầu tiên. Anh phu-xe mặc áo cụt vá vai, quần rách ống, đầu đội chiếc nón cời (1), khom lưng kéo ì-à ì-ạch, vì ông Hương mập quá lại còn đeo thêm bà Hương ngồi trên một bắp-vế của ông. Chiếc xe thứ hai, chở ông Mai-dong, chiếc thứ ba, chở ông chú và bà thím. Chiếc thứ tư, thứ năm, chở hai ông cậu và hai bà mợ. Trai chưa vợ, gái chưa chồng, dù là anh em chị em ruột, cũng không được đi trong đám rước dâu. Không có tục lệ phù - dâu, phù - rê. Lê-văn-Thanh thì cỡi ngựa đi sau cùng, con ngựa hoe mượn của ông Chánh-tổng sở-tại, cậu ruột của chàng. Chàng mặc quần lụa trắng, áo gấm xanh, ở trong còn mặc lót một áo dài trắng nữa, và mang giày Hạ. Đáng lẽ chàng phải bịt khăn đen, — khăn đóng —, nhưng chàng muốn làm oai, nên đội mũ trắng, vì lúc bảy giờ chỉ có « mấy Thầy làm việc Nhà-nước » mới đội mũ trắng mà thôi, — trừ ra

học trò. Toàn thể dân chúng hãy còn đội nón lá, hoặc che dù đen.

Từ nhà Lê-văn-Thanh ở xóm cửa Bắc đến nhà cô Ba Hợi, chỉ xa chừng một cây số. Nhờ mùa Thu mát trời, vấm anh « cu-li xe-kéo » cũng không mệt lắm, nhưng vì xe nào cũng chở hai người nên mấy anh kéo đi chậm rì chậm-rìt. Phần thì đường cái gồ-gề, đắp đất chỗ trời, chỗ lũng, bánh xe niên sắt đồng lên, thụt xuống, nghiêng qua ngã lại, thật hết sức nhọc nhằn. Mỗi lần xe qua là một lần bụi bay tung lên mịt-mù, mấy người ngồi trong xe phải đưa vạt áo lên che mặt. Gặp chỗ có đá sỏi hoặc đất cục còn cứng, hai bánh xe sắt dễ nghiêng xuống, kêu kéo-cà kéo-kẹt. Dân chúng ở các nhà hai bên đường kéo nhau ra đứng đây sân chật ngõ để xem. Vì các đám cưới thường dân đều đi bộ, đây là lần đầu-tiên có đám cưới sang, nhà trai đi rước dâu toàn là ngồi xe-kéo. Chú rê cỡi ngựa, đội mũ, mang giày Hạ, mặc áo gấm xanh, lại là thầy Ký làm việc trên Tòa Sứ. Từ trước đến giờ, họ chưa được thấy đám

(1) Nón rách.

cưới nào sang trọng như thế. Họ trăm-trở khen ngợi, và chờ chốc nữa rước cô dâu về, xem cô dâu đi bằng gì. Ai cũng biết cô dâu là cô Ba-Hội, có nhan sắc nhất ở tỉnh, và con gái trưởng của ông Bá-Hộ Thành, giàu nhất ở đây. Người ta đồn rằng cô có học chữ Quốc-ngữ : thật là một chuyện hiếm hoi, mới lạ. Một lũ trẻ con, đông chừng vài ba chục đứa, quần áo bẩn-thỉu, nhiều đứa đã 7, 8 tuổi mà chưa mặc quần, rủ nhau đi coi đám cưới. Cha mẹ các em cũng cho chúng đi chứ không rầy la ngăn cản. Sẵn dịp, mấy anh « cu-li xe kéo » nhờ các em giúp sức đẩy xe giùm. Các em nô nức, cười đùa, chia ra từng đoàn theo sau hăng hái đẩy năm chiếc xe.

Cha mẹ các em và bà con cô bác đứng đông nghẹt, ngoài đường, nhìn theo cũng vui cười hoan-hỉ. Duy có Thầy Ký ngồi trên yên ngựa, làm nghiêm, không cười. Lê-văn-Thanh, chàng thanh niên 23 tuổi, đã lên bực Thầy, làm Thông-ngôn Ký-lục cho « Quan Công-Sứ » trong Tỉnh, tuy lúc làm việc ở Tòa bị « Quan Sứ » gọi luôn luôn bằng « Mầy », và bị quan la-

mắng hoài, nhưng chàng vẫn được dân chúng sợ hãi, kính trọng, cho nên trước mặt đồng bào Việt-Nam mà chàng cho là « quê mùa », chàng rất tự-cao tự-dại.

Hôm nay đi cưới vợ, được sánh duyên với cô Ba Hội, chàng thanh-niên Lê-văn-Thanh lại càng kiêu-hãnh hơn.

Họ nhà trai đã đến trước ngõ nhà gái. Năm chiếc xe-kéo hạ gong, để khách bước xuống. Lê-văn-Thanh cũng xuống ngựa. Trong sân ông Bá Hộ, nổ lên ba tiếng pháo tre, kêu chát-chúa : « Ầm !.. Ầm !.. Ầm !.. » y như ba tiếng súng đại bác. Thời bấy giờ các phong pháo bọc bằng giấy, chưa được lưu-hành và thông dụng như ngày nay. Ba tiếng pháo tre chào mừng vừa dứt thì họ nhà trai bước vào ngõ. Đàn ông đi trước, đàn - bà đi sau, hàng một, theo thứ tự như đây : trước hết là ba người dân làng gánh ba đôi xiềng đựng các lễ vật, gọi là sinh-lễ, rồi đến ông mai-dong, ông Hương-Cả thân-sinh Thầy Ký, ông chú, hai ông cậu, bà Hương-Cả, bà thím, hai bà mợ. Sau cùng là Lê-văn-Thanh. Họ nhà gái ra sân đón mừng, và mời vào nhà. Sinh-lễ được bày ra trên phản trải chiếu lát, trước

bàn thờ ông bà : một cái đầu heo luộc, (1) trên hai tai heo có dán hai miếng giấy hồng đơn, đồ tươi và vuông vức, một quả đựng gạo nếp trắng tinh, một quả đựng 200 trứng vịt, bốn chai rượu Tây (rượu chát đỏ), bốn chai rượu « An-nam », một chục gói trà Tàu, một quả đựng đậu xanh, một quả đựng bốn cục đường bông trắng mịn, một quả đựng 200 lá trà tươi, và một buồng cau tươi độ 60 trái, bốn quả bánh gồm đủ các thứ bánh in, bánh dẻo, bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh hạt sen, bánh thuẫn, bánh da heo, bánh bò, bánh ít.

Đồ nữ-trang thì đã trao trước, theo sự đòi hỏi của nhà gái : một chiếc kiềng, một đôi hoa tai, một đôi xuyên, tất cả đều bằng vàng y, một chuỗi ngọc và một chiếc trâm bằng bạc nạm vàng. Lúc bấy giờ phụ nữ Việt-Nam chưa đeo nhẫn. Một đeo « cà-rá », và nhẫn bắt chước theo Tây, mới thịnh hành từ khoảng năm 1920-21, trong giới trường giả, từ 1930-31 trong các giới bình dân. Từ 1935-36, nhiều người bắt đầu đeo plaque (chiếc lặc) vàng, hay bạc.

Một người trong họ nhà gái đã

thắp đèn, hương, trên bàn thờ ông bà. Xong, ông Bá Hộ Nguyễn-văn-Thành mặc áo rộng xanh, trịnh trọng ra đứng trước bàn thờ khấn vái. Ông khấn lầm bầm trong miệng, như sau đây :

— « Bữa nay là ngày lành tháng tốt, con, là Nguyễn-văn-Thành, xin dâng lễ mọn, cáo với vong linh Ông Bà cha mẹ, cho tiện nữ là Nguyễn-thị-Hội, gá nghĩa trăm năm với Lê-văn-Thanh, Thông ngôn ở tòa quan Công-sứ, xin lay Ông Bà cha mẹ cho hai đứa nó tác - thành gia-thất. Xin vong-linh hiền-thê cũng chứng giám cho và phù-độ cho vợ chồng nó được thuận - thảo, vui vầy duyên cầm-sắt. » Ông Bá-Hộ lay bốn lay. Xong, ông gọi con gái của ông ở trong buồng nhà giữa :

— Con Ba đầu, ra đây, con !

Trong buồng the, có tiếng đáp run-run, và nhỏ nhẹ :

— Dạ.

Tất cả những cặp mắt đều đổ dồn ra cửa giữa, chờ ngó cô dâu. Cô từ trong buồng bước ra, chậm-

(1) Ngoài Bắc, nhiều nơi để nguyên một con heo quay.

rãi và e-lệ. Cô đẹp lộng-lẫy, tuy đẹp rất tự nhiên, không má phấn môi son, không kẻ lông mày, vì phụ-nữ 1910 - 1920 chưa dùng son phấn và bút chì than. Cô mặc ba lớp áo lụa, dài không quá đầu gối, ngoài là áo hàng xanh lục, (1) trong là áo hàng màu hồng, trong hết là áo hàng màu xanh da trời. Toàn là hàng trơn, không có dệt hoa như ngày nay. Màu vàng của Vua, ở thời-đại Quân-chủ, bị cấm hẳn, quan cũng như dân, đàn ông như đàn bà, không ai được dùng trong y-phục. Cô mặc quần đen bằng vải « trắng dằm ». Quần trắng lúc bấy giờ đàn bà con gái đứng đắn không được mặc. Trên búi tóc xức dầu dừa, lóng mướt và thoảng một mùi thơm mát dịu, cô Ba cài chiếc trâm bạc nạm vàng. Cô đeo chiếc kiềng vàng (2) quanh cổ, chuỗi ngọc thông xuống đến ngực, hai cõ tay đeo hai chiếc xuyên vàng. Ngực của cô vì mang chiếc yếm bó chặt vào mình nên không phồng lên như ngực các cô đời nay. Cô nhuộm hàm răng đen - nhánh như những hạt măng - cầu. Cô đi chun không. Thời bấy giờ phụ nữ ít mang guốc, hay giày. Năm 1924-25, đa số nữ sinh đã lớn tuổi,

học lớp nhất, đến trường vẫn còn đi chun không.

Nhưng cô Ba Nguyễn-thị-Hội « đẹp chim sa cá lặn », « đẹp đồ nước nghiêng thành », theo lời khen ngợi của mọi người trong tỉnh. Cô thẹn thùng, e-lệ, thong thả bước gót sen vào. Lê-văn-Thanh đứng vòng tay cạnh hương án, cúi đầu, không dám ngược mặt lên nhìn vợ. Ông Bá-Hộ bảo cô chào ông cha chông-bà mẹ chông và hết thấy mọi người bên họ nhà chông hiện diện. Cô cúi gục đầu xuống, chấp hai tay trên ngực, nói rất nhỏ:

— Thưa Cha... thưa Mẹ...
thưa Chú...

Xong, ông bảo:

— Bây giờ con với chông con
lạy Ông Bà.

Lê-văn-Thanh và Nguyễn-thị-Hội, cả hai đều cúi đầu, không ai dám ngó ai, cùng bèn lên, bước đến trước hương án, và cùng lạy. Trong lúc chàng phủ-phục, bình thân, bốn lần như thế, thì nàng ngồi xuống chiếu, hai chân co lại dề một bên, cúi

(1) Màu xanh lá-cây.

(2) Các cô nhà nghèo đeo kiềng đồng, hoặc kiềng bạc.

minh xuống lạy bốn lạy, đứng dậy vái bốn vái.

Rồi lễ Ông Bà, hai vợ chồng mới còn phải lạy cha mẹ vợ và cha mẹ chông. Ông Bá-Hộ, ông Hương Cả và Bà Hương Cả ngồi trên ba chiếc ghế kê hai bên hương-án. Cô dâu và chú rể cùng lạy mỗi vị phụ mẫu ba lạy.

Lễ cưới đã xong. Họ nhà trai chỉ ăn bánh uống nước rồi xin rước dâu đúng giờ Mùi, lúc mặt trời vừa xế bóng.

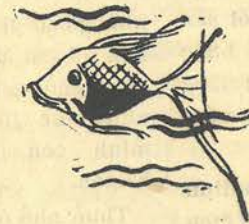
Trong buồng, cô Ba thút-thít khóc trên chiếc phản gỗ của cô nằm từ nhỏ đến giờ. Cô khóc vì

cô sắp sửa từ-giã nhà cô. Thăng em trai độc nhất của cô, cũng ôm chân cô khóc nức nở. Nó còn bé lắm, chẳng hiểu chuyện gì, nhưng thấy chị của nó khóc, nó cũng mũi lòng khóc theo thế thôi. Cô Ba Hội lấy cho nó một nắm xôi và cho nó ăn, và vuốt ve đầu nó. Nó ăn xôi ngon quá, hết khóc liền, nhưng mũi dãi còn chảy lòng thòng...

Ngoài sân, có tiếng ông Bá-Hộ gọi to:

— Con Ba dâu, ra đi, con !...

(Kỳ sau tiếp)



* Thí dụ

Giờ toán học thầy giáo giảng:

— Một trái cam giá 5\$. Nếu người kia mua 10 trái thì phải trả 10 lần nhiều hơn tức là 50\$. Vậy trò A hãy lấy thí dụ khác xem có hiểu không?

A đứng dậy đồng-đạc:

— Một chiếc xe hơi chạy từ Mỹ-tho lên Saigon mất 5 giờ, nếu có 5 chiếc chạy như thế thì phải mất 5 lần nhiều hơn. Tức là 25 giờ sau sẽ đến Saigon ư.

NHI-HUYỀN (Long An)

MỘT CÂY LỬA SẼ MỌC LÊN

★ NGUYỄN-PHÚ-TÍNH

CHUYẾN xe lửa Huế — Sài Gòn từ từ chuyển bánh rời ga Huế. Sự nhộn nhịp của một sân ga cùng cảnh chia ly bắt buộc phải có làm cho tôi quên lãng được phần nào nỗi thắc-mắc, lo âu trong lòng.

Thật vậy, hôm nay, gia đình tôi vào Sài Gòn với một mục đích duy nhất : thăm cha tôi.

Trong bức thư chót, cha tôi cho hay ông vừa suýt chết sau một cơn đau tim. Bây giờ ông đã bình phục và, cũng theo trong thư, cha tôi đã có thể bách bộ mỗi ngày được vài giờ.

Nhưng không hiểu sao, lần này, linh tính báo cho biết là nếu tôi không vào thăm thì chắc

chấn chẳng bao giờ tôi gặp lại cha tôi nữa.

Ngồi trong toa xe vắng, mắt lơ đãng nhìn cảnh vật chạy thụt lùi về đằng sau, tôi nghĩ đến cha tôi hiện đang sống lẻ loi tại Sài Gòn. Đã lâu lắm, có đến 10 năm nay, vì sinh kế tôi phải rời bỏ mái nhà thân yêu ra Huế

làm việc. Từ đó đến nay, ngoài những khi viết thư hỏi thăm, không bao giờ tôi còn nghĩ đến cha tôi cả. Mãi lẫn lộn với đời cùng sản sóc con cái, thú thực, nhiều lúc tôi không nghĩ đến mình còn một người cha ở Sài Gòn.

Thuở nhỏ ông thương tôi nhất nhà vì theo lời ông bảo, tôi giống ông nhất. Ngược lại, tôi cũng đã dành nhiều cảm mến xen lẫn kính phục cho người đã sinh ra tôi.

Lớn lên, người vẫn thương tôi, nhưng không hề nói ra. Chúng tôi rất ít gặp nhau và có lẽ cha con không còn «tâm sự» gì với nhau nữa. Nếu vì một sự tình cờ nào đó, chúng tôi ngồi

MỘT CÂY LỬA SẼ MỌC LÊN

đối diện nhau thì cũng không ai nói với ai một lời nào cả. Cha con trở nên ngượng lẩn nhau, hay ít nhất tôi nghĩ như thế. Thỉnh thoảng, để phá bầu không khí quá trang nghiêm, cha tôi hỏi tôi về sự học, về bè bạn và bao giờ cũng kết thúc bằng câu : «Coi chừng đời đấy con nhé ! »

Lâu dần, những cuộc «đàm thoại» như trên cũng ít đi, thưa thớt dần và mấy năm sau này bầu như không còn nữa, tuy sớm tối chúng tôi vẫn gặp nhau trong những bữa cơm thường lệ.

Nhiều lúc, tự cảm thấy cô độc quá và đôi khi đứng trước một vấn đề khó giải quyết, tôi có ý định gặp cha tôi để hỏi ý kiến hoặc chuyện trò. Nhưng bao giờ cũng vậy, cứ bước gần đến phòng làm việc của cha tôi là tôi lại thấy ngại ngùng, ngượng ngập làm tôi không tiến lên được. Và tôi chắc lười, quay gót lui, tự hẹn đến lần sau.

Sự lẩn lữa này làm tôi khổ sở và trở nên khó tính, quạu quạu. Tôi đâm ra khinh cả tôi, ghét cả tôi và đôi khi cũng oán cả cha tôi.

Nhiều khi tôi tự hỏi : «ông có quá nghiêm khắc không ? Ông có còn thương tôi như dạo nhỏ hay hết ? »

Những câu hỏi này lúc nào cũng nhảy múa trong đầu tôi, và vì không thể trả lời, nhiều lúc, tôi bất chợt thấy chính mình đang rình rập cha mình.

«Đề làm gì cơ chứ ? » Tôi đã mắng tôi là thằng hèn và như đề thúc dục, tôi tự bảo : thì cha mà đó chứ ai mà sợ. Không ! ngàn lần không ! Tôi không sợ cha tôi, nhưng không hiểu sao tôi không thể nào gần gũi cha tôi như thuở nhỏ. Gặp nhau, cha tôi mỉm cười nhìn tôi, và tôi xấu hổ, mặt đỏ lên và cúi gằm xuống. Vào đến phòng riêng, cơn giận sôi lên, tôi lại tự mắng thậm tệ và lại hẹn lần sau sẽ...

Nhưng những lần sau này chẳng bao giờ đến cả.

Tình trạng khủng hoảng này kéo dài mãi cho đến khi tôi phải dời ra Huế.

Đến đó mãi và sau ba, bốn lần ngập ngừng, ngập ngừng ngoài cửa phòng cha tôi, tôi đành hăng và vụng dại bước vào.

Không bao giờ tôi quên được cuộc gặp gỡ này. Nó gần như ăn sâu trong tiềm thức và đến bây giờ tôi còn nhớ rõ cả sự im lặng đến đau cả đầu, ừ cả tai của căn phòng.

Cha tôi ngồi nơi bàn giấy đang viết lách gì. Nghe tiếng động, người ngừng đầu lên và khi nhận ra tôi, một ánh ngạc nhiên thoáng hiện trong con mắt, chỉ một thoáng thôi rồi người đứng dậy, mỉm cười, tay gỡ mắt kính, tay giơ ra chỉ chiếc ghế kê trước bàn ra dấu bảo tôi ngồi.

Thân hình tôi run lên, nhưng lạ thay, đầu óc nóng bỏng của tôi lúc bấy giờ bỗng dịu hẳn xuống. Thân thể tôi bỗng nhẹ nhõm. Bao nỗi thắc mắc, bao nỗi vò xé của lương tâm tự nhiên tan đi, tan đi nhường chỗ cho sự thân mật, sự sung sướng như khi xưa gần cha tôi hồi nhỏ.

Chúng tôi nhìn nhau, mỉm cười. Một sự thông cảm hoàn toàn khiến tôi có thể ôm cha tôi mà hôn như khi còn nhỏ được.

Tôi thông thả trình bày việc

phải đời ra Huế. Chúng tôi nói chuyện với nhau lâu lắm và cười rộ lên mỗi khi gặp một câu chuyện hững hờ.

Rồi đột nhiên, khi không, chúng tôi lại im lặng. Trời ơi! Tôi khẽ kêu lên. Óc rối loạn, tôi cố tìm một câu gì để đánh tan sự im lặng, nhưng cổ tôi như tắc lại, ngực như muốn vỡ ra và tôi vẫn vụng dại ngồi im.

Run lẩy bẩy, tôi đưa điều thuốc lên môi hít một hơi dài và từ từ nhả khói. Thấp thoáng qua khói thuốc, tôi thấy cha tôi nhìn tôi, mỉm cười và cũng từ từ đưa điều thuốc lên môi hút y như tôi hút trước đó.

Bỗng rồi một cái gì như một nhát búa đập mạnh vào óc tôi khiến tôi hiểu hết mọi việc.

Thì ra tôi đã lớn. Lớn lên mà không hay. Lớn lên nhưng tôi vẫn ích kỷ vì ngu dốt bất cha tôi phải thương tôi như hồi còn nhỏ. Tôi vẫn muốn cha tôi an ủi tôi, săn sóc tôi như khi tôi còn là một thằng bé con, trong khi tôi đã đến tuổi tự lập, phải lăn lóc với đời.

«Coi chừng đời con nhé!» Câu này được nhắc đi nhắc lại hàng chục lần ở cửa miệng cha tôi mà tôi vẫn không hiểu, nhưng nay, việc cha tôi lặp lại cử chỉ hút thuốc ngầm bảo cho tôi biết là người đã coi tôi như một người lớn, ngang hàng với cha tôi.

Thoảng trong một giây, tôi hiểu rõ tất cả sự vô-lý của mình, Cha tôi ngồi trước mặt tôi, mỉm cười nhìn tôi qua đôi mắt thông minh lấp lánh sau cặp kính trắng.

Hơn hết thầy lúc nào, tôi cảm thấy «gần» cha tôi bằng lúc này.

Tôi vụng dại đứng dậy, nước mắt ứa ra, tôi hấp tấp nắm lấy tay cha tôi, miệng lắp bắp: «Thưa thầy... con đi...» Rồi tôi vụng chạy về phòng mình, thoáng thoáng còn nghe lời người dặn: «coi chừng đời con nhé!»

Hơn 10 năm qua đi cùng biết bao sự thay đổi. Tôi đã lập gia đình, con cái đã đến tuổi đi học và tôi cũng đang bước dần đến sự già nua, tuổi tác.

Tôi định bụng chuyến này vào thăm người, tôi sẽ nói rõ cho cha tôi biết tôi yêu người,

kính người biết bao và sẽ gọi lại những kỷ niệm hồi thơ ấu sống cạnh người.

Ý nghĩ này ám ảnh tôi suốt một ngày một đêm trên đầu.

Nhưng mà, khi gặp cha tôi ngoài sân ga và sau câu hỏi han thường lệ, hai cha con lại im lặng như xưa, thuê xe về nhà, không ai chịu nói với ai một lời nào.

Tối hôm đó, vợ con tôi đi ngủ ngay, tôi bắc ghế ra ngoài hiên uống nước với cha tôi.

Mảnh trăng non lơ lửng trên ngọn cây không đủ để soi sáng khu vườn.

Chúng tôi vẫn im lặng. Liếc nhìn người, tôi thấy hình như người đang nghĩ ngợi gì, thỉnh thoảng ánh lửa của điều thuốc lại cháy sáng trên môi.

Tuy không nói gì, nhưng trong thâm tâm tôi muốn nói với cha tôi rằng: «Thầy ạ! mười mấy năm trời xa cách bây giờ mới gặp lại Thầy con sung sướng quá. Nhân tiện đây, con xin nói rõ tất cả những gì mà Thầy đã làm cho con kể từ khi con còn nhỏ...»

Nhưng tôi vẫn im lặng, và

lại thấy cũng ngại ngại. Ai lại đã gần 40 tuổi rồi mà còn ngồi kể những kỷ niệm thời thơ ấu với một ông già gần 70 tuổi.

Tuổi trẻ sống đề tạo ra những kỷ niệm và về già người ta sống vì kỷ niệm, với kỷ niệm. Có lẽ vì thế, giờ đây cha tôi đang sống với mở kỷ niệm mà người đã tạo được trong suốt thời kỳ trai trẻ của người.

Tôi muốn nói to, kể với cha tôi những kỷ niệm mà chúng tôi đã sống bên nhau, nhưng kỳ lạ thay, bao dự định tiêu tan cả và tôi vẫn yên lặng, thỉnh thoảng lại nhìn trộm người y như khi xưa tôi đã nhìn trộm người qua khe cửa.

Trăng đã lặn. Trời tối mờ mờ, cây cối chỉ còn là những hình khối đen xám và chuyển động mỗi khi cơn gió nhẹ thoảng qua. Sương bắt đầu xuống lạnh lạnh.

Trong cái yên lặng của đêm về khuya, cha con vẫn im lặng ngồi bên nhau, không ai nói một lời. Và cả cho đến khi cha tôi vào nhà nghỉ, tôi vẫn ngồi trên ghế, cảm nín...

Những kỷ niệm hồi thơ ấu dần dần hiện ra như phim chiếu trên màn ảnh...

Ngày trên chiếc ghế đá này,

hồi tôi lên bảy, nghĩa là bằng tuổi thằng Tuấn, con đầu lòng của tôi. Cha tôi vẫn thường cho tôi ngồi cạnh người, tay quàng qua ôm lấy vai tôi và luôn mồm kể cho tôi nghe cách trồng cây hoặc cách sinh sống của loài chim...

Xa hơn nữa, ngay gần cổng ra vào, cho đến bây giờ tôi còn «thấy» rõ được việc xảy ra cách đây 30 năm...

Đấy là một buổi chiều mưa rào rích... Sau khi « ăn » 3 roi quần dít của mẹ tôi về tội hỗn láo, tôi khóc tức tưởi, lủi thủi đi trong mưa ra đứng ngoài cổng chờ cha tôi. Trong thâm tâm, tôi muốn nhờ trận mưa làm cho tôi bị cảm, phát sốt lên rồi chết đi để trông tượng mẹ tôi phải khóc suốt suốt vì tôi cho hả giận. Nghĩ đến chết, tui thân quá tôi càng khóc to hơn, không biết nước mắt hay nước mưa chảy nhiều hơn trên hai má bánh dúc của một thằng bé con 7 tuổi đang giận mẹ ?

Ngay lúc đó, chuông xe đạp ba tôi leng-keng ngoài đầu đường. Không ngần ngại gì, tôi ủa ra giữa đường mồm khóc to và ôm choàng lấy chân cha tôi khiến suýt nữa cha tôi ngã đè lên tôi.

Cha tôi nhẹ nhẹ đẩy tôi ra để dắt xe, nhưng gặp được cha

tôi và nóng lòng tìm một an ủi nơi người vẫn hằng yêu thương mình, tôi cứ bám chặt lấy đùi cha tôi mà khóc to, khóc nức nở, đôi chân bé bỏng đập liên hồi xuống vũng bùn lầy.

Cha tôi vút xe sang một bên đường, cúi xuống bế tôi lên, hôn vào đôi má ướt sũng nước mưa và nước mắt của tôi rồi chạy vào nhà. Ngang qua phòng khách tôi còn nghe tiếng mẹ tôi nói mát : « ừ... ừ... thật bố con không rời nhau nữa được... »

Đêm hôm ấy tôi lên con sốt mê man... Giữa hai con mẹ, mở mắt ra tôi chỉ chập chờn bắt gặp khuôn mặt đầy lo âu của cha tôi cúi sát xuống mặt tôi...

★

Có tiếng ai mở cửa sổ trong nhà và tiếng vợ tôi nói vọng ra, giọng đầy ngái ngủ : khuya rồi... anh còn ngồi ngoài sương... nhờ bị cảm thì khốn...

Tôi ủa oải đứng dậy vào nhà. Dưới ánh đèn đêm lọc qua cái chao tỏa ra một ánh sáng xanh nhạt, thằng Tuấn con tôi đang ngủ ngon lành trên chiếc giường con, chiếc giường ngày trước tôi vẫn ngủ khi còn nhỏ.

Tôi nhẹ nhàng tiến lại giường nó. Đưa trẻ ngủ say, nằm sấp, hai tay ôm lấy gối mặt quay ra ngoài. Lại vẫn cái kiểu ngủ của tôi khi nhỏ. Tự nhiên, tôi giờ tay nhẹ nhẹ đỡ nó nằm ngửa ra. Nó tỉnh dậy thấy tôi, mỉm cười.

Tôi vuốt tóc nó, âu yếm nói : « ngủ đi con ».

Ô lạ kìa ! — hình như câu nói này tôi đã từng được nghe nhiều lần ở một người khác.

Thốt nhiên, tôi chợt nhớ câu nói trên là của cha tôi nói với tôi mỗi khi người vào đặt tôi nằm ngửa ra.

Nhìn đứa con, hiện thân của tôi 30 năm về trước nay đang ngủ say sưa, tôi chợt nghĩ rằng 30 năm sau nữa, con tôi sẽ lại đứng nhìn một đứa trẻ nằm sấp ngủ và 30 năm sau nữa... 30 năm sau nữa... một chút ít cái tôi vẫn tồn tại, sinh sôi nảy nở mãi mãi...

Một hạt thóc, nếu còn sống thì chỉ là một hạt thóc, nếu nó chết đi, một cây lúa sẽ mọc lên với 1 bông lúa chứa hàng trăm hạt thóc. Thật chưa bao giờ tôi hiểu hết cái nghĩa sâu xa của lẽ sinh tồn như buổi tối hôm nay dưới mái nhà của cha tôi.

Tôi mở cửa sổ nhìn ra ngoài vườn. Đêm xuống mát lạnh. Trời đầy sao, nhấp nháy sự sống, sự sống trên trời và sự sống trên mặt đất.

Tôi sẽ thở dài, khoan khoái. Bao nỗi lo âu sợ cha tôi chết nay không còn nữa. Ông sắp hoàn thành sứ mạng của một hạt thóc và chính tôi cũng đang bắt đầu thi hành sứ mạng của mình.

Có tiếng gà gáy đầu đây... ánh bình minh sắp hé... một ngày nữa bắt đầu...



CON GẤU

★ HUỖNH ANH KIỆT

Những bàn tay to lớn này còn là những khí-cụ đáng sợ mà gấu dùng để tự vệ hay để tấn công. Với một cái vã, gấu có thể đánh phủng ngực hay làm vỡ sọ người.

NHIỀU người còn tin rằng mỗi khi gấu gặp ta là nó rụt ta để ăn thịt hay siết ta vào lòng nó cho đến ngộp thở chết. Nhưng không, bản tính gấu rất ôn-hòa. Chỉ khi nào bị thương, bị khiêu khích gấu mới tấn công người.

Gấu có thể đứng trên hai chân sau dễ dàng như người và vận dụng hai chân trước như hai bàn tay để leo lên cây kiếm mật ong và để tháo những gút dây, phức-áp.

Tất cả các loài gấu đều thính tai và đánh hơi rất giỏi. Chúng còn là những tay sành ăn nữa : những con gấu thuần-hóa đã từng nếm đường và kẹo thì nhất quyết từ chối những nấm, rễ cây là món ăn căn bản của chúng khi chúng còn ở trong rừng. Trái lại, thị giác của chúng thì kém ; nhiều lần người ta thấy một con gấu bị thương nổi xung lên chạy đến cắn xé một gốc cây hay một bụi rậm mà không thấy tên thợ săn đứng gần đấy.

CON GẤU

Trừ giống bạch-hùng ở miền Bắc-cực loài gấu nào cũng có thể leo cây. Tùy theo mùa, theo tuổi của chúng, gấu ăn những con vật nhỏ, ăn cá hay ăn trái cây. Cho đến bạch-hùng là giống chỉ thích có thịt sống cũng lắm lúc ăn cả rong bèo.

Thường thường gấu đi nước kiệu, khi muốn tăng tốc-độ thì nó nhảy, nhất là khi xuống dốc một ngọn đồi ; mặc dầu có thân hình phức-phịch nặng-nề gấu nhảy lẹ phi thường đến chóc cũng khó trượt theo kịp.

Gấu nhớ dai, biết dùng mưu-mẹo để kiếm những thức ăn và đôi khi nó còn tỏ ra có tài khôn-hài nữa. Gấu là một trong những con vật thông-minh nhất.

1. — Gấu nâu (brown bear)

Người ta gặp gấu nâu ở nhiều nơi bên Âu-châu, ở Nga, ở Lapô-ni, ở Tây-bá-lợi-Á, ở Tây-Tạng.

Mặc dầu mang cái tên tông-quát là gấu nâu, chúng khác nhau ở vóc-giác, ở màu lông. Có con có bộ lông vàng vàng, có con có bộ lông hung-hung, xám xám hay đen hần. Gấu đực, đứng trên hai

chân sau như người, có thể cao đến 2 thước rưỡi và nặng từ 200 đến 400 kí-lô. Gấu cái thì nhỏ hơn, thân hình thon hơn, ít khi nặng trên 200 kí-lô.

Gấu nâu là một nhà hiền triết thích ăn-dật, ít khi rời khỏi khe núi thâm-u mà nó chọn làm nơi ăn-trú để giao du với bạn bè. Trừ ra một trường hợp, khi tính năng thức đầy nó đi tìm một bạn loan.

Vào đầu mùa xuân, gấu đực gầm lên những tiếng kêu âm-ĩ để gọi tình yêu và gấu cái cũng rống lên y như thế để đáp lời lại. Rồi cặp tình nhân định hướng để tìm nhau, rồi núi rừng trở lại lặng-lẽ như trước. Ít khi người ta thấy có sự tranh giành tình yêu giữa các con gấu đực. Người ta đã xác định cử-chỉ đứng đắn này của những con gấu đực nuôi dưới hầm : bị tình nhân hôm trước phụ bạc, chúng không tỏ vẻ gì ganh-tị và không bao giờ khuấy-phá kẻ đến sau.

Trong rừng, sau tuần trăng mật ngắn ngủi, gấu thờ-ơ ra đi sống lại cuộc đời cô-tịch, để mặc cho bạn loan mang nặng đẻ đau.

Sau thời gian mang thai, lâu từ 8 đến 9 tháng, vào tháng

chạp, gấu cái đẻ hai hay ba gấu con, trong số này luôn luôn có một con cái và một con đực. Mới lọt lòng mẹ, gấu con là một viên tròn đen, mù lòa chưa thành hình, không to hơn con thỏ rừng, nghĩa là lối 600 lần nhỏ hơn gấu mẹ. Gấu sơ-sinh được mẹ liếm suốt ngày một cách sốt sắng. Vì thế thành ngữ Pháp có câu « gấu liếm không sạch » (ours mal léché) để chỉ một người thô-kịch, xấu xí.

Lúc bảy giờ cũng là thời kỳ đông miên và chính trong hoàn cảnh khó khăn này mà gấu mẹ tuy không ăn không uống, phải cho con bú trong ba tháng trường.

Lông gấu con mọc lên rất nhanh chóng, hai sọc trắng nổi lên lại thành hình chữ V chạy dài lên đến hai vai của nó. Cái vòng cổ này biến mất khi gấu trưởng thành.

Cuối tháng ba, gấu mẹ dắt con rời khỏi nơi ăn trú để đi kiếm ăn. Điều lạ lùng là gấu mẹ thường tìm lại được đừa con lứa trước của nó, giờ đã hai tuổi, để nó giúp sức mẹ nó chăm nom hai đừa em còn bé. Và cả ba, nếu không khôn ngoan, thường bị mẹ chúng thường cho những cái tát tai đích

đáng. Những cái tát tai răn phạt này chứng tỏ lòng sốt sắng của người mẹ muốn cho các con ngoan ngoãn và sống hòa thuận nhau. Trong lúc này, nếu thấy có bóng người bên-mạng đến, gấu mẹ sẽ lấy tay vệt bầy gấu qua một bên, ra dấu cho chúng đứng yên một chỗ, đoạn nó sấn-sò chạy ngay đến kẻ cả gan len-lỏi đến địa phận nó, đứng thẳng người lên, hít mũi, nghe âm-ĩ và nhe răng nó ra trông rất ghê sợ. Nhưng nếu kẻ ấy bình-tĩnh, không tỏ vẻ gì chống cự lại nó thì nó bỏ đi mà mồm vẫn còn gặm-gù như hâm-dạ.

Vào đầu mùa thu, gấu đã lo dự phòng thời-kỳ đông-miên của nó, và luôn luôn dọn về ở trong hang đã chọn lựa sẵn, trước khi tuyết bao-phủ mặt đất bằng không dấu chân của nó sẽ in trên mặt tuyết và chỉ đường cho người thợ săn tìm đến nơi ăn-trú của nó. Và từ trước, nó cũng đã lo tìm ăn một thứ cỏ để lọc rửa hết ruột gan của nó và tiết ra một chất cứng đóng bít trục-trường của nó lại. Nhờ cái nút này gấu, có thể sống trong ba tháng mà không ăn uống gì cả, Nếu hang nó ngập nước hay nếu nó đánh hơi thấy sự nguy-hiểm, gấu

đi tìm một nơi ăn-trú khác để tiếp-tục giắc đông-miên, cái nút quý-báu trong ruột nó vẫn còn nguyên. Trái lại nếu nó bị bầy chó hay người thợ săn rượt hoặc trong trường-hợp nó bị bắt-buộc phải ăn uống, ruột nó sẽ cử-dộng lại và cái nút bít kín trục-trường nó sẽ bị tống ra. Rồi con vật sẽ ốm lặn, nó không thể tiếp-tục giắc đông - miên và phải sống một cách bấp-bênh khổ sở, đợi cho đến mùa xuân tới. Và chính trong trường-hợp này mà gấu, trước kia là một con vật ôn hòa chỉ biết ăn cây trái, nay trở thành con vật ăn thịt sống, lang-vàng ở những nơi có người ở để giết những bầy gia-súc.

Trong thời-kỳ đông-miên, gấu cái cũng giữ bên cạnh nó hai gấu con sinh trong năm, luôn cả gấu con sanh hai năm trước, nếu có. Qua xuân sau, khi gấu con đã được 15 tháng, gấu mẹ sẽ để chúng ra sống cuộc đời riêng biệt của chúng rồi mới nghĩ đến chuyện tái hôn. Hai năm một lần, gấu cái mang nặng đẻ đau và như thế từ lúc mới bốn tuổi cho đến lối năm mươi là mức tối-đa của đời sống nó.

Món ăn căn bản của gấu là cỏ,

rễ cây, nấm. Nó rất thích lúa, bắp, quả dẻ rừng, dưa hấu, đậu tây, nho. Là tay đánh cá có biệt tài, nó thường đến dòng suối để rình bắt những con cá, tôm, rùa. Nhưng không có món ăn nào cảm dỗ nó một cách hiệu quả hơn là mật ong. Khi gặp một ổ ong mật, tức khắc nó leo lên cây, xé tổ ong ra và nuốt cả mật lẫn ấu trùng, bắt chắp bầy ong thợ hăm hở bu đến đốt nó. Mặc dầu mồm còn nhức buốt, đôi mắt còn sưng húp gấu ta không ngần ngại đương đầu cho bầy ong thợ đốt lần thứ nhì nếu gặp mật ngon.

Khi trở về già gấu lại thích ăn thịt sống nhất là thịt trư. Tuy nhiên nó cũng không do-dự tấn công những con ngựa, bò và cả heo rừng nữa. Gặp người, nó chỉ gặm-gù, nhe răng nó ra rồi chậm-rãi bỏ đi nơi khác. Người ta có kể lại nhiều trường-hợp gấu già bộ tấn công đoàn người hái nho, đậu tây hay lê rừng làm cho những người này hoảng - hốt chạy tán-loạn bỏ lại những rổ trái ngon lại cho nó.

Nhưng nếu bị tấn-công trước, gấu là một kẻ địch đáng ghê-sợ. Chỉ có người bị nó giết rồi hay già chết mới làm người con phần nộ của nó. Giết được kẻ địch,

gấu chôn sơ-sài xác chết rồi bỏ luôn chớ không bao giờ ăn thịt người chết.

Ở Nga, người ta chỉ săn gấu vào mùa đông, thời - kỳ mà bộ lông nó đẹp nhất. Tìm được hang gấu, người ta thả những bầy chó « Laiki » ra để quấy nhiễu nó. Trong lúc gấu phải đương đầu với bầy chó, người thợ săn có thể đến gần con vật để bắn vào nhược điểm nó.

Gấu nâu, bắt được ngay từ lúc nó còn nhỏ, rất dễ thuần-hóa và dễ tập luyện. Nó tỏ ra là một con vật khôn-ngoan, ranh-mảnh và trung-tín với chủ.

II. - Gấu Mỹ - Châu

Trong các loài gấu, và cả các loài vật ăn thịt sống, gấu xám ở Mỹ-châu (grizzly bear) là con vật lớn nhất, lớn bằng hai những loài gấu nâu ở Âu-châu và Á-châu.

Ở Alaska người ta thường gặp những con gấu dài đến 3 thước rưỡi, nặng từ 500 đến 700 kí-lô. Đặc-diểm và tính tình của nó không khác loài ở Âu-châu mấy.

Điều lo âu của gấu cái sau khi sinh sản là làm thế nào để giấu những đứa con của nó cho gấu

đực không tìm ra được. Người Alaska không khỏi mỉm cười khi nhìn vào những bức tranh miêu-tả gấu mẹ từng giỡn với mấy con gấu con dưới đôi mắt âu-yếm của cha chúng. Sự thật là gấu đực, con vật sát-nhi này, không thích gì hơn là xé thây những đứa con nó để ăn thịt.

Gấu xám không leo cây được nhưng chạy nhanh không thua gì beo. Khi nó nhất quyết tấn công, ít có người thoát khỏi nó và ông Olie Olsen ở Juneau có thể chứng thật điều này. Một hôm đi câu về dọc theo ven rừng, ông thấy một con gấu con bên lề đường. Không cần suy nghĩ, ông đến lượm con vật bé con ấy định đem về nhà nuôi. Nó sợ hãi thét lên và từ trong một lùm cây gần đấy vang lên một tiếng gầm rừng rợn.

Olsen lập tức liệng gấu con xuống đất và chạy đến một cái cây gần đó nhất. Gấu mẹ dùng chân lại để tát nhẹ con nó một cái và cái phút tri-hoãn này đã cứu mạng Olsen. Gấu mẹ, sau khi tát con một cái, bèn bỏ nó lại đó để rượt theo Olsen và khi nó bắt kịp thì Olsen đã leo lên cây rồi, hai tay ôm chặt lấy một cành lớn, hai

chân còn lờng thòng khỏi mặt đất độ bai thước rưỡi. Gấu chồm lên, cần được gót giày của Olsen, và kéo mạnh xuống. Chiếc giày không sút ra vì Olsen buộc quá chắc. Gấu kéo mạnh nữa, lần này chiếc giày rời ra và xương háng của Olsen cũng trật luôn. Gấu cắn xé chiếc giày ra từng mảnh rồi mới trở lại dặt con vào rừng. Sau một lúc lâu, Olsen mới dám tuột xuống, lết ra bờ lộ cái và nằm đó mà chờ người đến tiếp cứu.

Không bị khiêu khích, đôi khi gấu cũng giả-vờ tấn công để làm cho người sợ chơi chớ không có ác-ý gì cả. Trong hai mươi năm gần gũi với các loài gấu xám và gấu nâu ở Alaska, ông Clarence Rhode, giám-đốc một sở ngư-nghiệp ở Alaska, không bao giờ lùi bước khi ông gặp chúng vì ông tin chắc rằng chúng không bao giờ tấn công người nếu không có sự châm-chọc khiêu-khích.

Một hôm ông ngồi quan-sát một con gấu to bên kia bờ suối. Đánh được hơi ông, gấu lội qua dòng suối và tiến về phía ông đang ngồi. Rhode đứng dậy đi nơi khác để tránh đường cho nó nhưng ông không khỏi ngạc-nh-ên thấy gấu vẫn

theo ông. Ông bước nhanh lên, nó cũng bước nhanh. Ông phát lên chạy, nó cũng chạy theo sau, cách xa ông độ 20 thước. Nếu gia-tốc-lực, nó sẽ bắt kịp ông tức khắc. Nhưng không, trên khoảng đường rượt bắt dài non hai cây số, nó không tỏ ý muốn gì thu ngắn khoảng cách biệt này. Điều ấy chứng tỏ rằng gấu chỉ muốn bông-dùa, tặng cho ông Rhode những phút kinh hồn tán đờm, có thể thôi. Nó dừng chân lại từ đằng xa với đôi mắt ranh mãnh nhìn ông Rhode hấp tấp leo lên chiếc phi cơ trực thăng đậu ở bãi bèo, đoạn nó chậm rãi trở về rừng.

Gấu không dùng chân trước để chụp cá hay hất cá lên bờ suối để rồi bắt như người ta thường tưởng nhưng nó dùng mõm nó để tấp lấy cá một cách chớp nhoáng y như những con rái vậy. Để bảo vệ những con cá hồi từ bề lên để trong những vũng nước đọng ở khe núi, hội ngư-nghiệp ở Alaska dùng dây kềm có chạy điện rào xung quanh những vũng nước ấy lại. Bị điện giật một lần là gấu tổn đến già không dám trở lại chỗ ấy để kiếm ăn. Ngoài ra những nhà nuôi gia súc ở Kodiak

còn đặt ra giải thưởng cho ai giết được gấu, nên giống vật này càng lúc càng giảm bớt. Hiện gấu xám cùng nhiều loài ác thú khác được sống thong thả trong vườn «Yellowstone Park» dưới sự bảo hộ của chính phủ Mỹ. Vườn «Yellowstone Park» rộng 8.500 cây số vuông, trong đó có cả lữ quán, khách sạn dành cho du khách, và người ta được thấy những con gấu xám lượn quanh ta, trông chúng rất nhàn rỗi, có con ra dáng nhện hót, đến ngay sân khách-sạn để xin kẹo bánh của du khách.

III.— Gấu Á-Châu

Gấu ở Tây-Tạng, Mông-châu, Diêm-diện, Nhật, Nê-pal hay ở Trung-Việt, gấu Á-châu đều có khoang cổ trắng hình chữ V, có bộ lông đen dày rậm. Nó dài độ 1 thước 6 và không nặng hơn 200 kí-lô.

Ngoài giống hắc-hùng ở Hy-mã lập-sơn là con vật man rợ đôi khi tấn công người mà không có sự khiêu khích, các giống khác đều trốn tránh người. Chỉ khi nào không tìm được trái hay rễ cây hoặc không bắt được cá, rùa hay tôm tép ở đồng suối, chúng mới tấn công những con nai, con mang.

Giống gấu chó ở Việt-Nam chúng ta là giống nhỏ hơn hết trong các loài gấu. Nó sống trên cây như loài khỉ và có thể chuyền từ nhánh này qua nhánh khác để tìm mật ong, món ăn thích nhất của nó. Khác với các loài gấu ở Âu-Châu, Mỹ-Châu và Hy-mã - lập - sơn, gấu chó không ngủ mùa đông và mỗi lần chỉ sinh một gấu con.

IV.— Gấu Bắc-Cực

Trong những vùng băng giá ư tịch gần miền Bắc-cực, nơi mà loài xạ ngưu, chồn xanh không dám bén mảng đến, người ta còn gặp được những giống hải âu và bạch hùng.

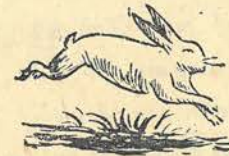
Đứng trên hai chân sau, bạch-hùng cao đến 2 th, 7; con cái, thường lớn hơn con đực, nặng không dưới 600 kí-lô. Loài gấu này thích phơi mình trên những băng-sơn, không cần biết coi những đảo nước đá này trôi-giạt sẽ đưa nó về đâu. Lợi ngang qua một eo biển rộng 50 dặm không phải một chuyện khó đối với nó.

Bạch-hùng thường núp ở giữa tảng băng để rình chụp những con hải-cẩu hay hải-mã trời lên mặt nước thờ hay đang phơi nắng trên

một băng-đảo. Cũng là tay thợ lặn giỏi như rái, nó rượt theo để bắt những con cá heo cá voi con hay bầy cá hồi, cá thu dưới bề. Trên cạn nó chạy cũng mau lắm và biết dùng mưu-chước để những con tuần-lộc, những con chồn xanh hay hải-âu. Nhưng nếu đôi khi không tìm được mồi, gấu

cũng không chê các thứ rong rêu bề.

Bạch-hùng cũng còn là những tên cướp lợi-hại hay phá cho đổ vỡ những túp lều hay trại lương-thực của các nhà thám-hiêm. Nó ăn và xé nát tất cả những cái gì nó tìm được kể cả thuốc men và vải băng.



* Người giả

Chủ nhật trời mưa, đôi bạn thân đánh cuộc chơi:

— Tôi đánh cá với anh 50 đồng: tôi cần một mắt của tôi nè Tư gặt đầu;

— Ủ. Đặt tiền ra.

Chờng tiền xong, Ba thò tay lấy con mắt trái (mắt giả) và bỏ vào miệng. Thế là Tư thua cuộc.

Còn đang ăm ức vì thua mưu thắng bạn «tử tế quá xá», bỗng nghe Ba nói: «Bây giờ anh đánh cá bao nhiêu nếu tôi cần mắt bên phải của tôi?» Tư liền đáp: vì anh nghĩ «không lẽ thắng này dui cả hai mắt sao?», ta phải gỡ mới được.

— Một trăm đồng!

Ba gặt đầu, xía tiền cọc đặt xuống bàn, đoạn anh từ từ cho tay vào miệng tháo hai hàm răng giả và đưa lên cặp vào mắt bên phải của mình.

Thế là Tư lại thua cuộc lần nữa vì không ngờ bị mắc bẫy.

Từ đó hai người không còn là bạn của nhau nữa, và để trả thù Tư, Ba đi đâu cũng rêu rao: — thắng Ba là thắng người giả-dầu. Mắt nó bằng ve, răng nó bằng nhựa, chúng mày ơi!

M Ư A SAIGON



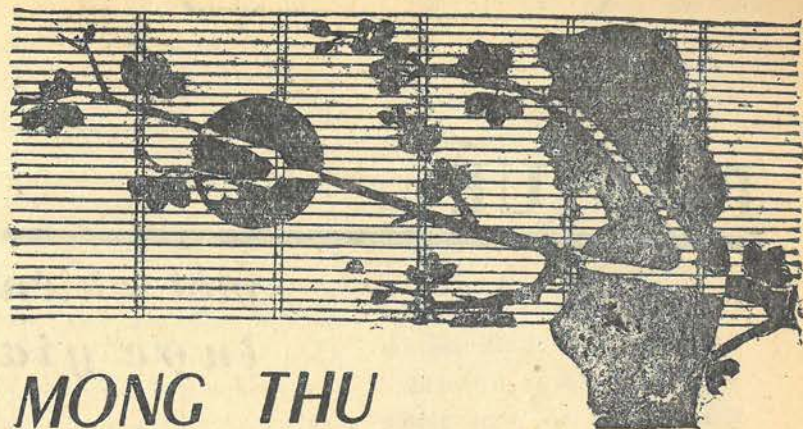
Sàigòn mưa đêm nay
Đèn trắng mờ phố dài.
Công-viên sao vắng-vẻ,
Tượng đồng lạnh hai vai.

Gió vừa cho mưa nghiêng,
Mưa dẫu sắc buồn riêng.
Thánh-đường vắng cuối phố,
Thở hồi chuông ưu-phiên.

Đường Thống-Nhất thành-thạng,
Buồn không tên vào lòng.
Tháng năm mưa nhỏ nhỏ,
Cho mình nhớ mệnh-mông.

Sàigòn mưa đêm nay,
Cho niềm riêng thêm dài
Cho đường khuya thêm vắng,
Cho mình ướt hai vai.

MY-SƠN



MONG THU

Gió vẫn chưa vàng như thuở trước,
Lòng sao gòn gợn ý phân ly.
Đã mấy mùa sang là rộn ước,
Thu sâu chưa đến vội ra đi.

Hôn mộng mơ màng thu đến thăm,
Vội vàng thu trước lướt xa xăm.
Một hôm sen úa mời thu ngự,
Ước gió thu về hôn gối chẵn !

Đôi bướm chơi vơi ngõ lá vàng
Tạnh hồn lưu luyến tiễn thu sang
Lắm thư tha thiết cầu mong lại,
Lặng lẽ hương thu quyện gió ngàn.

PHƯƠNG-ĐẠT

TÀO - UẾ

một chiến lược gia

★ THIẾU SƠN

Lỗ-Trang - Công ủng hộ công tử Cũ về cướp ngôi nước Tề. Nhưng công tử Tiểu-Bạch đã lẹ chẹn về trước mà giành được ngai vàng và tức là Tề - hoàn - Công mà chúng tôi đã nói ở nhiều bài trước.

Lỗ-trang-Công muốn trả thù về sự thất bại của mình thì Tề-hoàn-Công cũng muốn phạt Lỗ là kẻ đã ủng hộ anh mình. Hoàn-Công đem việc đó nói với Quân-Trọng thì Quân-Trọng gạt ngang : « Quân chánh chưa yên, chẳng nên dùng dẫu ». Hoàn-Công không nghe, khiến Bảo-Thúc-Nha làm tướng quân đem

quân thẳng tới Trường-câu mà phạt Lỗ.

Lỗ-trang-Công hỏi trọng thần là Thi-Bá : « Ta giận nước Tề thái thậm, ý muốn đem binh phạt mà chưa kịp làm. Nay Tề hầu lại kéo quân qua đánh nước ta, thật là khi ta quá chừng, phải làm sao mà cự với nó đây ? ». Thi-Bá nói : « Tôi xin tiến cử một người đủ tài, đủ trí mà cự địch. Tôi có quen một người ở ẩn tại làng Đông-Bình, tên là Tào-Uế, tự nhỏ đến lớn chưa ra làm quan nhưng kinh luân thao lược gồm đủ. » Trang-Công khiến Thi-Bá vời Tào-Uế. Tào-Uế cười mà rằng : « Người ăn thịt còn lo không nổi thay, huống chi là

đưa ăn rau ». Thi - Bá nói : « Ăn rau mà có tài thì cũng đáng ăn thịt vậy ». Thi-Bá dắt Tào-Uế đến ra mắt Trang-công.

Tào-Uế hỏi Trang - Công : « Chúa-công dùng điều chi để thủ thắng ? »

Trang-Công đáp : « Ăn và mặc không dám yên hưởng một mình, vẫn chia đều cho mọi người ». Tào-Uế thưa : « Ổn huệ nhỏ, chưa ban bố khắp nơi, chắc dân chưa theo ». Trang-Công đáp : « Sinh-vật và ngọc lụa để cúng tế, tuy không nhiều nhưng lòng vẫn thành-tín ».

Tào-Uế thưa : « Tín nhỏ chưa đủ, chắc Thánh thần chưa ban phúc ». Trang - Công đáp : « Ngục tọng lớn nhỏ tuy không năng xem xét, nhưng vẫn trọn tình ». Tào-Uế thưa : « Như vậy có thể giao chiến được. Ra quân xin cho thần theo ». Trang-Công hỏi lại : « Dụng kế chi mà cự với Tề ? » Tào Uế nói : « Việc binh gấp cơ sẽ chế, nói trước không đáng ». Trang-Công cho Tào-Uế ngồi chung một xe mà đến Trường-Câu.

★

Bảo-thúc-Nha nghe Lỗ đem binh đến thì dàn trận ra để cự-địch.

Bảo-thúc-Nha trước đây đã thắng Lỗ một lần, có ý khinh địch, bèn hạ lệnh giục trống tiến tới, hễ ai tới trước thì đừng thương ?

Lỗ-trang-Công cũng gióng trống mà cự-địch. Tào-Uế can : « Binh Tề đương hăng, phải đứng mà chờ nó tới ». Tào-Uế ra lệnh : « Hễ ai la ó lộn xộn thì chém đầu ».

Binh Tề áp tới xông trận, nhưng trận Lỗ giữ gìn chặt chĩa xông vào không nổi, phải lui lại.

Giây lâu lại giục trống mà xông tới nữa. Binh Lỗ cũng cứ im lìm dường như không nghe. Binh Tề lui lại nữa.

Bảo - thúc - Nha nghĩ rằng : « Binh Lỗ nhát thối, hễ ta giục trống xốc tới một lần nữa thì ắt nó phải chạy ».

Lần này Tào-Uế nghe tiếng trống liền nói với Trang-Công : « Bây giờ là lúc đánh Tề đặng, vậy phải giục trống cho binh xông tới ». Trang-Công bèn ra lệnh giục trống tiến quân. Binh Tề vì đã xông trận nhiều phen cho nên đã mệt mỏi rồi. Binh Lỗ mới xông lần thứ nhứt nên còn khỏe sức và

khí-thể rất hăng, binh Tề cụ không lại nên vỡ chạy tứ-tán.

Trang-Công có ý muốn giục trống rượt theo. Tào-Uể nói : « Chưa nên truy-kích, để tôi xem lại đã. » Ông xuống xe xem các chỗ binh Tề bỏ trận lại còn lên chỗ cao ngó xa xa một hồi rồi mới trở lại mà nói với Trang-Công : « Đã nên truy-kích rồi. » Trang-Công ra lệnh truy-kích và giục xe riết tới, chém giết binh Tề, đoạt nhiều xe cộ và khí-giới, rượt theo đến 30 dặm mới trở lại.

★

Khi Lỗ-trang-Công phá tan binh Tề rồi thì hỏi Tào-Uể : « Khanh cho biết vì lẽ gì mà ta thắng Tề ? ». Tào-Uể đáp : « Việc chiến trận lấy oai làm chủ, hễ oai thịnh thì thắng, oai suy thì thua. Còn trống để trợ oai, binh Tề đánh đã ba hồi thì oai đã suy-giảm. Lại thêm xông trận đôi ba phen, quân sĩ đều mỏi mệt. Binh ta dưỡng sức cho khỏe, lại chờ binh Tề giục trống tới hồi thứ ba mới khởi sự mà giục hồi trống thứ nhất. Như vậy sức quân đã khỏe, oai khí lại hăng thì lẽ nào mà không thắng. » Trang-Công lại hỏi :

« Khi binh Tề đã thua, tại sao ban đầu khanh chưa chịu rượt theo ? ». Tào-Uể nói : « Người Tề quý-quyết lắm, tôi e lắm kẻ phục-binh. Đến chừ coi kỹ thấy dấu xe của chúng chạy ngang, chạy dọc thì biết lòng quân đã bối rối. Lại lên chỗ cao mà coi thấy binh Tề giành nhau mà chạy, cờ xí không tề chỉnh biết là binh Tề chạy thiệt nên mới dám rượt theo. » Trang-Công khen : « Khanh thiệt là người biết dùng binh. » Vua Lỗ phong Tào-Uể làm đại-phu và thưởng Thi-Bá biết tiến - cử hiền tài.

★

Khi Tào-Uể theo Lỗ-trang-Công ra trận mà điều khiển binh sĩ, bảo giữ vững trận thế để tiêu hao nhuệ khí của đối-phương, rồi lại bảo xung-phong sau mấy đợt xung-phong của địch, chúng ta đều thấy rõ tài thao lược của ông. Ông dùng cái khí đầy đủ của quân mình để thắng cái khí kiệt quệ của quân địch, ông đem cái tề-chỉnh của quân mình để thắng sự rối loạn của đối-phương. Ông thận trọng cả trong công việc truy-kích để phát

triển thắng-lợi.

Đông-Lai tiên-sinh khen ông không thua gì Tôn-Vô và Ngô-Khởi là những chiến-lược-gia có tiếng trong lịch-sử Trung-Hoa nhưng lại là những người sẽ ra đời sau ông. Ông ở vào khoảng gần 700 năm trước Tây-lịch.

Có điều làm cho ta thắc mắc là sao Tào-Uể lại dám lấy việc ngục-tụng trọn tình mà cho là có thể thủ-thắng khi ra quân ?

Điều thắc mắc này Đông-Lai tiên sinh đã giải đáp cho ta. Tiên-sinh nói : « Binh thường, trên gieo thống khổ, dân không dám oán, trên ở bạo ngược dân chẳng dám phản vì còn phải kiêng dè luật-pháp. Đến lúc giặc ở trước mặt, cần phải xung đột trong sự hãi hùng thì cái mà gọi là luật của ngày thường đến mức ấy đã tan-tành mất cả. Pháp-luật đã tiêu, chơn tình thường không có ơn-trạch nòng-nàn dè kết chặt lòng dân ở ngoài vòng pháp-luật thì người trên trong lúc ấy, chắc gặp chuyện vô cùng nguy-hiểm. Ôn dễ cảm mà khó quên nhất là mang trong lúc bị khuất-phục,

bị áp bức... Lỗ - trang - Công, ông vua của một nước lại dùng tình thật mà đối đãi với lũ dân đương bị lao tù thì ơn ấy sâu biết là bao ? Khâm đường là tử-địa, chiến trường cũng là tử-địa, binh thường nơi tử-địa đã chịu ơn người thì lý nào gặp nơi tử-địa lại không nhớ đến mà đền đáp ? Đến khi dân chúng biết vui trước cái chết thì sự phá thành, lui giặc chỉ là việc thừa ... »

Nói : « Vui trước cái chết » thì cũng khí quá nhưng một khi có món nợ ân-tình thì người ta vẫn sẵn sàng hy sinh trong những giờ phút nguy hiểm. Lỗ-trang-Công đã ở trọn tình với hơn-dân thì hơn-dân cũng ở trọn nghĩa với nhà vua khi hữu sự. Tào-Uể đã thấy rõ lòng dân nên cũng thấy rõ được cái có tất-thắng của nhà vua. Đó là điều chánh-yếu. Còn những việc điều-khiển binh-sĩ khi lâm trận chỉ là thứ-yếu mà thôi. Một chiến-lược gia không thể chỉ là một nhà quân-sự thuần-túy mà còn phải biết chánh-trị, nghĩa là biết lòng người và xử-dụng lòng người.



m á t m á t

★ KIM LIÊN

V Ũ tần ngần đứng nghiêng mình bên bờ dậu, hình ảnh Hà bỗng hiện ra với nét mặt hiền hòa mỉm cười nhìn chàng. Tự-nhiên, Vũ rút khăn ra lau nước mắt, chàng lắc đầu cho những ý nghĩ chạy sâu vào tiềm thức sau khi Hoa trao cho Vũ quyển sổ nhỏ rồi chạy vụt vào nhà. Còn lại một mình, Vũ bàng hoàng ra về, ngang bờ đê nhỏ, nhìn dòng nước chảy nhẹ ven lòng ruộng khiến Vũ xao xuyến thổ dài khi nhớ lại thuở còn Hà...

Hai năm trời trôi qua, bây giờ người con gái ấy chết đi

đã để lại trong lòng Vũ nhiều thương xót. Nhìn những cánh bướm trắng bay giữa trời, Vũ tưởng như Hà đang hiện về với chàng đầy dịu hiền và trong trắng.

Trong những lúc đang yêu nhau, Hà đã cho Vũ nhiều lần vật, ưu-tư. Lúc nào Hà cũng đến với chàng bằng những nét bâng khuâng, buồn rầu. Đạo ấy, Vũ hơi bực mình và hay nghĩ đến những ngày còn yêu Lan, người con gái đẹp đã một thời là của chàng. Tất cả thương yêu say đắm, bỗng bột thuở ban đầu, Vũ đã trao trọn về Lan... Vũ đã buồn nhiều đêm sau

ngày Lan xa chàng để đi sâu thêm vào một tình yêu mới. Hai năm sau, để quên hẳn Lan và thấy lòng lại bắt đầu thêm khát tình thương, Vũ làm quen Hà và yêu nàng qua những cánh thư dầm thấm. Thuở ấy, Hà mười bảy tuổi, trong trắng, vô tư và yêu đời như những bài thơ nàng làm. Hà hay nhát sợ bất cứ chuyện gì, đến thăm Vũ chỉ đến bằng dòng chữ. Hà không đẹp nhưng duyên dáng và hiền lành, Vũ chắc rằng những ngày yêu mình, Hà đã xây nhiều mộng đẹp. Và chàng hối hận là những ngày yêu Hà chàng chưa đem đến cho Hà một chút gì của tình yêu. Trái lại, càng làm cho nàng buồn rầu đau khổ...

★

Saigon, tháng 11

Hôm nay Vũ đến thăm tôi. Trong vòm trời dịu mát của buổi chiều, tôi tưởng Vũ là một vì sao to rạng nhứt hiện ra trong đêm tối. Đêm tối là tình yêu của tôi và Vũ là vì sao hiện ra giữa tình yêu. Chiều hôm nay học bài thi, những dòng chữ ngoài ra ngoài như sự nhớ thương của tôi tràn ra theo nước mắt. Anh Vũ ơi!

Anh về mang theo tất cả tâm hồn của Hà rồi. Hà sống trong cái gì vô cùng khó chịu của lòng Hà...

Saigon tháng 12

Sáng hôm nay Hà đã nói là Hà đến thăm anh. Chiếc taxi Hà đi đổ bên đường, Hà thoáng thấy bóng Anh ở ngõ, Hà ngỡ anh ra đón Hà, vậy mà... Cả buổi trưa đã xảy ra những gì anh nhỉ? Hà trở về buồn rầu và ray rứt. Mẹ Hà mong, cả gia đình mong. Suốt đêm Hà khóc vì Hà thấy Hà không xứng đáng!

Saigon tháng giêng

Một khoảng thời gian trôi qua đã cuốn theo của tôi tất cả. Tôi bỗng thấy mình vô lý, tại sao tôi buồn rầu?!

Saigon tháng hai

Tôi có cái tê tái của một người đau khổ, sự thật tàn nhẫn và mang rợn quá! Vũ có thành thật với tôi không, có yêu tôi tha thiết như tôi yêu Vũ?

Tại sao tôi đến với chàng bằng những nét buồn rầu làm gì, tại sao trời cho tôi một trái tim bỗng bột quá làm gì, tại sao lòng Vũ không thể nào sống lại với một tình yêu, một người con gái khác hay sao?!

Tết này tôi đón mùa xuân với tất cả è chề!

Không, Vũ không hề nghĩ đến tôi, Vũ nghĩ đến những người con gái khác, với những món quà đầm ấm và triu-mến!

Mẹ ơi! Con khổ quá! Sao mẹ không giữ con lại trong tay mẹ, sao mẹ không hiền dịu, mẹ nờ nghiêm khắc với con, mẹ ơi! Con cầu xin mẹ tha lỗi cho con!

Saigon tháng 3...

Hà vẫn biết đề dặt, Hà vẫn biết sợ mà tất cả đều tàn nhẫn với Hà, cả anh Vũ của Hà nữa! Nhiều đêm Hà ngồi thêu dưới ánh đèn, Hà xáy nhiều mộng, Hà mộng nhiều lắm. Hà thích Hà là một người vợ hiền, bàn tay Hà là bàn tay của nàng tiên xoa dịu tất cả. Vậy mà anh Vũ không cho Hà xoa dịu lòng anh, lòng Hà, lòng những người đang bắt đầu rướm máu. Hà mơ một đêm tân hôn mà Hà hoàn toàn trong trắng. Hà mơ một mái nhà ấm cúng, có người vợ và người chồng gương mẫu, những đứa con ngoan, những tin yếu tràn ngập...

Anh Vũ ơi! vậy mà mộng của Hà không bao giờ là sự thật!

Saigon tháng 4...

Những chuyện gì tôi sợ đến đã đến... những ước mơ tan thành bọt bễ! Nhiều khi đặt chân đến ngưỡng cửa nhà Vũ tôi mơ được chàng ra đón, tôi ao ước nghe những lời triu mến của chàng. Vậy mà tôi chẳng có gì, đến những lời thành thật nhưt. Những lúc hôn đôi bờ về tôi mong được chàng vỗ về, van lơn, nhưng tôi chỉ đón được những nét lạnh lùng, hờ hững. Tôi bước đi mà lòng rạn nứt! Vũ không cho tôi lấy một tình yêu dễ mà sống, dù sống trong khắc-khoãi! Tôi chưa biết được tình yêu? Tôi chưa biết một chút gì thơ mộng, tôi chỉ nhìn thấy bốn bức tường nhìn thấu được sự buồn rầu của tôi? Hạnh phúc của bạn thì tôi nhìn thấy, thế mà hạnh phúc của tôi, tôi chỉ thấy trong những sự phũ phàng của cuộc đời; của Vũ. Người con trai tôi yêu tha thiết, lại chỉ là người con trai như trăm ngàn người con trai đã ôm được vào lòng một người con gái, đã đầy đủ và đã chán chê?

Nhiều đêm tức lừ trong tiếng khóc, tôi nghĩ về những ngày mới lớn, những mơ ước dễ thương. Tôi tưởng về sau mình có một người yêu hoàn toàn yêu mình, hoàn toàn của mình. Những lúc tôi ngập ngừng tới, người mình

chạy ra đón, sau một đêm đợi chờ không ngủ được. Hai người chẳng hề nắm tay nhau, mà nhìn nhau triu mến qua ánh mắt. Một đêm tân hôn hai bên còn e thẹn, nói cho nhau tất cả sự thật của đời mình, trong hình ảnh người yêu hoàn toàn ngự trị ở lòng mình...

Chẳng biết có phải vì ngày xưa tôi mộng quá nhiều nên trời bắt tôi buồn rầu. Hay tại tôi đã đến trong một ngôi nhà, qua một lần người khác ở. Ngôi nhà buồn rầu, không trang điểm để vac" trông loang lổ, cửa mở rọi thành bụi, bám vào mắt tôi, vào má tôi, vào tóc tôi. Và trời ơi! Anh Vũ ơi! Em khóc, anh có biết em buồn khổ lắm không?

Em không ước ao những bài thơ tặng, những bút hiệu ký bằng tên người yêu, những mảnh thư màu tím, những món quà... Không, em chỉ ước ao tha thiết là anh Vũ yêu em. Hình ảnh em mãi mãi ngự trị ở anh, em ước ao tha thiết được anh đón em với tất cả trang trọng, tất cả kính yêu, kính yêu như ngày xưa anh đã kính yêu Lan. Anh Vũ ơi! Anh không thể thay đổi được lối đối xử với em ư? Em không đáng để được anh trang trọng hay sao? Em không nghĩ là tại vì em chẳng đẹp, nhưng em nghĩ khác, em nghĩ

khác, nghĩ về những cái chết xây ra rồi!

Saigon tháng 5.

Ngày tháng qua rồi và buồn rầu nhiều quá, tôi cũng không ghi lại làm gì. Tôi có cảm tưởng vừa trải qua một giấc mơ có nhiều hình ảnh hãi hùng. Những ngày mới lớn tôi ước ao sau này sẽ yêu một người, sẽ dâng cho người tất cả kính yêu thành thật và tất cả cái gì là bằng tuyệt. Hai người yêu nhau đưa nhau đi trên những nẻo đường có nhiều hoa và bướm. Con đường rậm mát hai bên có bờ cỏ chạy dài. Tôi muốn nghe những lời nói tràn ngập yêu thương của chàng, những lúc dừng chân nghĩ chàng sẽ cài lên tóc tôi một đóa hoa, và tôi sung sướng mà hỏi chàng rằng: Hà có dễ thương không, hả anh?...

Anh Vũ ơi! Trời bắt đầu vào mưa sao buồn quá, buồn như ngày Hà mới lớn. Năm tháng chạy theo nhau lúi cuồn tất cả đã làm cho Hà thấy Hà mất mát... mất mát nhiều quá rồi!

Khung cảnh ở nhà trường buổi sáng hiện ra, Hà úp mặt vào tay âm thầm chết lặng cả lòng. Anh có biết gì không! Thời Hà kể làm gì, chiều nay Hà trở về quê. Hà nhớ anh quá, nhớ như những ngày Hà ở xa anh. Hà muốn được gần anh mà san sẻ,

an ủi với anh niềm đau ở cuộc đời, nhưng tự ái Hà xúi Hà tách rời anh, Hà cũng không hiểu được Hà. Có phải là mãi mãi xa anh không? Hà xin được việc làm ở xa, Hà sẽ đi cho chôn sâu tất cả buồn rầu, lẽ dĩ nhiên mẹ Hà không biết!

Trang nhật-ký của Hà sẽ dừng lại ở dòng này rồi không bao giờ biên nữa, cũng như anh, khi tình yêu ban đầu đã chết Hà đi dấy anh ơi! Hà đi trong cái chết ngất của lòng Hà, Hà không dám mơ một chiều có hoa phát, có trầu cau, có rượu ngọt, Hà không dám nghĩ đến một tấm lòng sẽ thương nhớ đến Hà đâu. Hà khổ lắm rồi!

Trong một thoáng tận sâu thẳm của tâm hồn Hà đã nhớ lại cái dề dặt của ngày mười bảy tuổi. Hà muốn muốn đời Hà vẫn còn cái e dè, khép nép. Nhưng Hà khép nép cho ai, dè dặt cho ai, có phải cho cái sâu thẳm của một trái tim rạn nứt?... Anh Vũ ơi! dù sao Hà vẫn yêu anh mãi mãi!...



Suốt đêm, Vũ thao thức đọc lại quyển nhật-ký của Hà với những dòng nước mắt. Bây giờ Vũ

mới chợt hiểu là ngày xưa Hà đã quá thành thật với chàng, quá yêu chàng tha-thiết, tâm hồn Hà trong trắng và đầy cao quý. Hà có cái khép nép của một nữ-sinh còn cấp sách đến trường. Đôi lúc quá e dè, nằng đã đối với mình nghiêm khắc và xét đoán mình như một người xa lạ. Còn Vũ, chàng đã quá dày dặn trong cuộc đời, những đêm lặn lóc trong những trận cười, trong những cánh tay mềm dịu thơm ngát mùi da thịt, đã khiến chàng không còn biết gì nữa cả... Vũ vô tình xem Hà như một người con gái trong khi Hà vẫn kính trọng, tha thiết yêu chàng, vẫn kính tin chàng. Đọc suốt qua những mẫu tâm-tình của Hà, Vũ thấy mình đáng trách, chàng muốn được gần Hà để nói cho Hà rõ là chàng không có như Hà đã nghĩ. Nhưng tất cả đã xảy ra nhanh chóng quá, vẫn như lời Hà nói: thời-gian đã làm Hà mất mát, đã mang theo của Hà tất cả...

Vũ thở dài lấy khăn lau mắt. Bên ngoài trời tối quá, chàng có cảm tưởng rằng cuộc đời, tình yêu thương của mình rồi cũng như đêm tối...

12.- những người yêu

của NAPOLEÓN I



II JOSÉPHINE



APOLÉON rất buồn phiền vì nỗi không có con trai chính thức để nối giòng. Tuy bây giờ

* TÂN PHONG

Hoàng - tử chính - thức. Mưu mô như thế vì bà nghĩ rằng nếu Napoléon có con chính-thức rồi thì không còn nghĩ đến việc ly-dị bà để cưới người vợ khác. Bề nào cô Denuelle, vì địa-vị thấp kém cũng không thể lên ngôi Hoàng - Hậu được, thì tức-nhiên ngôi Hoàng-Hậu của bà sẽ còn vững mãi.

Joséphine đã ăn-năn hoàn toàn, và rất yêu quý ông, tôn thờ ông, chịu đựng ông đủ các cách, ông vẫn buồn rầu vì bà đã lớn tuổi rồi, không sinh sản được nữa. Napoléon vẫn thiết tha yêu quý vợ như trước, nhưng trái ngược lại với mấy năm trước, trong lúc Joséphine đã trở thành triệt để thủy chung với chồng, giữ đúng đắn địa vị một Hoàng-hậu của nước Pháp « mẫu nghi thiên hạ ». thì Napoléon lại « mèo chuột » lung-tung. Đây là thời kỳ Hoàng-đế đem gieo rải tình yêu khắp các bà các cô nổi tiếng là đẹp nhất ở Paris : bà Fourès, bà Grassini, cô George, bà de Vaudey, bà Duchâtel, bà Gazzini, cô Guillebeau, cô Denuelle...

Napoléon xuyết nghe lời Joséphine và đã có ý-dịnh nhìn nhận đứa con ngoại hôn là Thái-tử chính-thức, nhưng hai vị Thống-chế tin cậy nhất của ông là Murat và Duroc can-gián ông : « Làm như thế sẽ mất uy-tín của Hoàng-đế » Napoléon bỏ ngay ý-dịnh và đặt lại vấn đề ly-bị Joséphine để cưới một người vợ khác, tôn làm Hoàng Hậu.

Người vợ khác là ai ? Cả Âu Châu đều tưởng rằng có lẽ Nữ Bá-tước Marie Walewska sẽ thay thế Joséphine.

Trong một chương sau, tôi sẽ nói rõ về cuộc tình-duyên lý-thú của Napoléon và mỹ-nhân này, người xứ Ba Lan.

Đây chỉ xin nói tóm-tắt rằng

trong lúc Napoléon có ý-dịnh ly-hợp ly-kỳ, ông gặp Nữ Bá-tước đĩ Joséphine, thì trong một trường Marie Walewska...



C UỘC gặp gỡ này ngẫu nhiên thành một biến cố quan-trọng trong lịch-sử nước Pháp và Âu-châu, và riêng trong lịch-sử của Hoàng-đế Napoléon : do đó mà Napoléon quyết-dịnh ly-dị Joséphine, để tái-hôn với người vợ khác.

Napoléon đem binh sang đánh nước Đức, và kéo đoàn quân thẳng trận vào Kinh-đô Varsovie của xứ Poland (Ba-lan). Lúc bấy giờ xứ này đang bị ba vị Hoàng-đế cường-quốc Trung-Âu; Đức, Nga, Autriche, chia-xẻ tàn-tàn và chiếm-cứ mỗi người một khu-vực. Nghe tin Napoléon thẳng trận kéo quân vào Varsovie, một thiếu-phụ ái-quốc của Poland liền chạy ra đường đón vị Hoàng-đế anh-hùng của Pháp-Quốc để

câu-cứu, nhờ ông này bắt buộc ba cường quốc xâm-lãng kia trao trả Ba-lan cho dân-tộc Ba-lan. Thiếu - phụ ấy tên là Marie Walewska, Nữ bá tước Ba-lan.

Nàng đẹp vô ngần. Nhan-sắc trẻ trung và duyên-dáng của nàng quyến-rũ tức-khắc vị Hoàng-đế của nước Pháp. Chính-phủ vương-quốc Ba-lan thấy thế, liền khuyên Nữ bá-tước hy-sinh tấm thân trong ngọc trắng ngà của nàng cho Napoléon để mong được giải-phóng Quê - Hương. Marie Walewska bằng lòng hiến thân cho vị anh-hùng đang làm chúa-tề cả Âu-châu, để cứu Tò-Quốc. Nàng liền ly-dị chồng là Bá-tước Colonna Waleswski, một nhà tỷ-phú đại kinh-doanh, nhưng già-cả bệnh-hoạn, bên cạnh ông này nàng đã sống cuộc đời buồn

phiền, vô-vị.

Lúc đầu Napoléon coi Marie Walewska chẳng qua như một món đồ chơi quý-giá của xứ Ba-lan cống-hiến tận tay ông thế thôi. Bậc mỹ-nhân ái-quốc kia cũng chỉ coi Hoàng-đế nước Pháp như một kẻ bạo-chúa mà nàng phải ngậm hờn nuốt nhục, hiến tằm thân nghìn vàng hồng xiạ cho Tô-quốc của nàng được thu-hồi độc-lập. Không dè chàng mê vì sắc, nàng phục vì tài, trai anh-hùng gái thuyề-quyên đã lưu-luyến cùng nhau trong giờ tao-ngộ. Nàng có thai, rồi ở luôn bên cạnh chàng. Napoléon giữ lời hứa, nhưng một phần nào thôi. Ông đã hứa với Nữ bá-tước sẽ giải-phóng Tô-quốc của bà khỏi ách nô-lệ của Đức, Nga và Autriche. Thì đây, ông đã bắt buộc Hoàng-đế nước Đức trả lại một phần đất Ba-lan, Hoàng-đế nước Nga cũng phải trả lại một phần, ông lập thành Vương-quốc Varsovie, khởi-diêm của Quốc-gia Ba-lan sau này. Ông thiết lập một đội-binh riêng biệt của Ba-lan, trao cho Thống-chế Poniatowski của Ba-lan làm Tổng-tư-lệnh.

Nữ Bá-tước Marie Walewski

sinh được cho Napoléon một cậu con trai. Đứa con ngoại-hôn thứ hai này ra đời, càng khiến Napoléon cương - quyết ly-dị Joséphine. Bây giờ ông biết chắc chắn rằng ông có thể có một Hoàng-tử để nối ngôi, và ông phải từ-bỏ Joséphine vì lý-do chính-trị.

Tháng 11 năm 1809, ông trở về Paris, nói cho Joséphine biết rõ quyết-định của ông. Joséphine khóc-lóc, van-xin, kêu gào lòng thương-xót của ông, nhưng ông bảo :

— Chính-trị không có trái tim, chỉ có đầu óc mà thôi. (*La politique n'a pas de coeur, elle n'a que de la tête*).

Napoléon vẫn thấy rằng vợ chồng ăn-ở với nhau đã 13 năm trường, Hoàng-hậu rất yêu kính ông, chịu-chịu ông, hoàn-toàn là một người vợ hiền-lành kiểu-mẫu, bây giờ ông xa-cách bà, thật là một việc xót-xa mền tiếc trong lòng ông. Nhưng việc quốc-gia đại-sự, cả tương-lai của Triều-đại Napoléon mà ông đã xây-dựng, cả chiếc ngai-vàng mà ông đã chiếm được, cả lịch-sử của nước Pháp đã trao phó trong tay ông,

đều nặng hơn là tình nghĩa phu-thê.

Joséphine dứt từng đoạn ruột, khi nghe Napoléon thuyết-phục bà, buộc bà phải tự hy-sinh ngôi Hoàng-hậu. Nhưng thấy rằng bà

không thể nào chống-cự được ý-định của Hoàng-đế, bà phải chịu vậy...

Thế là cuộc ly-dị Joséphine được loan truyền cho dân-chúng rõ..

Văn giở chức Hoàng Hậu

ĐỨNG 9 giờ tối ngày 15.12.1809, nghi-lễ ly-dị được khởi-hành trong cung-điện Hoàng-đế, trước mặt đông-dù tất cả Hoàng-tộc, và toàn thể nhân-viên cao-cấp, văn-võ bá quan, cùng các Vua chư-hầu khắp nơi được triệu về.

Đồng hồ treo trên tường vừa điem 9 tiếng. Cửa chính-điện từ-từ mở hai cánh rộng ra.

Hoàng-Thái-Hậu đi trước, rồi đến các Vua và các Hoàng-hậu trong Hoàng-gia : Louis, Jérôme, Murat, Eugène, Julie, Hortense, Catherine, Pauline, Caroline, kẻ trước người sau, theo thứ-tự nghi-lễ, thông-thả bước vào. Napoléon

và Joséphine đón chào. Napoléon ra đầu cho ai nấy an-tọa. Hoàng-hậu Joséphine mặc áo trắng, không đeo một món nữ trang nào, trừ một rêu ruban quấn trên mái tóc. gương mặt bà xanh-dòn vì bị cảm-xúc mạnh, nhưng bà cố giữ nét bình-tĩnh. Hoàng-đế Napoleon mặc nhung-phục Đại-tá Ngu-lâm-quân, đôi mắt ngài u-uất, nhìn đăm-đăm khoảng không, như trầm-ngâm nghĩ-ngợi.

Bỗng ngài đứng dậy, lấy một tờ giấy, đọc bằng một giọng dịu-dàng và thanh-thoát,

Cả cung-điện đều im-lặng nghe tiếng ngài tuyên-bố vang lên, như sau đây :

— Trẫm đã mất hết hy-vọng

có con với Hoàng hậu Joséphine. Vì thế, Trăm phải hy-sinh tình yêu thương tha-thiết của trái tim và chỉ nghe tiếng gọi của quyền lợi Quốc-gia. Chúa chứng minh cho lòng đau-dớn xót xa của Trăm khi phải quyết định việc này ! Nhưng không có một hy-sinh nào mà Trăm không có can-dảm chịu đựng một khi ai cũng nhận thấy rằng hy-sinh ấy có lợi cho nước Pháp... Trăm rất khen ngợi lòng luyện ái diệu-hiền của người vợ yêu-quý của Trăm. Trăm muốn nàng cứ giữ chức-vị Hoàng-hậu, nhất là nàng đừng bao giờ nghi-ngờ cảm tình chân thật của Trăm, và luôn luôn coi Trăm như người bạn tốt nhất và thân yêu nhất của nàng vậy.

Napoléon ngồi xuống. Đến lượt Joséphine đứng dậy, đọc những lời tuyên-bố rất văn-hoa, đẹp đẽ, do tự tay bà viết lấy :

— Thiếp xin phép dâng Phu-quân uy-nghiêm và thân-ái của thiếp cho thiếp được tuyên bố rằng, vì thiếp không còn có hy-vọng sinh con cho Hoàng-đế để phụng-sự những nhu cầu chính trị của Ngài và quyền-lợi của nước Pháp, nên thiếp xin vui lòng chứng tỏ với Hoàng-đế tấm

lòng tận-tụy trung-thành và luyện ái của thiếp...

Vừa đọc đến đây, Joséphine nghẹn ngào, té xiú xuống ghế. Quan cận-vệ Regnault d'Angeli phải lấy tờ giấy cầm đọc tiếp :

— Thiếp đã nhờ rất nhiều tấm lòng quảng-dại yêu-đương của Hoàng-đế. Ngài đã tôn thiếp lên ngôi Hoàng-hậu, và trên ngai vàng cao vút kia thiếp luôn luôn được nhân dân Pháp tỏ lòng hân hoan ưu ái... sự thủ-tiêu hôn thú hôm nay sẽ không thay đổi chút nào những tình cảm chứa chan trong lòng thiếp. Thiếp sẽ luôn luôn là người bạn thân yêu của Hoàng-đế. Ngài và thiếp, chúng tôi đều về vang với sự hy sinh mà chúng tôi đã chịu-đựng vì quyền lợi tối-cao của Tò-Quốc và nhân dân.

Vị cận-vệ vừa đọc xong, Napoléon bước đến Joséphine, và cảm động xiết tay bà. Giây phút vô cùng cảm động. Người ta thấy Hoàng-thái-Hậu, mẹ của Napoléon, chủi một ngăn lệ. Hai cô em gái khó tính nhất của Napoléon, thù ghét Joséphine nhiều nhất, là hai Hoàng-hậu Pauline và Caroline, cũng rưng-rưng nước mắt. Hoàng-hậu

Hortense, con gái riêng của Joséphine, đưa hai tay lên che mặt để khóc òa lên.

Vị Bộ-trưởng Cambacérés lập biên bản buổi lễ ly-dị. Napoléon hạ bút ký liền. Joséphine ký tên bà ngay ở dưới tên ông.

Đến lượt bà Hoàng-Thái-Hậu ký run-run, rồi đến lần-lượt các vị Vua và các Hoàng-hậu khác của Triều-Đại Napoléon...

Joséphine từ-giã về Cung, nhưng được mấy bước thì bà té xiú xuống cầu thang. Người ta phải ôm xốc bà lên, đưa bà về..

Tuy bị ly-dị, nhưng Joséphine vẫn được Napoléon ban cho ba lâu-dài nguy-nga, tiền lương mỗi năm ba triệu đồng, và ông trả hết tất cả các món nợ phung-phí của bà cũng lên đến mấy triệu ! Ngoài ra, ông vẫn để cho bà giữ chức

vị Hoàng-Hậu... lưu-trí.

Sáu năm ăn-dật ở biệt - điện Malmaison, Joséphine sống cuộc đời yên-tĩnh, nhưng không thiếu xa-hoa lộng lẫy, được dân chúng Pháp kính phục và các vua chúa trên thế-giới cũng quý mến như xưa. Ngay khi Napoléon thất thế, bị đày ra đảo Elbe, Hoàng-đế Alexandre của nước Nga và vua nước Đức kéo quân vào Paris, cũng đến thăm bà.

Bà bị đau phổi, tạ thế ngày 29-5-1814 tại Malmaison.

Tên ký của Napoléon ở Joséphine dưới biên bản ly-dị.

● Thuốc không đắng

Bé Loan đau bụng, cha bé phải bốc thuốc Bắc về sắc cho bé uống, nhưng bé không chịu uống, ba bé bèn dỗ dành :

— Uống đi cưng, chóng ngoan. Coi ba uống đây này. Nào có đắng đâu.

Bé Loan suy nghĩ giây lát rồi nói :

— Ba, ba... Nếu đắng thì ba uống hết cả chén đi con xem đã.

Ký
giả

thừa
trước

★ TÊ XUYÊN

(Tiếp theo P. T, số 58)

Đã nói đến Nam Quốc Càng, tôi cũng xin nhắc đến Đinh-xuân-Tiểu, người cùng tử nạn với Nam quốc Càng, tuy không tham gia hàng ngũ Báo Chí Thống Nhất (vì năm 1946 - 1947 báo Thời-Cuộc của Đinh-xuân-Tiểu chưa xuất bản) song cũng là cây viết có công với nghề.

Xin nói về Nam-quốc-Càng trước.

Tôi biết Nam-quốc-Càng hồi còn Pháp-thuộc, khoảng năm 1937 khi Chiến-tuyến Bình-dân thắng

cử, lên cầm quyền nước Pháp với một chánh-phủ do thủ lãnh đảng xã-hội Léon Blum cầm đầu.

Hồi đó anh binh-bút cho báo *Dân-Quyền* của ông Cendrieux. Anh ký nguyên tên thật Nguyễn-văn-Sinh, sát cánh cùng hai người bạn thiết: Thúc-Tề, Trọng-Miên, trên đàn văn trận bút.

Bước vào làng báo Sài-thành, do tờ báo *Dân-Quyền* có cái tên tốt đẹp, quyến rũ chí-hướng thanh-niên, anh Nguyễn-văn-Sinh người nhỏ bé, xương xâu, cứng rắn: người nào gặp anh lần đầu

cũng có cảm tưởng anh là kẻ bướng-bỉnh, tranh-đấu.

Mà anh có tinh-thần bướng-bỉnh, tranh đấu thật. Tôi nhớ hồi tiền chiến, khi Pháp còn cầm quyền ở Đông-Dương, Nguyễn-văn-Sinh cùng tôi đi xem một cuộc đấu võ tở chức tại câu-lạc-bộ Thủy Lục quân (Foyer des Soldats et des Marins) đường Norodom, kế cửa Sở Thú Saigon.

Lúc ra về, tôi suýt được xem thêm một cuộc đấu võ khác ngoài chương-trình, giữa chàng ký-giả trẻ tuổi, nhỏ thó và một người Pháp, to béo như củ khoai mố. Ký giả ấy, chính là Nguyễn-văn-Sinh, vì một câu chuyện cãi vã nhỏ mà bị đối phương xưng-xô, muốn cho biết sức mạnh của bắp thịt y; song nhà viết báo tuy bé nhỏ mà to gan, không « xuống chùn » lại đứng thẳng người, nắm chặt tay thủ thế, nhìn trừng trừng vào mắt địch thủ, chờ đối phó.

Thái độ cương quyết của anh Sinh đã bắt tên Pháp kia phải hiểu rằng tay này không vừa đâu; y bèn rút lui có trật tự sau khi thốt ra nhiều câu khiếm nhã thông thường của hạng thực dân.

Khi binh-bút báo *Dân-Quyền*, Nguyễn-văn-Sinh làm việc khiêm-nhượng, không thích sự phô trương. Anh đã cõ động dặc lực cho phong trào Đông-Dương Đại-hội là một phong trào do làng báo Sài-gòn đề xướng, khi chiến tuyến Bình Dân nắm chánh quyền ở Pháp. Đông Dương đại hội có mục đích thu tập dân nguyện đủ các giới, các tầng lớp xã hội, đề gởi sang Paris cho chánh phủ Pháp.

Lúc quân đội Nhật chiếm đóng Việt-Nam, Nguyễn-văn-Sinh giúp việc cho Thông tấn xã Domei của Nhật. Con người ít nói, lăm-lì ấy đã tìm được đất dụng võ. Anh cũng bí mật như người Nhật và đêm đảo chánh mùng 9 tháng Ba 1945, người ta mới thấy rõ anh có công lớn trong việc tuyên truyền, giúp cho quân đội Nhật xuất bản liền một tờ báo đề phát hành đúng 5 giờ sáng hôm sau tại Sài-gòn và gởi đi các tỉnh.

Nguyễn-văn-Sinh bí mật đến đổi tất cả anh em cộng sự với anh trong sở, cũng như gia đình anh, trong ngày đảo chánh thấy anh không tỏ vẻ gì khác thường đề có thể đoán biến-cổ sẽ xảy

ra vào 9 giờ đêm hôm ấy.

Nam - quốc - Cang xuất hiện

Khi Pháp chiếm được Sài Gòn, có phong trào lòng bất các phần tử đã chống Pháp, nhứt là các người Việt đã giúp tay cho quân đội Nhật. Nguyễn Văn Sinh bí mật lánh mặt về miền Đông, thoát tay các thám tử của Pháp.

Chừng khoảng giữa năm 1946, anh trở về Saigon, sau đó cộng tác với tờ báo *Tin Điện*, giữ mục « Tró Triều » lấy tên Nam Quốc Cang đem ngòi bút sắc bén ra điều cợt những cái lỗ-lăng chánh trị hay xã hội.

Với những câu văn ngắn, giản dị, với những ý kiến mỉa mai, chua chát, Nam Quốc Cang đã kích Hội đồng Nam kỳ. Chủ tịch Hội đồng này là luật sư Béziat, đã già mua tuổi tác, và ở xứ thuộc địa từ lâu đời, ông bị ngòi bút Nam Quốc Cang đặt tên là « Bê-Đa lão tồ ».

Danh từ này sau lan tràn trong dư-luận dân chúng và được nhiều báo thông dụng. Ai có đi xem Hội đồng Nam kỳ nhóm, thấy tài điều khiển của vị Chủ tịch già ấy mới thấy danh từ « Bê-Đa lão

tồ » sao mà đúng thể và có mới hài-hước làm sao ! « Lão tồ » có vẻ như một tiên ông râu tóc bạc, có phép biến hóa thần thông, chỉ huy đám đệ tử đề dạy bảo, luôn luôn vang lời « sư tồ ».

Nam Quốc Cang còn « đề » ra danh từ « ra-di-ô một đèn » để châm biếm vài đồng nghiệp theo Pháp ăn hút sung sướng, tạo ra chứng tin thất thiệt, bất lợi cho cuộc kháng chiến của dân tộc ; cái « ra-di-ô » của họ phát thanh những tin ấy là thứ « ra-di-ô một đèn » cái đèn dầu phộng trên mâm hút.

Cộng tác với báo « THỜI CUỘC »

Năm 1948, Nam Quốc Cang cộng tác với Đỉnh Xuân Tiểu với tư cách Chủ bút nhật báo *Thời Cuộc* mà anh Tiểu mới xin được phép xuất bản.

Nam Quốc Cang lại giữ mục « phim » hàng ngày như mục « Tró Triều » ở *Tin Điện* trước.

Đỉnh Xuân Tiểu với bút hiệu Thiết Luận đã viết nhiều bài danh thép phê-bình chánh phủ hồi bấy giờ : Chánh phủ Trần-văn-Hữu.

Vì thế, *Thời Cuộc* thỉnh

thoảng lại bị tạm đình bản, khi thì 15 ngày, khi một tháng. Một năm đóng cửa không biết bao nhiêu lần, tờ báo góp mặt trên đàn ngôn luận tổng cộng được chừng 6 tháng là nhiều. Những biện pháp tạm đóng cửa ấy là những đòn kinh-tế đánh cho tờ báo bị kiệt quệ.

Năm 1950 vào tháng Năm, trong khi chờ *Thời Cuộc* không biết ngày nào mới tái sinh, Nam Quốc Cang và tôi cộng sự tạm với toà soạn báo *Dân Quý* in tại nhà in « Sông Gianh » của Đỉnh Xuân Tiểu ở số 54 đường F. Louis (Vô Tánh).

Sáng ngày mùng 6 tháng 5-1950 anh Đỉnh Xuân Tiểu từ nhà riêng cũng ở đường F. Louis, xé cửa với nhà in Sông Gianh, bước qua toà soạn *Dân Quý* ở trên lầu nhà in. Hỏi thăm ba điều bốn chuyện, rồi anh rủ toà soạn đi giải khát. Lúc này Nam Quốc Cang, Huỳnh Anh (Giám đốc chánh trị báo *Thời Cuộc*) cùng Huỳnh Bảo Thơ (Quản lý) không làm gì, nên đi theo anh Tiểu, còn tôi đang bận dịch tin tức thế giới từ chối không đi.

Một quán giải - khát bình

dân được lập tại đầu hẻm F. Louis, giữa hai căn phố số 39 và 41, kế cửa nhà in Sông Gianh. Đây là nơi mà trước kia toà soạn « *Thời Cuộc* » vẫn lui tới để ăn lót lòng. Anh Đỉnh Xuân Tiểu cùng ba bạn anh kéo nhau vào đó, chiếm một bàn và kêu « la ve » giải khát, nói chuyện phiếm.

Tấn bi-kịch xảy ra

Khoảng quá 11 rưỡi, lúc sắp giải tán ra về, bỗng có hai người thanh niên đi từ đầu kia hẻm (ăn thông ra đường Boudonnet tức Lê Lai bây giờ) đi tới quán nước ở đầu này hẻm, tay cầm một cặp da nhỏ, thứ cặp có dây khóa kéo vào, — mở ra. Chúng mở cặp, rút ra mỗi tên một khẩu súng cầm nơi tay, một khẩu Colt và, một khẩu nhỏ hơn.

Tên cầm súng Colt bóp cò, súng nổ, khạc ra mấy viên đạn. Một viên sượt qua vai Huỳnh-Anh khiến cho anh này bị thương, té nhào dưới gầm bàn, sát vách tường. Vừa nghe tiếng nổ, Đỉnh Xuân Tiểu đang ngậm điều thuốc, tay cầm hộp quẹt, bỗng dơ tay lên như bị xui khiến bởi bản năng tự vệ ; song đồng thời anh lại tưởng có bạn bè nào giỡn chơi,

nên miệng anh thốt ra câu : « Giỡn gì lạ vậy, rùi chết người ta sao ? » Tức thì trong chớp mắt, một loạt súng nũa nổ tiếp theo, đạn trúng vào lưng Đinh xuân Tiểu, xuyên qua ngực và tay anh, khiến anh ngã lẩn xuống đất, im lìm trên vũng máu.

Nam quốc Cang khi mới nghe tiếng nổ đầu, đã bỏ bàn nước, chạy ra đầu hẻm, toan kêu cứu. Anh em trong tòa soạn *Dân Quý* đang làm việc trên lầu nhà in Sông Gianh, lúc nghe tiếng nổ chạy ra bao lơn ngo xuống, thấy rõ Nam quốc Cang vừa chạy tới lẽ đường Võ Tánh thì bị ngay mấy viên đạn bắn ở phía sau lưng. Anh ngã gục xuống, hai tay còn dơ lên vầy vầy...

Tên sát nhọn thi hành xong hủ đoạn, bỏ cây Colt vào cặp da rồi cùng bạn nó rào bước ra đường D'Ypres (Nguyễn - văn - Tráng) thoát thân. Tên thứ hai này cầm súng mà không bắn, có

lẽ đành đạn dề phòng có người đuổi theo.

Lúc ấy, một ngoại kiều ở đường Võ Tánh, gần nơi xảy ra án mạng, từ trong nhà chạy ra miệng la : « Bắt lấy nó ! Bắt lấy nó ! » bằng tiếng Pháp.

Hai hung thủ không cần chạy, như chắc ý là sẽ thoát thân ; chúng chỉ rào bước, đi một quãng ngắn tới cái xe Jeep đậu sẵn đón chúng, rồi xe chạy thẳng ra đường Boudonnet (Lê Lai) nhập vào đám đông xe cộ ở các công tư sở ra về, vì lúc ấy giữa khoảng 11 giờ rưỡi và 12 giờ trưa.

Anh em trong tòa soạn *Dân Quý* chạy được xuống đến đường thì bọn sát nhọn đã khuất dạng. Chị Đinh xuân Tiểu nhà ở gần đó chạy ra khóc vang trời, chỉ còn có chỗ anh Tiểu vào nhà thương Sài Gòn rồi lại chở thẳng vào nhà xác bệnh viện Chợ Rẫy.

(Còn nữa)



● **Giải toán**

Thầy : — *Mấy tháng nay bài toán nào em cũng làm đúng cả, sao bài toán hôm qua rất dễ mà em lại làm sai ?*

Trò : — *Thưa vì Ba em đi vắng mấy hôm nay ạ.*

Mình ^{Ồi !}



MỜI MÌNH
UÔNG

CAFÉ

M Ì N H Ơ I ! ..

Ông Tú lui-cui sửa cái máy radio, mọi khi nó vẫn hát líu-lo, sao hôm nay nó cứ câm như con hến, vắn mãi nó vẫn không kêu. Bà Tú gọi tiếng nhỏ quá, ông không nghe. Bà lại gọi lớn :

— Minh ơi ! ..

— Ơi.

— Mời Minh uống cà - phê... Em pha rồi đây, mình lại uống kéo nguội.

Cái máy radio bỗng vang lên tiếng hát. Ông Tú cười, bảo vợ :

— Anh sửa mãi này giờ, nó cứ im phăng phắc như con-mẹ câm, bây giờ nó vừa nghe tiếng mới của em là nó thánh-thót reo lên... Em quả là năng tiên !

Bà Tú tủm-tủm cười :

— Minh khéo nịnh em thế ! .. Minh muốn ngồi bàn hay ngồi vông ?

— Ngồi dưới đất, mát hơn.

Bà Tú luôn luôn chiều ý chồng, đem hai tách cà-phê sửa đặt trên sàn gạch hoa, rồi ngồi sát bên chồng, dựa lưng vào vách tường. Bà uống một hớp rồi hỏi :

— Minh ơi, cà-phê mua lần này hình như ngon hơn lần trước Minh nhỉ ? Thơm hơn, có phải không, Minh ?

— Lần này em mua trứng cà-phê *moka*, ngon hơn cà-phê *arabica*.

— Cà-phê *moka* là cà-phê gì, hả Minh ?

— Là cà-phê lấy giống ở vùng Moka, trong xứ Yêmen, ở Trung Đông.

— Việt-Nam mình cũng có cà-phê, sao lại đi lấy giống tận nơi Moka chi cho xa vậy ?

— Việt-Nam mới trồng cà-phê hồi đầu thế kỷ XX, chứ trước kia mình đâu có nó. Những cây cà-phê đầu tiên trồng trên đất Việt-Nam là do đảo Java đem qua.

— Java ở đâu ?

— Ở Indonesia (Nam Dương) Em nên biết rằng nguyên-thủy, loài người chưa biết uống cà-phê, chưa biết cây cà-phê. Thế-kỷ thứ IX, một ông Thầy thuốc người A-Rập, tên là RAZÈS, có ghi trong một quyển nhật-ký của ông rằng ông đi du-lịch qua vùng rừng núi xứ Perse (Ba Tư), một hôm ông gặp một giống cây lạ có trái. Sẵn đói bụng, ông hái ăn, có mùi chát - chát, nhưng ông ngạc-nhiên một điều lạ ông đi đường xa hơi mệt, lại buồn ngủ, mà ăn trái cây này vào thì hết buồn ngủ, lại đi hăng-hái hơn trước. Tiếng Ba-Tư gọi là trái KAHOUA.

MINH Ơ I !

Mãi 600 năm sau, vào khoảng năm 1420, một vị lương-y khác cũng người A-Rập, tên là GEMAL EDDIN, tình cờ đọc quyển nhật-ký của RAZÈS.

Ông Gemal Eddin liền sang các rừng núi Ba Tư để kiếm trái *kahoua*, xem như thế nào. Ông nấu uống cũng thấy hết buồn ngủ, và lại kích động tinh thần, huyết dịch tuần hoàn đều hơn và mạnh hơn. Ông liền hái một bọc chở trên lưng lạc-dà đem về A-rập-bi trồng. Ông mở một tiệm thuốc ở Hải-cảng ADEN, bán nước *kahoua* làm thuốc bổ tim và bổ óc. Năm 1550 (130 năm sau) nhiều người lái buôn ở Turquie (Thổ nhĩ kỳ) sang Aden, uống nước *kahoua* thành nghiện, bèn mua hột đem về trồng, và bán ở kinh đô CONSTANTINOPLÉ đọc theo tiếng Turquie là trái KAHVÉ. Sứ thần Pháp ở Turquie uống thử thấy ngon, mua một hộp đem về dâng vua LOUIS XIV năm 1644. Vua Pháp uống một vài lần rồi ghiền luôn. Danh từ *Kahvé* khó đọc, người Pháp mới đổi ra thành CAFÉ. Trong số các vị cận-thần của Pháp triều có nhiều người Ý. Mấy người này đem café ở Pháp về

truyền - bá bên Ý, và đọc theo tiếng Ý là CAFFÈ. Người Anh bắt chước uống, cũng ghiền nốt. Do danh từ café của Pháp, người Anh đổi ra là COFFEE. Người Belges, người Hollands (Hòa Lan) cũng bắt đầu uống cà-phê và ghiền cà-phê từ đây.

Đầu thế kỷ XVII, cà-phê chia ra hai ngã mà tràn-lan khắp thế-giới. Một ngã, do người Holland (Hòa Lan) đem sang thuộc-địa của họ ở Java (Indonesia), trồng từng đồn-diền rộng lớn, để bán, vì ở xứ họ lạnh không trồng được.

Từ Java, họ đem bán sang Xiêm và Ấn-Độ.

— Ở Việt-Nam ?

Ở Việt-nam, những vườn cà-phê đầu-tiên do các ông Cố Đạo trồng tại mấy làng ở Quảng-Trị, vào khoảng năm 1830. Có lẽ, nhờ mấy vị Giáo-sĩ này ghiền cà-phê. Từ 1900 mới có các đồn-diền cà-phê ở Thanh-Hóa, Nghệ - An, Hà-tĩnh, rồi đến Kountum, Darlac, Đồng - nai-thượng. Có lẽ hồi thế-kỷ XVII, người Hòa-lan cũng đã đem cà-phê sang vùng Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn để đổi hạt tiêu, gừng, đường, và quế, nhưng

người Việt ta lúc bấy giờ quen uống trà, nên không mua cà-phê. Một mặt khác, cà-phê được đem sang Nam-Mỹ, do một chuyện tình rất buồn cười, rất lý-thú, y như sự tích Trọng-Thủy và My-Nương của xứ ta vậy..

Ông Tú uống một hộp cà-phê, chậm-rãi, chấp-chấp, thật lâu :

— Cà-phê này ngon thật !

Bà Tú sốt ruột :

— Chuyện tình về hộp cà-phê như thế nào, Minh ? Nói mau cho em nghe...

— Đề thông-thả... Cho anh điều thuốc hút đã.

Bà Tú đứng dậy lấy một điều thuốc, quẹt lửa châm, rồi đưa lên miệng chùng :

— Rồi đó, Minh nói đi.

— Người Pháp chỉ biết uống cà-phê, ghiền cà-phê hơn ai hết, nhưng trên đất họ không có trồng được một cây cà-phê. Một hôm, vào đầu thế-kỷ XVIII, chính-phủ Holland (Hà-Lan) muốn khoe với vua Pháp rằng họ có thuộc địa ở Indonesia và sản xuất được cà-phê, nên họ gởi tặng Pháp hoàng ba cây cà-phê con để trồng trong vườn bách-thảo Paris. Người Pháp chỉ trồng hai cây,

còn một cây đem qua trồng trên cũ-lao Martinique, là thuộc-địa của họ ở biển Antilles, Nam-Mỹ. Chính cây cà-phê này là thủy-tử của mấy trăm triệu cây cà-phê hiện nay là thổ sản phong-phú nhất ở Nam-Mỹ, nhất là ở Brésil.

Vua Pháp cho người đem cây cà-phê con kia sang đảo Martinique và dặn viên Thống-đốc trấn-nhiệm nơi đây phải rán gây được một đồn-diễn cà-phê như người Hoà-Lan ở Java. Có lệnh triệi-đề không được để lọt một trái cà-phê nào ra ngoài, vì lúc bấy giờ cà-phê là của hiếm, các nước sản-xuất cà-phê đều giấu nhem trái và hạt, chỉ bán cà-phê bột thôi. Viên Thống-đốc Pháp ở đảo La Martinique tuân theo lệnh Vua, và đã gây được một vườn cà-phê, có lính canh gác cẩn-mật. Chung quanh vườn, có yết tấm bảng «Cấm-địa». Ông Thống-đốc có một bà vợ đẹp, đẹp tuyệt-trần, và bà vợ đẹp có một tình-nhân. Tên chàng là FRANCESCO DE MELLO PALHETO, người quê quán xứ Portugal (Bồ-đào-Nha). Một hôm tình-quân âu-yếm hỏi nàng :

— Cái gì quý nhất trên đảo

Martinique này ?

Nàng ngả đầu trên vai chàng, khẽ đáp :

— Anh quý nhất.

Chàng mỉm cười :

— Không đúng. Cây cà-phê quý nhất... Ước gì em cho anh một trái cà-phê để làm kỷ-niệm, một trái thôi.

Vợ viên Thống-đốc mỉm cười. Nửa đêm nàng lén chổng, ra vườn bứng nguyên cả một cây cà-phê con, gói-ghém cẩn-thận, trao tận tay chàng Palheto. Hôm sau, Palheto đáp tàu thủy sang xứ Brésil, với cây cà-phê giấu trong va-li. Chàng mua một sớ đất hoang rào dậu xung-quanh và... âu-yếm trồng cây cà-phê độc nhất, kỷ-niệm của người yêu. Mấy năm sau, cây cà-phê ấy thành một trăm cây cà-phê. Rồi một nghìn cây, một vạn cây một triệu cây... Palheto trở thành nhà triệu-phú, độc quyền sản-xuất cà-phê ở Brésil và Nam-Mỹ.

Ngày nay, Brésil là xứ sản-xuất cà-phê giàu nhất, là nhờ cây cà-phê giống của bà Thống-đốc La Martinique tặng lén cho anh tình-nhân Francesco de Mello Palheto... Thành-phố Sao Paulo của Brésil là nơi xuất-cảng cà-phê đầu tiên của chàng, ngày nay

trở thành một đô-thị giàu nhất của Nam-Mỹ nhờ buôn bán cà-phê.

— Giống chuyện nàng My-Nương lấy cặp chiếc ná thần của Vua cha, đem trao cho Trọng-Thủy, Minh nhi !

— Chàng Trọng-Thủy Palheto cũng đã thành công nhờ mưu-mô lừa-gạt người yêu, và sau đó cà-phê của chàng đem bán tràn-ngập thị trường La Martinique... Em cũng nên biết rằng hộp cà-phê không những đã gây ra một thiên tình-sử, mà nó còn đâm chồi nức mọng trong Văn-chương, và trong Lịch-sử nữa.

— Vai trò của cà-phê trong văn-chương và Lịch-sử như thế nào, hả Minh ?

— Ngày nay, ai cũng uống cà-phê, cho cà-phê là thường. Cái thích uống cà-phê do người Pháp truyền sang cho ta, nhưng hồi thế-kỷ XVII và XVIII, cà-phê mới được truyền sang Pháp và Âu-châu là do từ các xứ ở Trung-Đông : Turquie, Arabie, Perse. Cho nên lúc bấy giờ uống cà-phê đã thành ra một cái «mốt», một phong-trào bắt đầu thịnh-hành từ Vua và Triều-dình đến các tầng lớp dân-chúng. Nhưng cũng có

nhiều người không ưa cà-phê và đã-đào cà-phê, trong số đó có bà Nữ-sĩ DE SÉVIGNÉ (thế-kỷ XVII), và nhà Đại-văn-hào VOLTAIRE, (Thế-kỷ XVIII). Bà De Sévigné thường viết thư cho con gái của bà, trong một bức thư bà có viết một câu phê-bình Thi-sĩ Racine : *« Racine fait des Comédies pour la Champmeslé ; ce n'est pas pour les siècles à venir »* (Racine viết kịch là để tặng cho cụ Champmeslé, chứ không phải viết để lại cho hậu thế). Champmeslé là một nữ danh ca được thi-sĩ và kịch-sĩ Racine rất yêu và cho đóng những vai chính trong một vài bản kịch bất tử của ông. Nhưng bà Sévigné viết thư cho con gái, phê-bình theo nhận-xét riêng của bà, chê kịch của Racine, và cho rằng vì người yêu mà ông soạn những bản kịch ấy chứ không phải vì Văn-ngệ. Bốn năm sau, bà lại viết cho con gái một câu : *« Vous voyez la bien revenue du café ! Melle de Mérie l'a aussi chassé ! »* (Thế là con đã chán cà-phê rồi chứ ! Cô de Mérie cũng không còn xài nó nữa). Câu chuyện chỉ có thế, không dè 80 năm sau, — gần 1 thế-kỷ ! — nhà đại Thi-sĩ và kịch-sĩ VOLTAIRE lại có ác-y

xuyên tạc hai câu văn trên kia của bà de Sévigné, thành ra : *« Racine passera comme le café ! »* (Racine sẽ hết thời, cũng như cái mốt cà-phê vậy !). Bởi Voltaire rất ghét cà-phê, và lại ghen-ghét văn tài của Racine, nên muốn ám-chỉ cái mốt mê thơ và kịch của Racine cũng như cái mốt uống cà-phê vậy. Nhưng ông lại gán cho bà Sévigné câu nói tên kia. Các nhà trí-thức và dân chúng không có đọc những bức thư của bà De Sévigné; chỉ đọc Voltaire, nên tin theo như Voltaire, mà câu : *Racine passera comme le café* tự-nhiên được truyền-tụng đến ngày nay, thành câu tục ngữ.

Ngày nay người ta thường nói : « Cái mốt đó cũng như mốt uống cà-phê vậy », nghĩa là cái mốt xôn-xao nhất-thời, không bền, chính là do câu trên kia của Thi-hào VOLTAIRE gán cho Nữ-sĩ de SÉVIGNÉ. Dưới thời Napoléon, ông TALLEYRAND cũng phê-bình cà-phê một câu được truyền tụng : « Đen như con quỷ-sứ, nóng như địa ngục, tinh-khiết như vị Thiên-thần, dịu-dàng như tình yêu » (Noir comme le Diable, chaud comme l'enfer, pur comme un ange, doux comme l'amour) để tả cái dở và cái hay

của cà-phê. Phong-trào cà-phê bùng-bột ở cái xứ A-Rập trước nhất, và những tiệm cà-phê đầu tiên được mở tại kinh - đô La Mecque, thế kỷ XVI. Dần chúng đến đây, uống cà-phê và đánh cờ, chơi đàn, khiêu vũ. Kế tiếp là ở Thổ-nhĩ-Kỳ, Ai-Cập, rồi truyền sang Âu-châu. Năm 1640, tiệm cà-phê bắt đầu mở ở Venise (Ý), năm 1672 tại London (Anh). Năm 1675, vua Anh là CHARLES II ra chỉ dụ đóng cửa các tiệm cà-phê vì lý-do « thuần phong mỹ tục », thanh-niên hay tụ tập các tiệm cà-phê, uống cà-phê, thức khuya làm chuyện « tối bại » !. Năm 1654, tiệm cà-phê đầu tiên của Pháp mở tại Marseille Thời-kỳ cách mạng Pháp, dân chúng ưa nhóm họp tại các tiệm cà-phê, uống cà-phê và bàn chuyện chính-trị. Năm 1790, ở Paris có đến 900 tiệm, phần nhiều dùng làm nơi hội-hợp của thanh-niên cách-mạng. Như *Café National*, nơi họp của các tay thủ - lĩnh DANTON, ROBESPIERRE, DESMOULINS. *Café des Arts*, nơi gặp mặt của các Thi-sĩ Văn-sĩ.

Café Pracope, Café Valots, nơi tụ họp của phe Bảo-hoàng, *Café*

Lemblais của phe Bonaparte, *Café de la Régence* của phe trường-giã, quý phái « trùm chăn ». NAPO. LÉON Ier đóng cửa các tiệm cà-phê vì « trật-tự an-ninh »; qua LOUIS PHILIPPE được phép mở cửa lại, và được thịnh-hành nhất dưới thời NAPOLÉON III. Các thi sĩ VICTOR HUGO, (trước khi bị đày) LAMARTINE, MUSSET v.v... thường nhóm-hợp nơi các tiệm cà-phê để phê-bình văn-ngệ, và công kích chính-phủ. Ở Việt-Nam chỉ có SÀI-GÒN, các tỉnh Nam-Việt và miền Nam Trung-Việt là dân chúng quen uống cà-phê và thích lân-la các tiệm cà-phê của Hoa kiều ở gần khắp các ngã ba, ngã tư đường phố. Từ QUI NHON ra HUẾ, HÀ NỘI cà-phê ít được thông dụng. Có điều lạ, là ở Nam Việt, xứ nóng cà-phê lại rất được thịnh-hành, mà ở Bắc Việt xứ lạnh, quảng đại quần-chúng lại không thích uống cà-phê, chỉ nước trà, nước vối. Nhà nào cũng có một bình-tích và một thermos.

— Minh ơi, người ta bảo uống cà-phê không ngủ được, và có hại cho sức khoẻ nhiều hơn là có lợi. Đúng không ?

— Đúng, hay không, cũng tùy

nơi thề chất của mỗi người. Theo phân-tách khoa-học, chất *Caféine* ở trong hạt cà-phê vừa là một chất bổ kích-thích trí óc và tim, vừa thông tiêu-tiện. Mỗi tách cà phê đậm chứa độ 90 milligrammes *caféine* : Đối với người sức khoẻ thường, thì số lượng này không đủ làm cho họ mất giấc ngủ.

Người sức yếu, hoặc không quen uống cà-phê, thì một nửa tách (45 milligrammes chất *caféine*) cũng làm cho họ ngủ không được. Theo Bác sĩ H. HOLLINGWORTH, thì chất bổ của *caféine* có ảnh-hưởng mau lẹ và tạm thời cho tim, và chậm-rãi lâu bền cho trí óc. Cà-phê chỉ kích-thích nếu uống trong lúc bụng đói. Nhưng đường và kem làm giảm-bớt sức kích-thích của nó. Vì nó bổ cho bộ máy huyết-dịch tuần-hoàn, cho nên các ông thầy thuốc khuyên những người bị bệnh tăng huyết-áp (hypertendus) không nên uống nó. Bác-sĩ SAMUEL PRESCOTT cho rằng các chứng nhức đầu, loạn thần kinh, đau dạ dày có thể nhờ cà-phê làm dịu bớt, có khi khỏi hẳn. Tóm lại, cà-phê là một chất uống bổ cho sức khoẻ hơn là có hại. Những người có sức khoẻ trung-bình có thể uống mỗi

ngày 3 tách cà-phê sữa, hoặc cà-phê đường, trí óc được minh-mẫn, huyết chảy đều, tim không bị kích-dộng. Sau bữa tiệc nhiều món ăn, nên uống một tách cà-phê đen để giúp sự tiêu hóa.

— Hiện chỉ sáng nào và đêm nào Minh cũng đòi một tách cà-phê, Minh uống cà-phê, thức khuya giỏi quá, em chịu!

— Không có những tách cà-phê đó thì anh không làm việc được. Bà Tú đứng dậy, đem tách và muông đi rửa :

— Hồi mình ở tù, không có cà phê, Minh uống gì, hả Minh ?

— Uống bắp ran và cơm cháy. Một bọn ghien cà phê chuyên-môn đi xin bắp khô của Mọi, và cạy cơm cháy ở đít nồi, bỏ vào chảo ran cho thật đen, đổ vào cối đâm cho thật nhuyễn, thành bột, bỏ vào cái vớt bằng vải thưa, chế nước sôi vào, thành ra... cà-phê!

Ông Tú hít một hơi thuốc, chậm rãi nói nốt :

— Uống ngon... ra phết, em oi!

Bà Tú cười sặc-sụa...

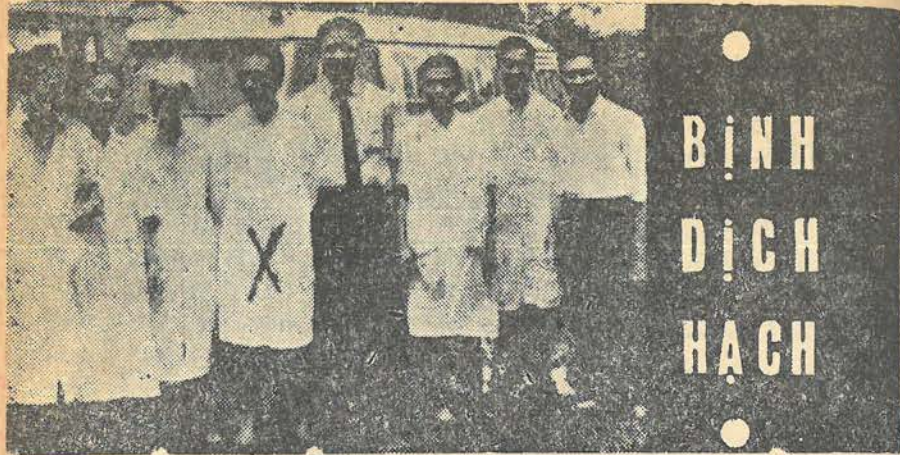
Diệu Huyền

BẰNG TẤT CẢ HÔM NAY



*Như xao xuyên tự bốn phương trời rộng
Sức đang lên của lứa tuổi vào đời
Hy vọng đầy tay hoa thắm trên môi
Mắt ngời sáng một niềm tin mãnh liệt
Tôi đứng lên với hồn trai quả quyết
Với đôi chân ngạo mạn cả trần-gian
Đặt bước đầu tiên vào cuộc sống — ngang tàng
Tôi cởi mở giăng hai tay thật rộng
Ôm cả cuộc đời : cỏ hoa thơ mộng
Cả gian nguy giữa cuộc sống muôn màu
Bằng tim trai đang rộn giấc mơ đầu
Bằng sắc thắm của hoa hồng mới nở
Không mơ mộng để vào đời bỏ ngõ
Không bi quan làm nhạt vị men nồng
Tôi thân nhiên dẫm bước lên hoa hồng
Dù vẫn biết hoa chứa nhiều gai sắc
Tôi thân nhiên yêu màu xanh ngoài mặt
Của cuộc đời đầy gió bão bên trong
Với say mê đang rạo rực trong lòng
Với hăng hái lần theo từng huyết mạch
« Tôi thân nhiên vì đang cần thử thách
Để rèn thêm nghị lực cho tuổi trai »
Đủ sức đi trong suốt cả ngày mai
Mà tôi đoán sẽ có nhiều giông tố
Với bình lính, thân nhiên, không bỏ ngõ
Tôi vào đời bằng-lát-cả-hôm-nay !*

CAO-HOÀNG-NHÂN



BỆNH DỊCH HẠCH

Chúng tôi đã đến xã Cẩm Mỹ thuộc tỉnh Long-Khánh để thấy tận mắt 5 đồng bào chết vì bệnh dịch hạch. Bệnh dịch hạch như thế nào. Trong tạp-chí Phò-Thông cô Diệu - Huyền và Bác-sĩ Hoàng-mộng-Lương đã có lần nói đến rất rõ ràng đầy đủ. Nay nhân dịp chứng bệnh nguy hiểm ấy vừa xảy ra ở Việt-Nam, tôi xin nói thêm vài chi tiết để đồng bào lưu ý đề phòng.

★ NGUYỄN
ANG
CA

CHÍNH lắm đồng bào mang mầm bệnh dịch hạch mà không biết, hoặc không chịu chữa, lẫn-trộn bác-sĩ, thành thử chẳng những thiệt mạng mình mà lại còn gây cho người chung quanh một hiểm họa lớn lao.

Rất nhiều đồng bào « vùng dịch hạch » đã tìm cách trốn ra « khỏi vòng kiểm soát y tế » vì... sợ « Ma bắt », « Tà hù »!

(theo những người quá mê-tín).

Để giúp các bạn trẻ hiểu biết về bệnh dịch hạch hay dịch chuột hươ, tôi xin nói rõ những đặc điểm cần biết, đáng nhớ : Bác sĩ Yersin là người đã tìm

Cộng sự viên của Phò-Thông, bạn Nguyễn-ang-Ca (đeo cravate) và bác sĩ Hoa-tiên-Sư (x) trong dịp viếng vùng dịch hạch Cẩm-Mỹ

biết vi trùng dịch hạch hồi năm 1894 tại Hương - Cảng và vì vậy, trong y học giới, gọi vi trùng dịch hạch là Yersin hay PASA PESTIS.

Trong phim «Cuốn theo chiều gió», ta hẳn có dịp thấy rõ ảnh hưởng khốc hại của... bò chét chuột, « tác giả » của chứng dịch hạch.

Dịch hạch đã tràn lan từ miền Tây Huê-Kỳ qua những cánh đồng hoang Nam-Mỹ, tiến vào phía Nam Phi-Châu, tận công Cạn - Đông, Âu-Châu, Á-Châu và đặt « tổng hành dinh » tại tỉnh KOURDISTAN thuộc Ba-Tur (Iran).

Ngoài tổng hành dinh đó, dịch hạch còn đặt nhiều hành dinh phụ thuộc ở hai miền Nam, Đông Nga-sô-viết và trung tâm điểm Á-Châu gồm có Ấn Độ, Miên - Điện, Nam - Dương và Trung-Hoa.

Đến bây giờ, nhờ y học phát triển, khắp thế giới có thể kiểm soát được dịch chuột ở thành thị, chó riêng miền thôn rẫy, heo lán thì chỗ nào có loài gặm nhấm (rongeurs) nhà hay rừng (chuột, sóc, bọ...) toàn là những chỗ chứa vi-trùng quan

trọng. Đáng sợ nhất là loài chuột. Vậy, các cha thích nhậu chuột nướng với rượu để nên cẩn thận ! Chính các tay nhậu chuột lắm khi mắc bịch mà không bao giờ biết !

Loại bọ chét tên XENOP-SYLLACHEOPIS là trung gian đem bệnh. Như mụ cho vay khác nghiệt, « y » hút máu bệnh hơn đây vi trùng cho « no bóc ké » rồi... cho nhiều « tay em » khác vay... bệnh ! Người bị dịch-hạch bị sốt nặng, hay nói sãng, mê man, ở kẹt háng, nách có mụn hạch có mũ, chảy máu. Lúc có triệu chứng như vậy là bệnh nặng, tìm suy nhược lần lần...

Có lắm người đã làm cơn sốt của dịch hạch với bệnh sưng phổi (PNEUMOCOQUE) vì vậy khi dùng COMBIOTIC (thần dược trị bệnh sưng phổi) để chống với vi trùng Yersin thì chẳng ăn thua gì !

Trái lại, nếu cấp bách dùng STREPTOMYCINE, có khi bệnh sẽ hết.

Bệnh định-hạch là một chứng bệnh lây dễ dàng chóng nhoáng. Có khi nó liên kết với vi trùng sưng phổi để làm cho chứng

bệnh trầm trọng hơn.

Nên nhớ một khi chuột bị bệnh mà chết rồi thì bỏ chét lại đi tìm người khác mà cần và truyền bệnh. Cũng có khi nói chuyện, bệnh nhân ho, nước miếng văng ra đầy đầy vì trùng sa vào người đối thoại hay đối diện.

Dịch chuột có thể lây truyền vì chuột đi dưới tàu thủy từ xứ lạ ở phương trời xa xâm nào đó để đột nhập vào xứ sở của ta.

Trong các biến chứng, dịch hạch chia ra làm loại :

1. — Dịch có hạch. Bắt đầu lạnh ran như làm cử rét, sau nóng mê mang, rêm cả mình mẩy. Rồi 24 giờ sau, hạch nổi lên.

2. — Dịch chảy máu. Bắt đầu nóng lên cao 40 0/0, giật mình mẩy, tay chân như làm kính phong, nói xàm, mê mang. Mình nổi nhiều vết đỏ hay dấu bầm. Tiêu ra máu, mửa ói ra máu...

3. — Dịch phổi phát khởi sau dịch hạch hay dịch máu. Ban đầu nhiệt độ lên 40 0/0. Ho nhiều như lên cơn suyễn. Sau ho có đàm, đàm có bọt, đàm biến màu hường, rồi màu đỏ như... tét-ni-cô-lo. Trong đàm,

nếu lấy kiến hiển-vi nhìn, ta sẽ thấy cả... "tiểu đoàn" vi trùng Yersin.

✱

Trước khi cho chúng tôi vào quan sát tận vùng dịch hạch, tức là xâm nhập hàng rào y-tế, Bác sĩ HOA - TIẾN - SỬ, Trưởng-ty y-tế Loug - Khánh, cho chúng tôi uống cả 6 viên thuốc to tướng !

Đó là loại thuốc «Sulfamides», võ-trang để chống lại với vi-trùng Yersin. Để chống lại dịch hạch còn có thuốc «Streptomycine» và loại kháng sinh (antibiotiques) hay loại «tétracycline» hoặc «Sulfadiazine». Có thể phụ họa thêm «pénicilline» (khi nhiệt độ tăng) nhưng nếu «pénicilline» đi cu ky thì sẽ bất lực trước... bò chét chuột.

Khi một quốc gia bị bò chét chuột tấn công mà Chánh phủ đó không thể cự - đương thì chánh phủ xứ ấy có thể đánh điện S.O.S. cho tổ chức y-tế quốc-tế (OMS) và các xứ lân cận.

Chừng đó, một đội tinh binh y-tế Liên Hiệp Quốc sẽ rần rộ kéo sang cứu viện để giúp quốc gia đó, chống lại với một dịch thủ lợi hại khủng khiếp : Bò chét chuột !

THAO THỨC

Tiếng gà giục-giã báo sang-canh
 Bóng nguyệt buâng-khuông xế nửa màn
 Gió trời nhạc buồn quanh ngô trúc
 Dế ngâm cung oán suốt đêm thanh
 Đèn soi bóng lẻ tìm hầu lụn
 Sầu ngạo hồn đơn mộng chữa thành
 Khắc khoải canh tàn vang tiếng quốc
 Nào nùng ai xót bạn chung-tình ?

TRÚC-MAI
 (Giồng-Trôm)



Đalat
mến
yêu

Hồ xanh thoang-thoảng phấn bình-minh,
 Non nước mơ-màng cảnh sắc xinh.
 Nắng đơm cỏ hoa, thêm thắm mộng,
 Mưa chan đời núi gột bao tình.
 Âm-u chiều muộn, mờ sương khổi.
 Cô-tịch đêm tàn, áng nguyệt trinh.
 Xa vọng băng-quơ thương nhớ gột,
 Gió mây muôn nẻo rộng thình-thình.

THANH-NGUYỄN
 Đalat ngày 13/5/61

Một giấc Mơ hoa



(Xem P. T. từ số 55)

★ Ngày mười bảy

Hôm nay, vờ xin tiền Mẹ để mua một quyển sách, nhưng sự thật là để mua một ống khóa. Hồng phải khóa cái ngăn kéo bàn học để cất kín quyển Nhật-ký. Bỏ trong cặp mỗi ngày mang theo vào lớp thật là bất tiện, tại nó cứ lục lọi của Hồng. Còn để ở nhà nhờ bà Mai bà Vân trông thấy, thì có nước tự tử! Tấm thiệp *Bonne Année* của Hải, cũng phải giấu kín chứ Bé Thừa bé Út chuyên môn phá phách đồ đạc trên bàn của Hồng trong lúc Hồng đi học. Trông thấy tấm *Bonne Année* đẹp chắc chắn là chúng nó lấy chơi, không khéo lại đưa chị Mai chị Vân xem cũng nên!

Lần đầu tiên, Hồng cảm thấy như Hồng đang giấu-giếm một tội lỗi ghê-gớm gì đấy! Chưa biết có phải là một tội lỗi hay không, nhưng trước kia, hồi 14, 15 tuổi, Hồng đâu có một người bạn trai gửi tặng thiệp *Bonne Année* với một câu chúc mừng đầy ý nghĩa triu mến? Nhận được tấm thiệp của Hải, Hồng lo giấu kín, chỉ sợ Thầy Me trông thấy, sợ chị Mai chị Vân bắt gặp, sợ mấy con bạn biết, sợ cả bé Thừa, bé Út, hai đứa em nhỏ xíu chưa biết gì! Tại sao Hồng lo sợ như thế nhỉ? Đến cả tập Nhật ký này Hồng cũng không dám để cho ai trông thấy.

Hồng nghĩ đời Hồng đã có gì khác lạ đâu, thế mà tại sao tâm sự của Hồng hình như đang có đôi phần thay đổi? Không thay đổi sao lại lén lút giấu một tấm *carte de Bonne Année* của một chàng con giai gửi tặng? Không thay đổi sao lại nói dối Mẹ xin tiền để mua một ổ khóa? Lúc 14, 15 tuổi (mười năm trước đây) Hồng chả có gì là bí mật cả. Chả phải giấu giếm ai điều gì cả. Hồng sống vui vẻ giữa gia đình rất bình thân tự nhiên, hoàn toàn vô tư lự. Bước sang năm nay, Hồng mới thêm được một tuổi, bỗng dưng Hồng cảm thấy như đã bắt đầu bần khoãn... lo nghĩ... như âm thầm che giấu một tội lỗi gì.

Rất tiếc Hồng còn trẻ quá, chưa hiểu được khoa tâm lý! Hồng ước sao có thể phân tách được những bí ẩn của con tim... con tim còn trong trắng ngây thơ..

★ Ngày Mười-Tám. 1 giờ trưa.

Học mãi định-lý Pythagore từ đêm qua đến nay vẫn chưa thuộc!

Hồng cầm quyển sách Toán, nằm trên giường, nhắm mắt đọc ôn lại bài học, nhưng hình vuông và hình tam-giác cứ như khiêu-vũ trong trí nhớ với hai đóa hoa hồng trên tấm thiệp *Bonne Année* của Hải.. Hồng để sách xuống giường, ngồi dậy, khẽ mở ngăn kéo lấy tấm thiệp ra xem... xem đi xem lại nét chữ của Hải viết tặng Hồng. *« Mến tặng Duyên-Hồng, là hình ảnh diễm tuyệt nhất của mùa xuân bất diệt »*... Hai câu này Hồng không đọc

nhưng đã thuộc lâu... Chữ của Hải viết đẹp lắm. Hải ký tên cũng khéo nữa. Hai câu « *Mến tặng* »... duyên-dáng làm sao ! Hải gọi « *Duyên-Hồng* », không gọi « cô »... Gọi tên không như thế nghe có vẻ thân mật hơn. Lần đầu tiên, một chàng con giai gọi « *Duyên-Hồng* » với giọng âu-yếm, anh ấy mới quen Hồng mà như đã quen lâu rồi. Hải khen Hồng là « *hình ảnh diễm tuyệt nhất của mùa xuân bất-diệt* ». Nghe hay hay là !.. Thế ra Hải chưa gặp ai diễm-tuyệt hơn Hồng ư ? Hồng diễm-tuyệt nhất ư ? Hồng còn bé cơ mà. Hồng mới có 16 tuổi mà Hải đã thấy Hồng đẹp nhất thật ư ?.. Có nhẽ Hồng đẹp nhất trong các cô con gái cho nên Hải mới bảo thế chứ. Hải thành thật đấy, không phải Hải giả dối đâu. Thảo nào hôm Tết ở nhà Hải, Hải cứ nhìn Hồng... đôi mắt của Hải nhìn Hồng làm sao ấy, Hồng chả dám nhìn Hải tí nào cả... Hôm ấy Hồng thẹn thẹn làm sao ấy nhỉ ? Giã-sử hôm ấy Hải đứng trước mặt Hồng, nói với Hồng câu ấy, chắc là Hồng chả dám nghe... Chắc Hồng phải bịt hai lỗ tai, kéo nhỡ nghe thì khốn ! Giã-sử Hồng nghe thì sao nhỉ ? Hồng nghĩ thế này không biết có đúng không : Hải muốn nói mà không nói, sợ Hồng thẹn, nên Hải viết trên thiệp hoa Hồng gửi tặng Hồng... ờ, không biết chừng thế cũng nên... « *Mến tặng Duyên Hồng*... » Sao lại « *Mến* » nhỉ ? Con giai « *mến* » con gái, nghĩa là thế nào ? Hải « *mến* » Hồng, cũng như Hồng *mến* con Lan con Huệ ấy chứ gì... Nhưng bạn gái với nhau thì « *mến* » là thường, chứ con giai... cơ mà ! Hải với Hồng đâu phải thật là bạn, mới quen nhau đây thôi. Hay là gặp một lần có cảm tình là « *mến* » ?

Hồng cũng chả hiểu có phải như thế không.., Hồng đâu phải là con giai mà biết được !

Thôi, gặp quyền nhật-ký lại. Hơi đâu mà thắc mắc... Học định lý Pythagore cho thuộc kẻo vào lớp cô Giáo hời, bị « *ăn trứng gà* » thì ê !

★ Ngày Hai-mươi-Hai... ● 9 giờ

Buồn quá.

★ Ngày 23 ● 12 giờ 30 trưa

Mấy hôm nay, chả thích viết Nhật-ký nữa. Hồng cảm thấy trong lòng buồn rười rượi, chả muốn làm gì tất cả. Mẹ hỏi Hồng : « Sao ăn cơm ít thế, hả con ? » Hồng thưa với Mẹ là Hồng no. Chị Mai thì cứ như là bà phù-thủy. Chị ấy tròng đôi mắt ốc bươu ngó Hồng, trông mà ghê ! « Con bé Hồng dạo này làm sao ấy, Mẹ ạ. Lúc thì nhí nha nhí nhảnh, lúc thì như thề hồn vía đi lên mây... Mày làm sao thế, hả Hồng ? » Giữa bữa cơm chị ấy « *kiềm thảo* » Hồng. May là hôm nay Thầy đi ăn cơm khách, không có ở nhà.

Hồng chả muốn giả nhời.

● 10 giờ đêm

Ghi vào đây cho nhớ. Lần thứ hai gặp chị Mai đi với « *Mèo* ». Đúng 5 giờ 30 chiều hôm nay là ngày 23 tháng giêng năm 1956. Hồng đi học về, nhưng mọi khi về thẳng nhà, chiều nay Loan rủ đi lên chợ Saigon, chọn hộ với Loan thứ hàng đẹp để Loan mua may áo. Hai đứa đi vélo-solex lên đến đường Pasteur sắp rẽ sang đường Lê-Lợi thì Loan đi trước làm dấu hiệu ngưng xe vào bờ lề. Hồng cũng ngưng xe, chưa hiểu lý-do. Loan bảo khẽ, chỉ dăng trước : « Ai đi kia giống cái dáng đi của chị Mai quá, mày à. » — « Chị Mai của tao hả ? » — « Ừ, kia - kia, đi với người đàn ông mặc áo « *rắn-ri sờ thú* » đấy. Đích thị chị ấy, chứ còn ai ! » Hồng ngó trong đám đông đi trên lề đường, quả thật có anh chàng « *rắn ri sờ thú* » đi cặp kè với bà Mai nhà này. Hồng thoáng có ý-nghĩ lên xe đi theo rồi xem hai ông bà dắt nhau đi đâu.

Nhưng Loan bảo : « Nhớ chị ấy trông thấy mày thì khốn ! » — Hai đứa mình đi sau, làm sao chị ấy trông thấy được ? — « Nhưng tội mình đi vélo-solex, còn chị ấy đi bộ, đường

phố xe cô đồng nghệt thế này làm sao đi theo sau?» Mav quá hai ông bà dắt nhau vào hiệu kem. Loan và Hồng lên xe chạy thật nhanh đi vòng đường chợ đến công trường Hòa bình gửi xe. Hồng giục Loan đi mua hàng cho nhanh để còn đi rình chị Mai. Nhưng khi Loan và Hồng đến gần đấy thì thấy bên kia đường, chị Mai và anh chàng « râu râu róm » vừa lên một chiếc taxi.

Thế là đã bắt quả tang.

Lúc Hồng về đến nhà, Mẹ chỉ hỏi qua loa tại sao về trễ, Hồng xin lỗi Mẹ vì đi với Loan mà không xin phép Mẹ trước, Mẹ không la Hồng. Chị Mai chắc hẳn về trước Hồng độ vài chục phút, đã không biết thân lại còn lên giọng đạo đức, mắng Hồng đi học về trễ. « Mày đi chơi đâu? » Hồng đáp: — Em chả đi chơi đâu cả. Em đi lên chợ Sài Gòn, xem nhiều chuyện hay lắm. Chị muốn biết em kể lại cho chị nghe».

Bà ấy ngồi im. Hồng cũng chả nói nữa, nhất định cất cái bí-mật ấy vào ngăn kéo khóa lại.

★ Ngày 24

Hồng muốn biết anh chàng «Râu râu róm» làm nghề-nghiệp gì. Tên hẳn là gì? Chả hiểu lai-lịch anh ta thế nào, nhưng trông bộ-tịch và dáng-diệu có vẻ «lưu-manh» nhất trên đời. Không biết làm thế nào chị Mai lại quen với hẳn? Quen từ lúc nào?

Trước kia, Hồng chả bao giờ để-ý đến đàn ông. Tự-nhiên bây giờ lại nhận-xét phân-biệt. Có điều này rõ thật là vô-lý:

Người đàn ông kia đối với Hồng, là một người hoàn-toàn xa lạ, một trong muôn vạn người đàn ông không hề quen biết gì với Hồng cả, thế mà do một sự ngẫu-nhiên, Hồng để ý đến người ta. Người ta cũng không biết Hồng, chị Mai cũng không ngờ rằng Hồng biết, cả nhà, Thầy Mẹ, chị Vân, chẳng ai biết, chỉ có mỗi một mình Hồng là đã trông rõ mặt anh chàng và biết chàng là tình nhân của chị Mai.

Hồng nhất định rình xem hai người này sẽ làm gì. Nhớ đừng

thồ-lộ tý gì để chị Mai nghi-ngờ. Chị ấy tưởng chuyện của chị là bí-mật, hoàn-toàn bí-mật, chị có ngờ đâu mình đã khám phá được bí mật ấy rồi, mà mình vẫn giữ làm chuyện bí-mật riêng của mình.

★ Ngày 26 ● 1 giờ chiều.

Sáng nay Mỹ-Thanh trông thấy Hồng, ngượng-ngượng. Cả hai đứa cùng ngượng. Mỹ-Thanh nắm cánh tay Hồng, hỏi:

— Chị Hồng mấy hôm nay đến giờ chơi sao cứ ở trong lớp, không ra sân chơi?

— Hồng nhúc đầu quá...

— Sao thế? Học bài nhiều, bà chị?

— Ừ, không biết Thanh thế nào, chứ lớp Hồng mấy cô Giáo bắt học ứ hơi!

— Lớp em, từ hôm Tết vào học lo-là. Mấy đứa bạn em còn đem bịch dừa vào lớp, cắn, chị ơi.

Nói chuyện vớ-vẩn một lúc, Thanh hỏi:

— Chị có xem cái thư chưa?

— Thư gì cơ?

— Thư của anh Hải em hôm nọ ấy mà.

Hồng cười, không biết giả nhời làm sao. Hồng vờ hỏi:

— Tấm thiệp «Bonne année» ấy hả?

— Em chả biết. Em cứ tưởng lá thư...

— Cái thiệp hai hoa hồng đẹp lắm. Hồng cảm ơn... anh Hải.

— Chị không giả nhời à?

— Hồng không biết giả nhời như thế nào.

— Anh Hải em cứ hỏi em mãi. Hôm nào đi học về, anh ấy cũng hỏi.

— Hỏi sao?

— Hồi em đã trao thư cho Hồng chưa? Hồng có bảo gì không? Sao không thấy Hồng giả nhời?...

— Hồng chưa viết thư cho ai lần nào. Biết viết gì bây giờ?

— Anh Hải gửi «Carte de Bonne Année» chúc Hồng, thì Hồng gửi thư chúc lại.

— Hay là Thanh viết hộ cho Hồng đi. Hồng không biết viết. Hai đứa cùng cười.

— Anh Hải cứ nhắc đến Hồng luôn. Anh ấy bảo với em thế này: “Anh trông-tư Hồng mất rồi”.

— Trông-tư là thế nào?

— Em cũng không hiểu. Anh ấy bảo thế, em biết thế.

Lúc này, đi học về, Hồng vội vàng hỏi Me:

— Me ơi Me, «trông-tư» là gì, hà Me? Bà cụ cười:

— Con hỏi làm gì chữ ấy?

— Con học trong một bài thơ của... Nguyễn-Du, mà con không hiểu nghĩa...

— Sao con không hỏi cô Giáo?

— Con không... dám hỏi.

— Trông-tư là thương nhớ.

— Thế hà, Me? Như Me đi đâu vắng, con thương Me, là trông tư phải không, Me?

Bà cụ nhỏ một bệt nước trà đồ tươi vào ống nhổ, rồi cười:

— Con giai con gái thương nhớ với nhau mới gọi là *trông tư*. Như trong truyện Kiều, Thúy-Kiều nhớ Kim-Trọng, Kim-Trọng cũng nhớ Thúy-Kiều, thế là *trông-tư*.

— À, con hiểu rồi.

Hôm nay Hồng học thêm được một danh-từ mới...

(Còn nữa)

PAUL et VIRGINIE



Beznadin de Saint-Pierre
HOÀNG-THẮNG lược-dịch

(Tiếp theo P.T. số 58)

LÚC đó vào cuối tháng chạp. Trời nắng gay gắt. Không một ngọn gió thổi. Đất nứt nẻ, ngòi khô cạn. Đàn dê nghèn cổ lên trời kêu thảm thiết vì cỏ trên núi bị úa cháy hết. Những người đi chăn phải nằm xuống đất để tìm hơi mát nhưng đầu đầu, đất cũng nóng bỏng. Ngay ban đêm cũng không có gió.

Virginie không ngủ được phải trở dậy đi ra suối. Nơi đây con suối còn chút nước róc rách chảy, Virginie dầm mình trong hồ nước,

vùng vẫy làm rung động bóng hai cây dừa ngã xuống nòng dưới ánh trăng vàng vạc. Nhìn bóng cây, nàng rung mình sợ hãi vì đêm tối và sự cô độc, Virginie vội vã chạy về nhà và khóc vô cớ trong tay bà mẹ.

Nhưng rồi — nắng quá sẽ phải mưa to — từng thác nước ào ào đổ xuống làm ngập cả thung lũng. Những căn lều đã biến thành những hòn đảo nhỏ nổi giữa hồ nước mênh mông.

Mọi người đều trú trong căn lều của bà De la Tour, mồm luôn

luôn cầu nguyện Chúa cứu giúp. Mái nhà kêu rảng rác mỗi lần gió thổi mạnh. Dù cửa đều đóng kín mít, mỗi lần chớp nhoáng, trong nhà đều sáng như ban ngày. Marie nhầy nhồm, miệng không ngớt thở dài. Chiếc nhà nhỏ lắc lư như con tàu gặp nguy nan trên biển động. Riêng Paul và Domingue thình thoảng lại đi coi chừng từng căn lều một.

May thay, tới chiều thì trời tạnh. Mây đen đã bị súa đuổi hết và mặt trời lại hiện ra nơi chân trời.

Virginie theo Paul ra ngoài coi cảnh vật. Khi thấy cây cối bị trốc rễ nằm ngổn ngang, đồng cỏ bị phủ đầy cát, nàng rên rỉ :

— Hết cả hoa, hết cả chim chóc rồi ! Cái hồ tắm cũng ngập đầy cát. May hai cây dừa hãy còn đứng vững.

Anh mang chim về đây, mua bão đã giết chết chúng. Anh trồng khu vườn này, tất cả đều bị tàn phá hết. Chỉ có trời là không thay đổi.

— Vậy mà anh không thể tặng em thứ gì trên trời cả. Ngay cả trên mặt đất nữa.

Virginie nhút nát nói :

— Anh có bức hình thánh Paul. Vừa nghe nói xong, Paul vội chạy bay về nhà để kiểm. Đó là tấm hình nhỏ lồng trong chiếc khung mà bà Marguerite đã đeo từ hồi còn con gái, Paul trở lại trao cho cô gái.

— Đây em cầm lấy, anh tặng em đó.

Virginie cảm động :

— Anh, em không thể nào quên được khi anh cho em vật độc nhất mà anh có. Không một ai có thể chiếm nó được nếu em còn sống.

Paul muốn ôm cô gái vào lòng nhưng cậu ngạc nhiên hết sức khi thấy Virginie lẹ tránh làm cậu chưng hửng.

Ít lâu sau, bà Marguerite bàn tính với bà De la Tour chuyện cho hai đứa trẻ lấy nhau.

— Nhưng chúng hãy còn trẻ quá và nghèo nữa. Làm sao chúng có thể nuôi con cái được. Domingue thì già rồi, Marie lại tàn tật. Tôi thấy sức khỏe cũng sút kém mà chị thì cũng chẳng mạnh gì.

— Đúng rồi, ở những xứ nóng người ta chóng già quá và chúng ta chỉ còn mình thằng Paul để tin

trưởng. Chúng ta phải chờ đợi vài năm nữa để nó có thể đáng mọi công việc.

— Tôi có ý kiến. Tôi nghe nói đi buôn sang xứ Indes để kiếm tiền lắm. Tại sao thằng Paul không đi để thử thời vận ? Nếu may mắn, khi trở về nó sẽ mua thêm vài đừa nô-lê về. Có như vậy cơ nghiệp của chúng ta mới bành trướng chứ.

Hai người hỏi ý kiến ông già. Ông lão cũng đồng ý. Nhưng khi hỏi Paul thì cậu lại không thích khi phải xa cách Virginie, nhất là lúc này nàng có vẻ yếu ớt sau trận giông tố. Trông Virginie trắng bệch. Nàng không cười vô tư như mọi khi nữa. Thình thoảng nàng vui vẻ hoặc buồn siu một cách vô cớ.

Khi Paul khuyên nhủ nàng thì cô gái lại quay mặt đi không đáp lời và ôm lấy mẹ, khóc nức nở.

ÍT lâu sau có một chiếc tàu từ bên Pháp sang. Ông thống đốc đảo báo cho bà De la Tour biết có một bức thư của bà cô gửi. Bà De la Tour đọc cho mọi người nghe. Đại ý lá thư cho hay bà bị bệnh nên muốn cháu trở về Pháp với bà. Nếu bà De la Tour không thể đi xa được thì cho Virginie

sang. Bà hứa sẽ săn sóc giầy đỡ Virginie nên người cùng sẽ cho Virginie hết cả gia-tài.

Khi bà De la Tour đọc xong lá thư, mọi người đều ngạc nhiên không nói nên lời. Marie và Domingue chỉ kêu Trời, Paul cũng lặng thình rồi đùng đùng nổi giận. Virginie, mắt nhìn mẹ, cũng không nói một tiếng.

Bà Marguerite ấp úng hỏi :

— Chị có tính đi không ?

— Ô, không bao giờ tôi xa chị đâu. Chúng ta đã chung sống với nhau nơi đây, tôi cũng chỉ muốn được chết ở đây mà thôi.

— Tôi chỉ biết có hạnh phúc trong tình yêu thương của chị và không bao giờ tôi đánh đổi những căn lều này ngay với những sự giàu sang nhất trên đời.

Paul ôm chăm lấy bà De la Tour :

— Con cũng không bao giờ muốn xa mẹ. Chúng con làm việc cho mẹ và mẹ cũng không bao giờ bị thiếu thốn khi ở với chúng con.

— Vâng, vâng, Marie và Domingue đồng nói, bà vẫn ở lại và chúng con vẫn làm việc.

Riêng Virginie không nói gì. Nàng cảm động không nói lên lời nhưng suốt ngày hôm đó, nàng trở nên vui vẻ.

Sáng hôm sau, khi mọi người

đang dùng bữa điềm tâm, sau khi đã cầu nguyện, Domingue chợt kêu lên :

— Bà ơi, có một người cưỡi ngựa đi tới. Có cả hai người da đen đi theo cùng.

Đó là ông De la Bourdonnais, thống đốc đảo Isle-de-France. Vào trong nhà, nhìn thấy bữa cơm của mọi người quá ư thanh đạm, khăn trải bàn chỉ là những tàu lá chuối, Ông thống đốc ngạc nhiên, nhưng ông không dám để lộ sắc mặt.

Ông cho hay, bà cô của bà De la Tour ở bên Pháp là một người rất giàu có và cao quý, có nhờ ông khuyên nhủ bà De la Tour cho Virginie về Pháp cùng trao gởi bà một đống bạc, do tên nô-lệ da đen mang tới.

— Số tiền này của bà cô của bà nhờ tôi mang tới để dùng sắm sửa cho cháu Virginie khi về nước.

Từ thuở bé tới giờ, Domingue chưa hề được nhìn thấy số tiền nhiều đến thế nên đứng há hốc mồm, trợn xoe đôi mắt.

Ông De la Bourdonnais tiếp lời đề phá tan bầu không khí im lặng :

— Thưa bà, tại sao bà không tới thăm tôi để cho hay sự khó khăn trong nếp sinh hoạt của bà ?

Paul không nhin được vội nói :

— Mẹ tôi có tới ông nhưng ông không ân cần tiếp đãi.

Viên thống-dốc ngạc nhiên hỏi :

— Bà có thêm cậu con trai nữa, thưa bà ?

— Thưa ông không. Đó là con của chị bạn tôi nhưng nó và Virginie, đối với chúng tôi đều là con cả.

— Nay cậu, viên thống đốc nói, nếu cậu có chút ít từng trải cậu sẽ hiểu là khó khăn biết bao khi muốn tìm hiểu sự đau kín của người khác.

Bà De la Tour mời viên thống đốc dùng cơm. Ông này nhã nhặn ngồi ăn với mọi người. Khi ra về, ông dặn bà De la Tour :

— Chiếc tàu sắp trở về Pháp, theo tôi nghĩ, bà sẽ để cho cháu Virginie đi. Tôi sẽ gửi nó cho một bà, người nhà tôi cũng cùng về để trông chừng nó. Bà cô của bà chỉ sống độ hai năm nữa là nhiều, người ta nói với tôi như vậy ? Bà nên nghĩ kỹ đi. Sự may

rủi chỉ đến có một lần. Mọi người đồng nghĩ như tôi vậy.

— Thưa ông, điều tôi mong muốn nhất là con gái tôi có hạnh phúc, nhưng tôi sẽ để tự nó quyết định lấy.

Sau đó, bà De la Tour cũng khuyên nhủ con gái :

— Bọn tôi tớ thì già rồi. Paul hãy còn trẻ quá. Nếu mẹ và bà Marguerite chết, con sẽ ra sao ? Con phải làm việc cực nhọc như một tên nô lệ để sống. Ý nghĩ đó làm mẹ rầu lòng quá.

— Chúa thương yêu những kẻ chăm làm và chính mẹ cũng dạy con như vậy và hàng ngày con vẫn cảm ơn Chúa. Người không bao giờ bỏ rơi chúng ta. Con không có can đảm để xa mẹ.

— Con nhớ rằng mẹ chỉ nghĩ tới hạnh phúc của con và điều mong muốn nhất của mẹ là cho con lấy Paul. Hãy nghĩ rằng gia tài của con không tùy thuộc riêng mình con.

— Chúng con không hề lo ngại trong hiện tại thì chúng con cũng chẳng sợ gì trong tương lai.

— Mẹ không bắt buộc con, nhưng con nên nghĩ kỹ đi và

đừng nói cho thẳng Paul biết, lời nói của nó sẽ có ảnh hưởng cho con.

Ngay chiều hôm đó, khi hai mẹ con còn ở trong nhà, thì có một người tới thăm. Ông ta mặc chiếc áo thầy tu màu xanh. Đó là viên giáo-sĩ trên đảo và đã từng rửa tội cho hai người.

— Các con, cha rất sung sướng khi được biết tin này. Chúa đã trao cho các con một gia sản. Hãy âm tạ người. Các con sẽ giàu có. Như vậy mọi người nghèo sẽ dễ chịu do lòng nhân từ của các con khi các con giúp đỡ họ.

— Nhưng thưa cha, gia tài đó không thuộc về chúng con, bà De la Tour trả lời.

— Có chứ. Chính ông De la Bourdonnais đã cho cha hay. Cha cũng rõ con đã trả lời ông ta ra sao. Hỡi người mẹ dịu dàng, vì sức khỏe nên con phải ở lại, nhưng Virginie con, con hãy nghe lời đấng Thượng Đế.

— Cha hãy nghĩ tới sự hy sinh khi chúng con xa nhau.

— Đúng rồi, đó là một sự hy sinh lớn lao vậy, nhưng đó là lệnh của Chúa. Chúa đã hy sinh vì chúng ta, vậy để theo gương

người, các con cũng hy sinh cho gia đình.

Virginie khóc nói :

— Nếu đó là lệnh của Chúa thì ý muốn của Người sẽ được như ý.

Viên giáo-sĩ, sau khi khuyên nhủ ít lời, vội cáo từ trở về báo tin cho ông thống-dốc hay nhiệm vụ của ông đã hoàn thành.

Hôm sau bà De la Tour cho Domingue đi tìm ông già tới để hỏi ý kiến. Nhưng ông già cũng không muốn đề cho Virginie đi.

— Hạnh phúc không bao giờ tìm thấy trong tài sản và chúng ta khỏi phải đi đâu xa để tìm kiếm nó khi mà chúng ta đã có bên chúng ta.

Dù sao bà De la Tour cũng hy vọng vào những lời khuyên khích cho cuộc ra đi hơn là những lời khuyên nhủ chống lại những sự ảo ảnh của gia tài. Vì thế bà chỉ nghe lời ông già bằng sự tôn kính mà thôi. Những lời nói của ông ta đã không giá trị bên sự quyết-nghị của viên giáo-sĩ.

Bà Marguerite không hề góp ý kiến về chuyện đó. Riêng Paul,

vì không thấy ai hỏi tới mình, nhất là khi thấy mẹ con cô Virginie nhỏ to tâm sự riêng với nhau. Cậu đã nói với mẹ :

— Người ta dấu con, như vậy người ta không tin con rồi.

— Không phải đâu, như thế cốt để con khỏi mệt trí đấy thôi. Nhưng tại sao con lại nuôi những hy vọng sai lầm vậy ? Mẹ không muốn con quên rằng, con chỉ là con của một người nhà quê nghèo khổ, còn như Virginie, mẹ nó thuộc một gia đình cao quý và giàu có. Chuyển đi này đã quyết định, chỉ trong vài hôm nữa là nó phải đi.

— A, bây giờ con mới hiểu rõ thái độ của nó. Đúng là nó khinh khi con, bởi vậy nó mới đi. Vậy mà con vẫn không hay.

Khi đó tiếng đồn lan khắp đảo. Người ta tới tập mang đến bán cho Virginie và bà De la Tour đủ thứ vải tốt, hiếm có. Bà De la Tour muốn con gái mua tất cả những thứ mà cô ưa thích, nhưng Virginie chỉ chọn mua đồ tặng cho những người thân. Đấy bạc voi dần mà nàng vẫn chưa nghĩ tới chuyện mua sắm cho mình.

Paul chẳng biết gì hơn là

chạy đi tìm cha đỡ đầu để nhờ ông già tìm cách ngăn cản cuộc đi đó. Khi hai người trở lại, họ gặp Virginie đang dạo chơi trong vườn. Nàng đã mặc quần áo mới, tóc cuộn cao trông đẹp duyên dáng nhưng đôi mắt nàng vẫn vương buồn.

Paul cảm thấy buồn hơn trước vội bỏ ra ngồi dưới gốc cây dừa chỗ tới bữa cơm mới về. Mọi người đều ăn uể oải. Virginie đứng dậy trước, bỏ ra ngồi nơi hòn đá chồi ra biển. Paul cũng theo ra. Cả hai cùng im lặng không nói một lời.

Màn đêm đã buông xuống. Mặt trăng trải rộng ánh sáng bạc trên những dãy núi. Trong rừng, dưới thung lũng, trong hốc đá, chim chóc thì thầm và côn trùng rên rì dưới đám cỏ.

Virginie lơ đãng ngắm biển cả. Bất chợt nàng nhìn thấy phía hải cảng con tàu sẽ đưa nàng về nước Pháp. Nàng vội quay mặt đi để Paul khỏi trông thấy nàng khóc.

Paul phiền trách nàng sao nữa bỏ đi, để lại sầu muộn cho bao người. Khi đó, bà De la Tour, bà Marguerite và ông già cũng tới ngồi gần đó, lắng lặng nghe

không can thiệp. Paul cho hay, cậu sẽ đi theo Virginie.

— Anh biết rằng như vậy không thể nào được.

— Sống xa em ư ? Chính vậy mới không thể được. Anh sẽ theo em. Liệu ông thống-dốc có cản trở anh, ném anh xuống biển và để anh chết dưới mắt em không ?

Bà Marguerite thấy con nói những lời điên dại vội chạy tới, ôm con khuyên nhủ :

— Con ơi, nếu con bỏ đi, mẹ sẽ ra sao ?

Nhưng Paul không còn nghe thấy gì nữa. Cậu kêu lớn :

— Tôi sẽ đi với nàng, tôi sẽ đi với nàng.

Virginie sợ hãi vội nói :

— Hãy bình tĩnh đi anh. Em thế có trời đất chứng giám cho em, nếu em sống ở đây cũng chỉ vì anh và nếu em đi, một ngày em trở về sẽ là vợ của anh.

Sự giận dữ của Paul vụt tan biến khi Virginie hứa như vậy. Bà De la Tour vội nhờ ông già dẫn Paul về nhà ông để ngủ. « Đã tám ngày nay không một ai ngủ cả ».

— Ngày mai chúng ta sẽ nói với ông thống đốc, bây giờ hãy để cho gia đình đi ngủ đi và con

cũng về ngủ với cha. Khuya rồi ? Paul lặng thinh để ông già kéo đi. Sáng hôm sau cậu dậy thiệt sớm về nhà. Từ đằng xa, cậu thấy Marie đứng trên hòn đá nhìn ra biển. Cậu được biết Virginie đã đi rồi. Paul vội chạy ra cảng thì con tàu đã chạy. Paul chạy trở về, khi qua nhà, mặc lời kêu gọi của mẹ, cậu vẫn không dừng lại. Paul chạy tới một chỗ đứng nơi đây có thể nhìn được rất xa, và cậu đã nhìn thấy con tàu đã mang Virginie đi. Mãi tới trưa, Ông già đi tìm gặp Paul vẫn ngồi, đầu tựa vào đá, mắt nhìn về phía chân trời. Ông khuyên cậu bé về.

— Bà De la Tour đã đánh lừa con, Paul chưa chút nói.

— Không phải, thế đâu con ạ. Tại gió nổi sớm lúc ba giờ, tàu có thể đi được, nên thống đốc cùng đức cha đã tới tìm Virginie đi, dù mẹ cháu và mẹ của Virginie khóc lóc, xin để Virginie ở lại.

Khi về tới nhà, nhìn thấy hai người đàn bà, Paul vội tránh, miệng nói :

— Hãy tìm người khác để an ủi mẹ.

Từ khi Virginie đi, Paul không

còn hứng thú để làm việc. Cậu lang thang tới những nơi Virginie từng tới để tưởng nhớ tới nàng. Một ngày, khi nhìn thấy vườn bông nở đầy — hoa khu vườn mà Virginie thích nhất — Paul vội chăm nom săn sóc với sự giúp đỡ của Domingue.

Rồi Paul nhờ cha đỡ đầu giúp mình học, « Khi chúng ta nhận thư của Virginie, con có thể viết thư trả lời nàng ».

Đã một năm rưỡi trôi qua, mọi người không nhận được tin tức của Virginie, ngoại trừ một lần viên thống đốc báo tin Virginie đã tới nước Pháp bình an.

Nhưng rồi cuối cùng, một chiếc tàu đi sang xứ Indes đã mang tới cho mọi người lá thư của Virginie cùng một chiếc gói. Nàng cho hay đã nhiều lần gửi thư nhưng không thấy trả lời nên nàng đoán chắc thư đã bị thất lạc.

« Bà con ngạc nhiên hết sức khi biết con không biết đọc, biết viết. »

Hiện giờ Virginie đã biết đọc, biết viết, hiểu mọi thứ. Nàng gửi lời hỏi thăm bà Marguerite cha đỡ đầu Marie, Domingue cả con chó Fidèle nữa. Nàng gửi biểu hai bà mẹ những đôi tất do nàng tự đan lấy, chiếc mũ cho Domingue,

khăn tay cho Marie. Nàng còn gửi những hạt cây để trồng nữa.

Paul ngạc nhiên không thấy Virginie, hỏi thăm tới mình trong khi nàng nghĩ tới Marie, Domingue cùng con chó nữa.

— Ô, còn ít giòng chữ nơi cuối trang giấy, bà De la Tour nói :

« Em gửi cho Paul hai thứ hạt. Một thứ là hoa violettes. Hoa này ưa nấp dưới bụi cây, hương thơm ngào ngạt. Anh nên trồng nơi suối, dưới chân cây dứa của em. Còn hoa scabieuse màu xanh, nơi cuống hoa màu đen, chắm trắng trông như màu tang, nên người ta gọi là «hoa ở góa». Em mong anh trồng nó nơi hòn đá mà chúng ta đặt tên là «Hòn đá già từ».

Những hạt này được gói trong túi bằng thứ vải thường, nhưng Paul sẽ không bao giờ đánh đổi những túi đó để đổi lấy một gia tài bởi trên mặt túi Virginie có thêu hai chữ P và V dính nhau và được thêu bằng tóc màu vàng của nàng.

Lập tức bà De la Tour và Paul viết thư trả lời ngay vì có chiếc tàu đi Pháp ngày hôm sau.

SÁU tháng nữa trôi qua. Không có tin tức của Virginie. Dân trong đảo đồn đại Virginie đã đi lấy chồng. Có người còn nói chính mình có dự đám cưới đó. Nàng lấy một vị lãnh chúa trong Triều. Lúc đầu Paul không tin, nhưng về sau bị nghe nhiều quá, cậu thất vọng, buồn rầu. Cậu vội tới nhà người cha đỡ đầu để tìm nguồn an ủi. Ông già khuyên Paul đừng buồn vì Virginie lúc nào cũng vẫn yêu Paul. Những tin đồn đại nàng lấy chồng đều thất thiệt. Tin tưởng, Paul lại vui vẻ như cũ.

Mỗi sáng, Paul thức giấc trước mọi người, việc đầu tiên là nhìn về phía núi «Découverte». Ngày 24 tháng chạp năm 1744, cậu nhìn thấy có lá cờ trắng mới được kéo lên. Đó là sự báo hiệu có tàu tới. Paul vội cho mẹ hay rồi chạy ra cảng để xem có tin tức của Virginie không. Một người thủy thủ da đen cho hay người hoa tiêu đã lái sà lúp ra coi xem tàu nào tới. Paul chờ tới quá trưa, chiếc sà lúp mới vào bờ. Viên hoa tiêu cho hay đó là chiếc tàu Saint-Géran, sẽ bỏ neo tại Port-Louis sáng ngày hôm sau, nếu gió thổi

thuận tiện.

Viên hoa tiêu trao cho ông thống đốc đảo xấp thư do chiếc tàu mang tới. Paul e ngại kỳ này vẫn không có thư của Virginie, nhưng khi viên thống đốc trao cho cậu thư gửi cho bà De la Tour, cậu nhận được ngay nét chữ của nàng.

Bà De la Tour, bà Marguerite, cùng Marie và Domingue đứng trên hòn đá «Giã từ» chờ Paul về. Từ đằng xa nhìn thấy, Paul vội dơ cao lá thư vẫy vẫy để cho mọi người biết. Cũng như mọi lần, tất cả mọi người quây quần trong căn lều của bà De la Tour để nghe bà đọc thư.

Mẹ thân yêu của con,

Con viết vội mấy giòng chữ để trao cho viên hoa-tiêu, vì chúng con chưa thể ghé vào bờ được. Hiện giờ con đang ở trên tàu Saint-Géran...

Mọi người sung sướng reo mừng « Virginie đã về », rồi chủ tớ ôm chầm lấy nhau. Paul, tái đi vì xúc động, vội tới ngồi nơi chân bà De la Tour để nghe bà đọc tiếp.

** Bà con đã gửi trả con lại, không cả quan tâm khi con tới*

đây trong mùa xấu. Con sẽ kể cho mẹ nghe đủ chi tiết, bà con đã giận con đến chừng nào khi con đã từ chối không lấy chồng...

Ngày mai con sẽ gặp mẹ...

Bà De la Tour vội sai Paul đi tìm cha đỡ đầu của hai đứa tới để hôm sau mọi người cùng đi đón Virginie.

Mười giờ tối, Paul và Domingue tới nhà ông già, vừa lúc ông này tắt lửa đi ngủ. Khi được biết Virginie đã trở về, ông vội nhòm vậ, sung sướng. Trên đường về, Paul không ngớt nhắc nhở câu « Virginie đã tới ».

Khi mọi người đi qua khu rừng tới con đường đi ra cảng thì nghe có tiếng chân chạy phía sau lưng. Một người da đen chạy tới cho hay hẳn ở khu Poudre-d'Or. Có một chiếc tàu bỏ neo tại đảo Ambre. Chiếc tàu nổ súng đại bác báo nguy vì biển động. Hẳn đi tìm ông thống đốc để báo tin.

Mấy người vội quay lại khu Poudre-d'Or xem sao. Trời nóng ngột ngạt. Mặt trăng vừa mọc, ánh sáng yếu ớt không soi rõ cảnh vật nhưng thỉnh thoảng có ánh chớp đủ nhìn rõ những khối mây đen từ ngoài biển bay

nhanh vào như bị gió đẩy. Dù vậy, vẫn không có một ngọn gió thổi.

— Cha có nghe thấy tiếng sấm nổ không ? Paul hỏi.

— Không phải đâu, đó là tiếng súng báo hiệu đấy.

Tới nửa đêm, ba người đi tới bờ bãi. Nơi đây đã có một số đông dân trong quận đốt lửa đứng đó. Mọi người đợi tới tận sáng. Trời tối sầm, trên biển cả đầy đặc sương mù. Xa xa, đảo Ambre hiện ra như một đám mây nhỏ, mờ mờ.

Viên thống đốc cũng vừa tới cùng một số binh lính mang súng ống. Có một số đông dân chúng, cả da trắng lẫn da đen cùng đi theo Ông. Viên thống đốc hạ lệnh cho lính nổ súng về phía biển. Ngoài biển cũng nổ súng đại bác trả lời.

— Chiếc tàu cũng đậu gần đây thôi, Ông thống đốc nhận xét.

Mọi người chạy về phía có ánh lửa Xuyên qua sương mù, người ta nhìn thấy con tàu. Nó gần đến nỗi mọi người đều nghe còi chỉ huy của đại-ủy thuyền trưởng.

— Hoàng Đế vạn tuế ! Hoàng Đế vạn tuế ! Hoàng Đế vạn tuế ! những thủy thủ kêu to ba lần.

« Đó là tiếng kêu của người

Pháp trong lúc cực kỳ nguy hiểm, ông thống đốc nghĩ thầm.

Chiếc Saint-Géran biết có người tới cứu, liền tiếp nổ súng không ngừng. Viên thống đốc yêu cầu mọi người nhóm lửa đốt từng quãng một cùng đi kiếm những mảnh ván, thùng không.

Tới chín giờ sáng, cơn giông tố nổi lên mãnh liệt. Biển chuyền mình. Gió thổi tan sương mù. Mọi người đã nhìn rõ con tàu. Từng đợt sóng cao lớn thay nhau ào ào đổ tới. Gió thổi bay những bọt sóng làm mọi người liên tưởng như những bông tuyết bay trên mặt biển. Chiếc tàu chao lên, chìm xuống rồi lại chao lên theo đợt sóng. Nhìn thấy thế, Paul muốn nhảy xuống biển nhưng ông già đã giữ chặt lại.

— Nếu con nhảy xuống, con sẽ tìm thấy cái chết.

— Con muốn cứu Virginie,

Sợ Paul không nghe lời khuyên nhủ, ông già và Domingue phải lấy giây thừng cột vào người Paul để, nếu có sự nguy hiểm thì hai người có thể lôi hẳn vào. Paul lúc bơi, lúc bước trên những tảng đá ngầm, tiến dần ra phía tàu Saint-Géran. Khi cậu gần tới nơi thì một ngọn sóng lớn tung cậu lên cao

và hát về phía bờ. Dù chân dầy máu và ngực bị bầm tím, Paul với sự can đảm gần như điên rồ, lại quay lại phía tàu. Một ngọn sóng lớn liếm hẳn đầu tàu. Ngay lúc đó, một bóng mảnh mai của người đàn bà hiện ra nơi phía đằng lái con tàu.

Chính là Virginie. Quần áo nàng tung bay như cánh chim, mớ tóc rối của nàng trông như một ánh hào quang vàng ói.

Paul cố gắng tiến tới con tàu nhưng luôn luôn, cậu bị những ngọn sóng hất tung lại. Virginie nhìn rõ người yêu, vì chỉ có Paul mới dám liều mạng như thế. Nàng dơ tay vẫy người yêu.

Thủy thủ nhận thấy không thể cứu vãn được con tàu nên người nọ tiếp người kia nhẩy xuống biển, kẻ nắm mảnh ván, người thùng rỗng. Có một người trông thấy Virginie. Anh ta to lớn như Hercule. Người này chạy vội tới chỗ Virginie đứng. Trên bờ mọi người nhìn thấy reo hò hy-vọng. Hình như người lính thủy yêu cầu nàng cởi bỏ hết quần áo ra nhưng Virginie không chịu, tay vẫn nắm chặt chiếc váy đang tung bay phấp phật và đẩy người này ra.

— Hãy cứu lấy nàng ! Hãy cứu nàng ! Dân chúng trên bờ reo hò.

Ngay lúc đó, một vòi nước, từ giữa khoảng hòn đảo Ambre và bờ biển cuộn cuộn tiến về phía con tàu. Chỉ một vài giây thôi, tất cả sẽ hết. Hoàng hôn, người thủy thủ vội lao nhanh xuống biển. Virginie trước khi chìm ngấm trong làn sóng không lẽ còn kịp làm dấu vĩnh biệt về phía hòn đảo quê hương.

Trên bờ, ông già và Domingue quì trên cát cố gắng làm cho Paul hồi tỉnh lại. Cậu đã ngất đi, miệng và tai đầy máu. Viên thống đốc vội cho người mang Paul về nhà ông để gọi bác-sĩ tới cứu chữa. Domingue và ông già đi dọc theo bờ biển để tìm xác Virginie nhưng ngọn gió đã đổi chiều, những đợt sóng đợt dậu lại trong phút chốc và giữ kín những nạn nhân của mình. Hai người đành phải trở về để báo tin buồn cho những người ở nhà. Khi tới đầu thung lũng Lataniers, họ được những người da đen ở đây cho hay sóng biển đã thổi rạt vào bờ biển bên cạnh những vật trên tàu. Nơi đây, hai người tìm thấy xác của Virginie, bị cát phủ kín mặt. Mắt nàng nhắm nghiền,

mặt bình thân đến nỗi người ta có thể tưởng rằng nàng đang ngủ say. Tay nàng giữ chặt chiếc áo, còn một tay để trên ngực, phía trái tim, trong lòng bàn tay có chiếc hộp, đựng chiếc khung ảnh của Paul đã tặng nàng. Hai người khóc lóc thảm thiết rồi mang xác nàng tới gửi tại một chiếc lều của người dân chài.

Sau đó, hai người trở về nhà. Thấy hai người lặng yên rưng rưng khóc, bà De la Tour hiểu ngay. Bà ngắt đi trong tay bà Marguerite. Bà này cũng mếu máo hỏi:

— Còn con tôi đâu ? Nó cũng chết rồi ư ?

Khi biết con mình còn sống, bà vội lay tỉnh bà bạn. Mặc dù mọi người an ủi, người mẹ đáng thương chỉ nằm rên rỉ suốt đêm, không nói một lời. Sáng hôm sau người ta khênh cáng đưa Paul về. Đôi mắt sàu thâm, cậu không nói với ai một lời. Bà De la Tour nắm tay cậu, dịu dàng nói :

— Paul, chỉ còn con để an ủi mẹ mà thôi.

Paul ôm chầm lấy bà và hai người đều khóc. Đứng nơi góc nhà, Marie và Domingue cũng ôm nhau khóc, còn con chó Fidele thì đứng rên rĩ dưới chân họ.

Sáng hôm sau, ông thống đốc cho hay xác nàng Virginie đã được

mang về nhà ông và từ nơi đây người ta mang nàng tới nhà thờ Pamplemousses. Ông già lập tức tới Port-Louis. Ở đây, ông gặp hầu hết dân chúng khắp nơi tới dự đám tang. Lính đi trước, mũi súng chúc xuống. Tám cô gái thuộc những gia đình giàu có nhất trên đảo, mặc đồ trắng, kiêng xác người bạn gái được phủ đầy hoa. Một ban hợp ca gồm toàn các cậu nhỏ đi sau hát những bản thánh ca. Ông thống đốc đi bên cạnh Ông già, người cha đỡ đầu của Virginie rồi tới dân trên đảo. Trống đánh nặng nề. Trên những con tàu treo cờ rủ, từng hồi súng đại bác được bắn chia buồn.

Xác nàng Virginie được chôn gần nhà thờ, dưới tảng cây tre, nơi đây khi còn sống, nàng thường ngồi nghỉ mát với mẹ mỗi khi dự lễ về. Những người da đen thuộc miền Madagascar và Mozambiques tới đặt những thúng trái cây và treo trên cây những mảnh vải theo tục lệ xứ họ. Còn những người Ấn xứ Bengale và Malabare thì mang những lồng dầy chim tới rồi thả chúng ra. Được tự do, lũ chim vụt khỏi lồng tung cánh bay lên trời như linh hồn nàng Virginie cũng đã bay lên Thiên-đường.

Sau đám táng, ông thống đốc cùng một số người tới chia buồn cùng bà De la Tour. Chờ mọi người về hết, viên thống đốc mới tỏ ý muốn gửi Paul sang Pháp, Riêng ông, ông sẽ tận lực giúp đỡ mọi người ở lại. Khi viên thống đốc về rồi, bà De la Tour yêu cầu ông già ở lại ít hôm với mọi người.

Paul đã hồi phục sức khỏe, những nỗi buồn càng thêm thắm thía, xâu xa. Cậu thường ngồi hàng giờ dưới gốc cây dừa mang tên Virginie, mắt dăm dăm nhìn ngọn suối. Ngày ngày cậu đi lang thang tới những nơi cậu và Virginie thường ngồi, để nhớ lại người yêu đã khuất, miệng luôn luôn gọi « Virginie ».

Ông già đã tận tâm, cố gắng khuyên nhủ Paul mà không có kết quả. « Tôi giống như một người không biết bơi nhưng lại muốn cứu người bạn đang ngập giữa giòng sông ».

Khi hai người trở về nhà, ông già được bà Marguerite kể cho nghe hồi đêm bà nằm mơ thấy Virginie, mặc đồ trắng đứng giữa một khu vườn rất đẹp, bảo bà « *Mẹ Marguerite ơi, con sung sướng lắm!* » Rồi Virginie tươi cười tới nắm tay Paul kéo đi. Bà cố gắng giữ con lại nhưng bà cũng bị nhấc bổng theo. Bà vội

từ giã bà bạn nhưng bà De la Tour cũng theo gót cùng với Marie và Domingue.

— Thiệt cũng lạ, bà De la Tour nói tiếp theo, chính tôi hồi đêm cũng nằm mơ gần giống như chị.

RỒI giấc mơ của hai người đã thành sự thật.

Hai tháng sau vụ tàu Saint-Géran bị đắm, Paul đã chết. Lúc từ giã cõi đời cậu còn gọi tên người yêu. Bà Marguerite cũng theo gót con trai tám ngày sau trong tay bà De la Tour.

Một tháng sau, bà De la Tour chết sau khi cầu Chúa tha tội cho bà cô của mình, vì chính bà đã gây nên cảnh khổ đau làm bao người phải hứng chịu.

Người ta được hay bà già này chết trong cảnh cùng quẫn vì bị bọn cháu xa cướp phá hết cả. Khi chết, bà đã hối hận và khóc thương cho cái chết bi thảm của đứa cháu của mình.

Những căn nhà đồ nát hẳn. Đàn dê được thả lỏng sống lang thang trong rừng. Chim chóc cũng bỏ tổ cũ bay đi nơi khác.

Người ta chôn Paul bên cạnh Virginie và quanh họ là những ngôi mộ của hai bà mẹ và ít lâu sau, cả Marie lẫn Domingue nữa.

Ơ N T
H Ê U Ô
T L R

★ DIỆU-HUYỀN

Con Rắn, con Cua

Đây là chuyện ngắn

con Rắn

con Cua :

có một con Rắn

muốn cắn

Con Cua.

Con Cua

Nó đùa,

Nghênh-ngang bốn mùa,

Coi thường con Rắn.

Con Rắn

Thoãn-thoảng

Núp trong bụi vắng

Xoán lại con Cua.

Con Cua ngang-tàng
Ngo - nghoe cặp càng
Dương oai với Rấn.
Con Rấn
Uốn-nấn,
Âm-thầm đem vắng,
Nhất-định không thua,
Bò tới hang Cua,
Rình dâm nọc Rấn.
Tưởng đầu tranh-đua,
Cua nhất-định thắng,
Cua kẹp đầu Rấn,
Rấn nhất-định thua.
Không dè con Rấn
Miệng lưỡi liến-thoảng
Xí - gạt con Cua :
« Sống chung may-mắn,
• Hòa bình chắc-chắn,
• Không ai hơn thua ».
Khờ-khạo con Cua,
Ký - kết, phân - bua,
Hòa bình sốt - sáng,
Hết cơn lo - lắng,
Rấn được, mình thua !
Thế là con Cua
Hoan - hỉ se - sua
Sống chung với Rấn.
Muốn được đúng-dắn,

Rấn bảo với Cua :
• Muốn cho ngay-ngắn,
« Khỏi phải tranh-đua,
« Chia đôi lãnh - thổ
• Thì hết gây - gổ
« Không hơn, không thua ! »
Cua mừng cúng Tổ,
Cua lớn, Cua nhỏ,
Cua chú, Cua cha,
Trong hang, trong ổ,
Liên - hoan bùng - hổ,
Nhảy cha - cha-cha !..
Rồi một đêm mưa,
Bầy Cua say - sưa,
con Rấn
Mau-mắn,
Bò xấn
Tới cắn
Con Cua.
Kết cuộc : con Rấn
Thắng,
Con Cua
Thua.

•
Đây hết chuyện ngắn
con Rấn
con Cua.

Diệu - Huyền

SÁCH BÁO MỚI

- ★ **NHƠN SANH THÍCH CHÍ và HƯƠNG XUÂN**
2 tập thơ, của ông LÊ - VĂN - TẮT, xuất bản ở Châu-Độc.
Mỗi tập mỏng 12 trang, giá 10đ.
- ★ **Kỷ-yếu tân sưu 1961 của Nghiệp-đoàn nhà in và nhà sách.**

Có thư-mục ghi đủ tất cả các sách xuất bản từ 1950 đến nay, và địa chỉ các nhà xuất-bản.

- ★ **Nhân vật Đông-Châu**, quyển I.
Soạn giả : Thanh-Lan VÕ-NGỌC-THÀNH.

Bạn đọc truyện Tàu «*Đông-châu Liệt quốc*» nếu thấy lộn xộn và khó nhớ, thì nên đọc quyển «*Nhân-vật Đông châu*» này rõ ràng và dễ nhớ hơn. Sau mỗi bài nói về một nhân vật, có thêm những lời nhận xét xác-đáng của tác-giả. 190 trang — Giá 30đ.

- ★ **Vọng Cổ nhân**, thơ của ông TÔ-GIANG-TỬ, xuất-bản năm 1960 — giá 50đ.

- ★ **Một Đại thi gia miền Trung : Ưng Bình Thúc Giạ Thị** (1877-1961) của ông PHAN-THẾ-ROANH, giáo sư, Giám-đốc Đại-học Sư-phạm.

Tập sách mỏng này trích trong Báo *Luận-Đàm* số 5, tháng 4 năm 1961, trình bày tiểu sử cụ Thúc-giạ và trích nhiều bài thơ hay nhất của nhà Thi-sĩ của núi Ngự Sông Hương.

Tập này, bạn Phan-thế-Roanh in một ít trên giấy tốt để biếu các bạn, không bán.

- ★ **Cổ Đô Huế.**

Lịch-sử cổ-tích. Tháng cảnh. Do THÁI-VĂN-KIỆM biên-soạn, Nha văn-hóa Bộ Quốc gia Giáo-dục xuất bản.

Một quyển sách kê-cứu rất nhiều tài liệu quý-báu về lịch-sử và địa-lý, văn thơ, tranh ảnh.

Biên-soạn rất công-phu và đầy đủ, ấn-loát đẹp, quyển *Cổ Đô Huế* của Thái-văn-Kiểm có một giá-trị đặc-biệt đối với những người muốn tìm-hiểu Huế cổ-diễn và Huế thơ-mộng.

Đầy 340 trang. Loại đặc-biệt, không hề giá bán.



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 58)

Ánh gặp cậu Định, một bạn học cũ, và hỏi tin - tức Hoàng. Định không biết và tán-tĩnh Ánh, tỏ ý muốn hỏi Ánh làm vợ. Ánh cười đùa nói lảng sang chuyện khác rồi tránh đi. Ánh gặp cô Hoa, cũng một bạn học cũ, hiện làm thợ đóng sách ở một nhà in. Hoa giới thiệu với ông Quản-lý nhà in, Ánh được nhận vào làm việc.

THẦY Ba và Thầy Tư, Giám - đốc và Quản-lý nhà in, không ngờ cô con

gái nghèo làm thợ đóng sách và gặp báo, lại đánh máy được một bức thư dài bằng Pháp-Văn mà không sót một dấu chấm dấu phết, không sai một chữ và mau-lẹ gọn-gàng được như thế. Xem cô xử-dụng bàn máy-chữ một cách thông-thạo, nhẹ nhàng, thầy Tư rất bằng lòng.

Nhận thấy khả-năng của cô Ánh, ông giám-đốc bảo cô :

— Chồng cô Năm bị đòi đi làm việc ở tỉnh xa, nên cô Năm cũng phải xin thôi việc ở đây để đi theo chồng. Vậy tôi muốn từ nay cô thay thế cho cô Năm, lên

làm thư-ký ở Văn-phòng. Lương 2.000\$ mỗi tháng. Cô làm việc ngay từ bây giờ.

Được dùng một cách quá đột-ngột như thế, Ánh vui mừng và bối-rối không biết nói sao... Cô lặng thinh một phút để trấn tĩnh tinh thần, rồi mới đáp:

— Dạ, em xin cảm ơn thầy Ba và Thầy Tư.

Thấy mình mặc áo bà-ba mà ngồi bàn giấy thư-ký trong Văn phòng lộng-lẫy nghiêm - trang có khách-khứa ra vào, Ánh ngượng ngùng bẽn-lên nói:

— Thưa Thầy Ba và Thầy Tư, chiều nay em nhận việc có được không?

— Tại sao lại đề đến chiều?

— Thưa...

Ánh mặc-cổ không dám nói rõ, nhưng thầy Tư hiểu ý cô. Thầy tủm-tủm cười, bảo:

— Tại cô mặc áo bà-ba hả? Cô không có áo dài sao?

— Dạ thưa Thầy Tư, em có áo dài trắng, nhưng để ở nhà.

— Thì tôi cho phép cô đi về nhà bây giờ để mặc áo dài rồi cô đến ngay. Vì công việc ở đây nhiều lắm. Có mấy việc gấp phải làm sáng nay.

Thầy hỏi tiếp:

— Cô đi bằng xe gì?

— Dạ, em đi bộ.

— Cô không có tiền đi xe hả?

— Dạ không có.

— Nhà cô ở đâu?

— Dạ, thưa thầy Tư, em ở Bàn-Cờ.

Thầy Tư muốn cho Ánh tiền đi taxi về nhà rồi đến sở cho mau, nhưng thầy có tính hà-tiện, tiếc 1 đồng bạc. Thầy bảo:

— Thế thì cô đi bộ lẹ-lẹ, 9 giờ cô trở lại Sở thì vừa.

— Dạ.. Thưa thầy Tư, em đi... Thưa thầy Ba...

Ánh vội vàng ra cửa..

Ông Giám-đốc và em của ông ngó theo Ánh.. Nàng đi chun không, không có guốc, với bộ đồ bà-ba đen rất giản-dị, nhưng điệu bộ thướt-tha đầy duyên-dáng. Ông Giám-đốc khẽ nói với người em:

— Con nhỏ mà thông-minh! Có nhiều khả-năng hơn cô Năm.

Thầy Tư ngó anh:

— Très jolie, hả Anh Ba! (xinh lắm)

Ông Giám-đốc cười:

— Chú thì cả đời chỉ bảo ngọt! Nói xong, ông đi vào bàn-giấy

viêng của ông, trong gian phòng kế-cận.

Chị em ở phòng đóng sách xôn xao không biết thầy Tư kêu Ánh lên Văn-phòng làm gì mà mãi không thấy Ánh xuống làm công việc. Đợi lâu quá sốt ruột, cô Hoa liền nói thầm với cô Thúy:

— Thúy ơi Thúy, mày làm bộ đi ra ngoài uống nước đá, đi ngang cửa hỏi anh Sáu Tôn coi Ánh làm gì ở Văn-phòng mà lâu dữ vậy?

Thúy gật đầu:

— Ừ, để mình đi hỏi thử coi!

Thúy đi ra một lúc, trở vào nói thầm với Hoa:

— Mày ơi, con Ánh lên làm việc trên Văn-phòng mày à.

— Làm gì?

— Làm thư-ký, thay thế cho cô Năm.

— Thiệt hả?

— Anh Sáu Tôn nói với tớ là cô Năm xin thôi rồi, thầy Ba với thầy Tư kêu Ánh đánh máy thử một bức thư, thấy Ánh đánh máy thạo nên cho Ánh làm thư ký, lương 2.000 đồng lận mày ơi!

— Sướng quá há!

— Ánh mặc áo bà-ba, thầy

Tư biểu Ánh về mặc áo dài đến làm việc. Nó về rồi.

— Con nhỏ được lên chức vậy mà nó không xuống báo tin mừng cho tụi mình chớ!

— Chút nữa nó trở lại làm việc ở Văn-phòng.

Cái tin Ánh được kêu lên Văn-phòng làm thư-ký thay cho cô Năm, liền được Thúy và Hoa reu rao cho cả phòng đóng sách biết.

Sáu Hà liền trề môi, nhúu mặt:

— Dốc!

Thúy xác-nhận:

— Thiệt!

— Xì! Chữ nghĩa nó được bao nhiêu mà làm thư ký! Bộ, thư-ký ai cũng làm được sao?

— Mày phải biết, Ánh có bằng Trung-học Đệ-nhất cấp rồi đó. Đầu phải như tụi mình không có cái khi móc gì hết!

Sáu Hà làm thinh. Chị Ba Ngọ đứng đĩnh nói:

— Tại Thầy Tư muốn o con Ánh, thầy mới cắt - nhắc nó lên làm việc bên cạnh thầy, chớ bộ!

Sáu Hà được có chị Ba Ngọ theo phe mình mà đim Ánh, cô ả nhe răng cười, thỏa-mãn:

— Thời buổi này, hể có đôi chút nhan-sắc là ai cũng lên chun được

hết. Tôi thấy nhiều rồi...

Thúy không thích Hà có giọng ganh-tị, liền nguyền Hà, rồi bảo :

— Bộ bề có nhan-sắc là lên chun à ? Đẹp thì đẹp nhưng phải có khả năng gì người ta mới dùng chớ. Ngu như con bò thì ai mà thêm rở tới làm gì !

— Con Ánh nó cũng như tui mình, chớ nó mà có tài nghệ gì ?

— Sao không ? Nó biết đánh máy. Nó biết chữ nghĩa. Nó đã thi đỗ bằng Trung-học. Nội bấy nhiêu đó là làm thư-ký được rồi.

Chị Ba Ngọ xen vào, với giọng mỉa-mai :

— Thôi, phận ai nấy lo ! Ai được chủ thương thì người ấy nhờ. Tui thì tui không dám so-sánh với ai hết. Biết đâu vài tháng nữa tui mình phải kêu cô Ánh bằng bà chủ ! Ở đời hễ có phước có phần thì không mấy lúc mà được làm bà nọ bà kia !

Sáu Hà có vẻ tức giận về cái tin Ánh được lên làm cô thư-ký, tức giận lắm cho nên cô lại bĩu môi nói xấu Ánh, mà không dám kêu rõ tên :

— Thiên hạ người ta thú như cút mà cũng có kẻ bề người bồng...

kẻ bưng người nịnh... Xí !

Cô Hoa thấy Hà có ý ám-chỉ hết thấy những chị em có cảm-tình với Ánh, liền lên tiếng hỏi Hà :

— Cô chỉ được cái tài đi nói xấu người ta. Cô ganh với Ánh vậy sao cô không học đánh máy chữ cho giỏi như Ánh, coi nào ! Cô không đi thi đề dợt cái bằng trung-học để được làm thư-ký như họ ? Mình thua sút người ta về đủ phương-diện, đáng lẽ mình biết mắc cỡ mới phải, hay là mình cố gắng trau dồi tính nết và học thức, chớ hễ thấy ai hơn mình là mình ghen ghét, thì đâu phải điều !

Thúy, Liên và mấy cô nữa cũng công-kích thái-độ của Hà. Cô Ngọc là người ít nói nhất, lên tiếng phê bình :

— Người ta vắng mặt ở đây, mà nói xấu sau lưng người ta, thế là hèn.

Hà thấy nhiều người phản-đối, tức quá không biết nói sao được nữa liền quăng xấp báo cái « xạch » xuống bàn, đứng dậy ra đứng dựa vào cửa kiến, khóc.

Ai nấy đều làm thinh... Bỗng Ánh tươi cười bước vào, Ánh mặc áo trắng dài, mang đôi guốc.

Mới cách nhau có một tiếng đồng hồ mà trông thấy Ánh lạ hẳn. Vì thật là lần đầu tiên chị em đóng sách thấy Ánh mặc áo dài trắng, nổi bật sắc đẹp lên. Tuy áo may bằng lụa lẽo, hàng trơn không có hoa-hề gì, nhưng vẫn là áo dài, lại may đẹp, ôm sát vào tấm thân đều-đặn nõ-nang của thiếu nữ, cho nên trông thấy Ánh có vẻ oai hơn lúc nàng mặc áo bà ba.

Nhưng Ánh không tỏ vẻ gì khác cả. Rất tự nhiên, không vui mừng lảng-xãng trước mấy chục con mắt của chị em đồng nghiệp tươi cười nhìn Ánh, Ánh đi lẹ đến gần Hoa, kề vào tai bỏ nhỏ :

— Hoa ơi Hoa, Ánh phải lên đánh máy trên Văn-phòng.

Hoa cười, nói lớn :

— Chà ! Bây giờ được làm thư-ký rồi hỏ ?

Thúy ngồi gần đấy, cũng reo lên :

— Sướng quá ta !

Tiếng « ta » kéo dài và lên giọng bông-lơn rất thân-mật và thú-vị, khiến cho tất cả chị em trong phòng đều cười. Ai nấy đều ngưng việc để hỏi han và chúc mừng cô thư-ký Lê-thị-Ánh... Duy có Sáu-Hà đã khóc lờ từ lúc

nãy nơi cửa kiến, nên vừa trông thấy Ánh mặc áo dài trắng bước vào là cô liền ngoảnh mặt ngó ra ngoài đường. Cô cứ đứng quay lưng vào phòng, dựa sát vào cửa kiến, không thềm dự vào cuộc vui chung của chị em. Cả Ba-Ngọ lần này cũng niềm nở hỏi Ánh :

— Ủa, chớ cô Năm đi đâu mà thầy Tư bắt Ánh phải làm thư-ký ?

Câu hỏi của chị Ba-Ngọ, tuy là vui vẻ thân thiện, nhưng cũng còn ngụ ý mỉa mai và khinh-khinh. Ánh vẫn điềm-nhiên đáp :

— Cô Năm xin thôi rồi, chị Ba à.

— Bây giờ Ánh thay thế cho cô Năm sao ?

— Dạ, thầy Ba với thầy Tư biểu.

Ánh lại kề tai nói nhỏ với Hoa :

— Hoa à, thôi Ánh đi nhé. Hoa cười :

— Đi đâu bây giờ đó, bỏ ?

— Ánh xin phép thầy Tư cho Ánh xuống lấy cái nón, rồi phải lên đánh máy gấp mấy cái hóa-đơn.

— Ừ, thôi Ánh lên Văn-phòng đi. Tối nay, mình với



Lê-thị-Anh lúc đi ở vườn

Thúy tới nhà Anh chơi được hôn?

— Ồ, Anh thích lắm chứ! Chắc, ghen? 7 giờ mình ở nhà chờ Thúy với Hoa đó, ghen?

— Rồi.

Anh đến lấy cái nón lá gác trên chõng giấy nhứt trình từ lúc vô làm việc. Nhưng Hoa bảo:

— Thôi để nón đó, chút nữa giờ mình cầm giùm ra cho.

— Thiệt hả, Hoa?

— Ừ, không ai lấy mất của cậu đâu mà cậu sợ!

Anh để nón lại, quay ngoắt cả chị em ngồi hai bên bàn dài

trước mấy chõng bèo và sách bừa bãi trên bàn, và nói chung một câu dịu dàng, thân-mật:

— Chào các chị nhé!

Mọi người đều tùm-tùm cười chào lại. Tiếng cô Ngọc vui vẻ bông-lơn:

— Chào cô Thư-ký ạ!

Tất cả chị em ai nấy cũng tươi cười, tỏ tình thân mến. Anh bẽn-lẽn, và có lẽ sung sướng cảm động, chạy lẹ lên Văn-phòng... Tà áo lụa của Anh phất-phơ, như bóng dáng một nàng Tiên...

Anh làm thư ký ở nhà in Minh - Tân, được Thầy Ba và



Lê-thị-Anh lúc làm thư ký đánh máy

Thầy Tư rất tín dụng. Minh-Tân là một nhà in lớn, máy móc tối-tân được mua ở Nhật và ở Đức về khá nhiều. Công việc phần lớn là thầu các đồ in của các Bộ, các Nha và các Công-Sở.

Chữ mới rất nhiều và toàn là chữ mua tận bên Pháp về. Công việc đã bề bộn, hai anh em thầy Ba lại còn mở thêm một ngành xuất bản sách.

Một mình cô Lê-thị-Anh làm thư ký cho hai ngành hoạt động: ăn-loát, và xuất bản.

Nói đúng ra, không phải là do Thầy Tư mê cô nên muốn cất-nhắc cô lên và tăng tiền lương của cô từ 2.000đ đến 2500đ.

Không phải vậy đâu.

Vì ai cũng biết tánh thầy Tư, tuy là mê gái đẹp nhưng rất hà-tiện. Có keo-bản như thế thì hai anh em Thầy mới giàu có bạc triệu như thế! Thầy hà-tiện cho đến nỗi mỗi lần thầy đang đi trong Văn-phòng mà trông thấy một cái đinh ghim rớt nằm trên gạch hoa là thầy lập tức cúi xuống lượm lên, lau chùi sạch sẽ rồi bỏ cẩn-thận vào hộp ghim trên bàn giấy của thầy. Xuống dưới xưởng in, lỡ mà thầy gặp một anh thợ nào vô-ý làm rơi xuống

đất vài ba chữ chì, không lượm bỏ trở lại vào hộp chữ, thì phải biết! Thầy mắng cho một trận nên thân. Anh em thợ nhà in thỉnh-thoảng có chuyện nhà cần thiết phải xin phép nghỉ một buổi, là thầy trừ tiền lương ngay. Chẳng hạn như anh Sáu-Long bị vợ chết, xin nghỉ ba ngày để lo đám táng và mượn trước thầy nửa tháng lương, không những thầy Tư không cho mượn tiền mà đến ngày trả lương lại còn trừ của anh mất ba ngày ấy nữa!

Cô Anh rất bực mình vì trên bàn giấy của cô không có được một lọ keo để dán thư. Cô khế bảo với anh tùy phái xin tiền thầy Tư để đi mua một bình keo. Nhưng anh tùy-phái đây-này cười:

— Ý! Cô hồng biết, lần trước cô Năm cũng có xin tiền thầy để mua bình keo, cô đã bị Thầy rầy rồi da! Thầy biểu xuống nhà in lấy hồ lên mà dán.

Cô Anh thấy một Văn-phòng lớn như thế mà cứ phải xuống chỗ thợ sắp chữ để xin một quẹt hồ đem lên dùng thì có vẻ bần-tiện quá. Hôm lãnh lương, cô tự bỏ tiền túi ra 25 đồng để mua một bình keo Nacra. Hôm sau thầy Tư trông thấy, trở mắt hỏi cô:

(Còn nữa)



* Sâu Râu Cọp

(Của ông Minh-Ái-Thủy, Đường Tăng-bạt-Hồ, Huế)

Nhân đọc Phê-Thông số 58 trong mục «đáp bạn» cô có trả lời ông T. T. D. ở Vĩnh-long về thuốc độc Râu Cọp. Nay tôi xin góp một tài-liệu về chất độc giết người bí mật ấy.

... Khoảng năm 1930, thân phụ tôi được bổ nhiệm đến phục vụ tại một huyện lỵ thuộc tỉnh Quảng-Bình, huyện Tuyên-Hóa, thuộc miền sơn cước Quảng-Bình.

Chân ướt chân ráo đến xứ lạ quê người, thân phụ tôi phải đề phòng cho gia đình về tai nạn thuốc độc. Thế mà vẫn không tránh khỏi, thân mẫu tôi suýt chết vì bị nhiễm «thuốc độc râu cọp»...

... Giết được một «ông» cọp, người ta nhò ngay một sợi râu mép mang về, bí mật cắm ngay vào một mọt măng (trà non mới mọc độ 1 mét). Chừng nửa tháng sau thì râu thối và ta thấy xuất hiện một con sâu nhỏ mà người ta thường gọi là con troi. Người chủ cung-kính đem sâu về bỏ ngay vào một nơi kín (hốc cột hay lỗ kèo nào đó). Từ đây nhà ấy có một «vị thần hộ mệnh», phải nuôi nó bằng gạo rang, phân của con sâu này sẽ là môn thuốc độc nguy-hiêm, chỉ cần một tí vào tô canh hay bát cơm, ly nước, là có thể hại một vài mạng người. Trong một năm nếu gia chủ dùng thuốc ấy mà giết được 1 hay 2 người thì sẽ làm ăn thịnh vượng, nếu không thì sẽ sạt nghiệp. Vì thế có nhiều nhà trở lại thuốc ngay cả bà con nữa. Nếu vô tình giết chết con sâu ấy thì cả gia đình sẽ gặp tai nạn và chết hết luôn.

Muốn biết gia đình nào có sâu thì rất dễ, nhưng chính quyền muốn bắt thì rất khó.

Vào một nhà nào đó, ta úp ngay nón lên bàn hay bộ-gựa, phân, nếu một người trong nhà đến lật nón lên ấy là nhà này có nuôi sâu độc. Người ta nói rằng khi ta úp nón thì ngay ở hang con sâu độc này quần quại, đề lâu nó sẽ chết.

Đêm đêm, thân phụ tôi thường cho lính đi rình, họ rang gạo ban đêm, nhiều lần biết rõ nhưng không sao bắt được quả tang họ đang cho sâu ăn. Người ta còn nói rằng con sâu rất khôn, nếu gia chủ thăm gọi, nó sẽ bò ra ăn, nếu có ai lùng tìm nó sẽ trốn mất.

Tuy nhiên, việc giết người cũng không dễ, phải khẩn vái, hợp tuổi hợp ngày mới có hiệu nghiệm. Ví dụ sáng nay gia chủ ra đi, thăm khẩn là hôm nay tôi sẽ giết người tuổi tí, vào giờ Ngọ, bằng cách bỏ thuốc vào nước uống v.v... Nếu không đúng trong những điều kiện trên việc không thành.

Người ta cũng có thể phòng ngừa bằng cách, bỏ một trái ớt chín vào trong tất cả đồ ăn hoặc nước uống, nếu có thuốc độc, trái ớt sẽ tự nhiên xoay tròn.

Người bị độc sẽ đau quần quại trong một hay hai tháng nếu không cứu chữa thì sẽ chết. Trước lúc chết, người này đòi cho được thứ mình ăn trúng độc, ăn vào rồi mới chịu chết. (Ví dụ A ăn một ly chè bắp có độc, lúc chết A đòi cho được một ly chè bắp mới chết. Do đó người ta có thể biết A trúng độc trong trường hợp nào). Thường chỉ có người thuốc (người bỏ độc) chữa mới được. Họ chữa rất dễ dàng. Họ hỏi : « Anh đau ở đâu ? » — Người bệnh chỉ vào bụng, họ sờ tay vào chỗ đau, thế là lành.

Trường hợp mẹ tôi, đau hơn một tháng, tóc rụng hết, người còn một nắm xương. Thân phụ tôi tức quá mới ra một yết thị : «đứa nào đó không cứu sống vợ ta, ta sẽ đốt tất cả những gia đình có rang nõ (rang gạo)!».

10 hôm sau mẹ tôi lành bệnh. Có người đã cứu vì họ sợ tai họa.

Thời đó, nạn thuốc độc rất thịnh hành ở Nghệ-An, Hà-Tĩnh và Quảng-Bình. Nhưng không phải nhà nào cũng có, mà chỉ 1, 2 tiệm nước trong một vùng thôi. Nếu ai không biết phòng ngừa theo những phương pháp nói trên thì không dám đến ăn ở những tiệm ấy. Đòi nhà cũng vẫn có nuôi sâu độc trong lu nước hay trong quả bí quả bầu đang còn trên giàn !

* Saigon — Cholon

(của ông Việt-Hà Saigon)

... Nếu tôi không lầm thì TÔNG THỐNG đương kim đã ký sắc

lệnh số 143 NV ngày 22 tháng 10 năm 1956, sát nhập 2 Thành phố SAIGON — CHOLON làm một, tức là chỉ còn có ĐÔ-THÀNH SAIGON mà thôi. Nhưng tôi không hiểu tại sao tất cả mọi giấy tờ văn kiện, như Sách Báo, công-văn, bưu-điện, bằng hiệu công cũng như tư vẫn phân-biệt làm 2 địa phận Saigon — Cholon.

Nếu thế, hóa ra Chính-quyền cũng như tư nhân vẫn không hề thi hành đúng theo chỉ thị của TỔNG THỐNG, hay sao ?

* NHẬT KÝ

(*Của Lê-thị-Hồng và Ánh Tuyết, Nữ-sinh đệ nhất Trung-học H.T.*)

...: Chúng em cũng có viết nhật-ký, lưu-bút, nhưng Nhật-Ký của chúng em thì nhạt-nheo làm sao ấy, chị ạ.

« Giấc mơ hoa » mới đăng vài ba kỳ mà đã ảnh-hưởng đến chúng em, và chúng em biết rất nhiều bạn gái khác bây giờ cũng theo phong-trào «Viết nhật-ký» theo lối D.H. (xin lỗi, chúng em cứ nghĩ D.H. là chị, nếu không đúng chị tha lỗi chúng em nhé !) Trước kia, chúng em đũa nào làm siêng thì viết nhật-ký vài chuyện xảy ra hàng ngày, nhưng phần nhiều là viết đùa cho vui thôi. Một thời-gian lại chán rồi bỏ.

Từ giờ chúng em bắt chước chị viết « dềng-hoàng » đề ghi những cảm-tưởng, những ý-nghĩ và những nhận xét về các vấn-đề liên quan đến đời sống tâm-lý của mình và xã-hội chung quanh mình, nói riêng là đời sống của người thiếu nữ ở giữa thể hệ hiện tại. Nhật ký «Giấc mơ hoa» có nhiều điểm tâm lý rất đúng và mô-tả rất hay. Chúng em chỉ yêu cầu chị cho đăng nhiều hơn (ít nhất cũng 9, 10 trang chứ !). Nếu không thì biết bao giờ mới hết, hả chị? Chị D.H. có chịu chúng em như chị chịu ông Tú không? Chị gửi « thân tặng » cho mỗi đũa một tấm ảnh của «chị» và của «ông Tú» nhé? Cảm ơn chị nhiều..

ĐÁP : Chúng tôi sẽ lược đăng những trang cần thiết, bỏ bớt những trang không có ích lợi về phương diện tâm lý. Chỉ độ trên 40 kỳ báo là hết. Xin hai bạn nhớ cho rằng «Nhật ký» không phải là tiêu thuyết. Đăng nhiều không hay. Xin đính chánh : DH trong « Một giấc mơ hoa » là Duyên Hồng. Rất tiếc không có ảnh, Hai bạn thông cảm cho. Thân ái cảm ơn.

* 10 bài thơ của vua Gia-Long, để đặt tên con cho các đời vua triều Nguyễn

(*của Cô Ngọc-Dung, Phú-Nhuận*)

...Đề góp thêm vào tài-liệu này (xem lại P.T. số 57) tôi xin gởi 10 bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt sau đây của vua Gia-Long.

Vua Gia-Long sinh hạ được 12 hoàng-tử gọi là 12 phòng, nhưng có 2 phòng vô-tự nên chỉ còn lại có 10 phòng thôi. Vua Gia-Long nghĩ ra 10 bài thơ tặng cho mỗi hoàng-tử một bài, để theo đó mà đặt tên cho con cháu về sau. Phòng Minh-Mạng đáng lẽ đứng về hàng thứ 4, nhưng vì có 2 phòng vô tự nên được sắp lên hàng nhì. Vì lẽ chỉ có con cháu vua Minh-Mạng kế tiếp nhau làm vua, cho nên người ta không đề ý đến con cháu các ông hoàng khác, tuy thấy đều con cháu vua Gia-Long cả.

Sau đây là 10 bài thơ của vua Gia-Long đặt cho 10 phòng :

1) Phòng Anh-Duệ

(*phòng trưởng*)

*Mỹ lệ anh cường (1) tráng (2)
Liên huy phát bội hương
Lệnh nghi hàm tôn thuận
Vỹ vọng biểu khôn quang*

2) Phòng vua Minh-Mạng

*Miền hương ung bửu vinh
Bảo quý định long trường
Hiền năng kham kế thuật
Thế thoái quốc gia xương.*

3) Phòng Định-Viễn

*Tịnh hoà chiêm (3) viễn (4) ái,
Cảnh ngưỡng mậu thanh kha.
Nghiêm « khat » do trung đạt
Liên trung tập cát đa.*

4) Phòng Kiến-An

*Lương kiến minh hòa thuật
Du hành suất nghĩa phương
Dưỡng di tương thức hảo,
Cao tú thái vi trường*

5) Phòng Diên-Khánh

*Diên hội phong hành hiệp
Trùng phùng tuần lãng nghị,
Hậu lưu thành tú diệu
Diên khánh thích phương huy.*

6) Phòng Điện-Bàn

*Tín điện tư duy chí
Thành tôn lợi thừa trình*

Tỷ như: 1) CƯỜNG-ĐỀ (2) TRÁNG-LIỆT, (3) CHIÊM-THIỆT — (4) VIỄN-ĐỆ (dầu Khuynh-Diệp).

Túc cung thừa hữu nghị
Vinh hiển tập khang danh.

7) Phòng Thiệu-Hóa

Thiệu thiệu kỳ tuần lý
Vân tri tại mãn du
Ngân lân tài chí lạc
Dịch đạo đoàn phu hưu

8) Phòng Thường - Tín

Thường các tuần gia huấn
Lâm trang tú thịnh cung
Thần tu dị tấn đức
Thọ ích mệnh tân công

Nhân tiện xin sửa lại cho đúng : Về phía Nữ, đứng ngang hàng với VĨNH bên phía Nam, là Công-huyền-tôn-nữ, chứ không phải : Công tăng tôn-nữ. Thọ sắp lộn, vì câu trên đã có : CÔNG TĂNG TÔN-NỮ, ngay hàng với BỬU.

● Chiếc cầu trên biển Manche

(của ông T. K. Mỹ Thạnh)

Cách nay độ ba bốn tháng, tôi nhớ có xem một tờ báo nào đó có in hình một cây cầu dài nhất thế giới xuyên ngang biển Manche nối liền hai nước Pháp và Anh.

Xin ông vui lòng cho tôi biết cây cầu này có thật hay không ?

ĐÁP : Trên biển Manche không có cầu nào nối liền nước Anh và nước Pháp. Các nhà kỹ sư Pháp có dự định làm một đường hầm xe lửa ở dưới đáy biển Manche để nối liền hai xứ ấy nhưng chưa thực hiện được.

● Nàng đẹp như...

(của cô Hà-thị-Cầm, Giáo-viên, Cholôn)

...Trong Phù-Thông số 58, trang 57, sao lại có câu danh-ngôn lạ thế này, thưa ông ?

9) Phòng An-Khánh

Khâm tòng xưng ý phạm
Nhã chánh thị hoàng qui
Khải đề đăng cần dự
Quyển minh cộng tráp hy.

10) Phòng Từ-Sơn

Từ thế dương quậnh cảm
Phu văn ái diệu dương
Bách chi quân phụ đức
Vạn điệp hiệu khuông tương.

« Nàng đẹp như vợ của người khác ».

(Elle était belle comme la femme d'un autre). Paul Morand:

Xin ông giảng rõ cho...

ĐÁP.— Đây là một câu hỏi mỉa-mai rất đúng về tâm lý. Thói thường đàn ông lúc mới yêu thì thấy người yêu của mình đẹp nhất trên đời, nhưng khi đã cưới về làm vợ, lại chóng chán, và thấy vợ của người khác lại cho là đẹp hơn vợ mình, (mặc dầu vợ mình thật là đẹp hơn chẳng nữa !)

● Hai câu thơ «vét cống».

(của Ai-Lan, trường Trung-học Yersin Dalat)

...Kỳ thi Tú-Tài II (chương trình Pháp) vừa rồi, có cho đề thi Việt ngữ bài « Một dân tộc thi-sĩ » của ông, trích trong *Phê-Thông* số 22. Báo hại tụi em dịch không nổi, nhất là hai câu thơ ở đoạn chót. Chúng em dịch sai hết. Xin ông dịch hộ cho chúng em xem. Tất cả Thí-sinh Tú-Tài II đều rất mong đợi bản dịch của ông...

ĐÁP.— *Vét cống, đào mương, thông vận nước*

Lợi sinh, đắp đất, đỡ tay dân.

Draguer les égoûts, creuser les fossés, pour conduire l'eau (ou le pays)
Patauger dans la boue, remblayer les rigoles, pour secourir le peuple

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ **Bạn Sơn Hùng, Tiểu chủng viện Qui Nhơn**

Các bạn nên mua báo tháng tại các đại lý ở địa-phương, tiện hơn. Tòa soạn không bán báo năm ở trong xứ vì gửi đi bị thất lạc luôn. Chúng tôi chỉ gửi báo dài hạn ra ngoại quốc mà thôi.

★ Vua Thành Thái chết năm 1954. Bài trong «Xuân Dân Tộc», có lẽ con số 4 in lộn thành số 7.

★ Bây giờ mua sách bên Pháp phiền phức lắm vì vấn đề gửi tiền ra ngoại quốc. Nên đặt mua tại các hiệu sách lớn ở Saigon, nếu họ có phương tiện.

★ **Bạn Lê văn Bang, Ban mê Thuật**

● 7 kỳ quan vũ trụ, đã được kê rõ trong một số P.T. cũ xin coi lại.

● Chữ *Alphabet* do hai từ mẫu hy-lạp : *alpha* (α) & *Bêta* (B).

★ **Cậu Tân Thanh — Phú Tân**

Viện Quốc gia Âm nhạc ở đường Nguyễn-Du — Saigon.

★ **Cô Lê Hương — Lộc Ninh**

Thống chế là cấp bậc cao nhất trong quân đội. Nước Cộng-Hòa V.N. không có Thống chế, vì có lẽ chưa có vị Tướng lãnh nào có chiến công rực rỡ đáng tôn lên làm chức vị tối cao ấy.

Thủ-Tướng là người cầm đầu một chính phủ.

Tổng Thống, là người cầm đầu một nước Cộng Hòa.

Nước Cộng-Hòa Việt-Nam không có Thủ-Tướng vì Tổng Thống

V.N. hiện tại cầm đầu luôn cả Chính phủ.

★ **Bạn Châu quốc Quan — Cai Lậy**

Khoa châm-cứu là một môn y học Đông phương (hiện nay Tây phương cũng áp dụng gọi là *Acupuncture*) chữa bệnh bằng cách *châm* những cây kim vàng, hay bạc, trên những chỗ "huyệt" của các đường gân. Phần nhiều chữa các bệnh thần-kinh-hệ.

★ **Ô Trịnh quang Ngọc — Vientiane**

Tôi không thể chỉ rõ cách thức «*cầu cơ*» trên mặt báo hoặc bằng thư. Phải chứng kiến tận mắt tại một đàn cơ nào đó mới hiểu được.

★ **Ô Đoàn Cầm, Xuyên Trà, Duy Xuyên Quảng Nam**

Về việc bồi thường chiến tranh, ông nên thân hành đi Saigon vận động, hỏi tin tức tại các nơi thẩm quyền.

★ **Cô Ái Phương — thị xã Di Linh**

Mấy cánh hoa cô gửi trong thư, thuộc về loại hoa *dạ lý hương* chỉ thơm ban đêm thôi.

★ **Ô Vũ văn Quân, Viện dưỡng lão — Gia định**

Đã bị kết án tù, thì có đòi tên họ đề xin tư pháp lý lịch cũng là khai gian, nếu tòa lục ra được thì dĩ nhiên là bị tội.

★ **Ông Thu.Châu Huế**

Ông nên thân hành đến Bộ Q.G.G.D., Saigon, mà xin lĩnh cấp bằng ấy, chứ gửi thư sẽ không có kết quả đâu.

★ **Một độc giả ở Đà-Nẵng**

● P.T. tại tòa soạn còn từ số 21 đến giờ, nhưng ít lắm, ông có thể gửi mua bằng tem bưu chính. Từ số 21 trở về trước đã hết cả.

● *Mai - Nguyệt* là một bút-hiệu của ô. TchyA Đái-đức-Tuấn. Ô. Đ.Đ-Tuấn hiện ở 30A đường Huỳnh-quang-Tiên, Saigon.

★ **Cô Nguyễn-thị Tường-Vi, Huế**

● Cô nên nhờ một người bạn khác đi kiếm mua giùm các quyền sách ấy, vì nhân viên tòa soạn ít có thì giờ rảnh lắm. Rất tiếc không giúp được cô. Cô thông-cảm giùm.

★ Ông Nguyễn-văn-Lâm, Giáo viên Đô thành

Ông đã thấp, không nên tập tạ dài nữa. Nên tập cao bằng thang Thụy-Điền.

★ Ô. Hoàng-Thụy 333A Hòa-Hưng

Muốn thi lấy bằng Lower Certificate, ông nên đến hỏi nơi Hội Việt-Mỹ.

★ Ông Lý-nguyên-Phong K.B.C. 6040

Tôn-Tử, là một danh tướng ở thời Xuân-Thu Chiến-quốc Trung-hoa (514 — 496 trước J.C.), tác giả bộ « 13 Thiên Binh-pháp ».

● Những sách bàn về binh-pháp đời nay, nhiều lắm, do các vị Tướng-lãnh có kinh nghiệm, nhất là :

Ludendorff (Đức), De Gaulle (Pháp) Eishenower (Mỹ) Churchill (Anh) Thần-diễn Hiến Nhất (Nhật), v.v... Ông nên coi các sách của các ký-giả Anh, Pháp, Mỹ, Đức, tường thuật các trận đại chiến 1914-18, và 1939-45.

● Mạnh-dức-tu-cưu, là phiên-âm theo giọng Tàu, của tên Montesquieu, nhà triết-học Pháp, thế kỷ XVIII.

★ Ông Ngô-văn-Quang, Saigon

Đức THÍCH-CA MÂU-NI mới chính là người đã sáng-lập ra Phật-giáo, còn Phật A-DI-ĐÀ là một vị Phật bên Đại-thừa.

Chúng tôi không tiện bàn về vấn đề thống nhất Phật-giáo vì ra ngoài phạm-vi của Phồ-Thông.

★ Ô. Nguyễn-văn-Năng 135 Ngô-tùng-Châu S.G.

Nước Suisse (Thụy-Sĩ) không có chân trong Liên-Hiệp-Quốc, vì Hiến-pháp của Liên-bang Suisse năm 1848 chủ trương hoàn toàn trung-lập, Khế-ước Genève, 22.8-1864, thành lập Hồng-thập-tự quốc-tế, chính là nhìn nhận vị-trí trung-lập của Suisse. Vì thế, nước ấy không cần vào L.H.Q., nhưng về thực tế Suisse có dự vào các cơ-quan chuyên môn của L.H.Q. có tính cách hòa-bình và nhân-dạo.

★ Ô Mặc Nhân, 11A Trần hưng Đạo Quảng Trị

Những tiếng Việt « Cừu phạm » « tốt ! tốt ! » v.v., do viên công sứ Pháp nói trong « Tuấn. chàng trai nước Việt » là đúng theo

lời nói thông dụng của các người Pháp thời thực-dân thuộc (tập nói hơi vài ba tiếng Việt với người Việt Nam. Họ cũng thường nói tiếng Pháp theo thứ tiếng bồi, để cho bồi bếp và các người ít học, hiểu mau lẹ. Không phải họ nói tiếng Tây dốt đâu !

★ Cô Ngọc Dung — phú Nhuận

Pascal nói : « L'homme est un roseau pensant » (người ta là một cây sậy biết suy nghĩ), dĩ nhiên là hiểu theo nghĩa triết học : người ta là một vật yếu đuối (đối với Tạo hóa) nhưng có trí óc suy xét. Chứ có ai hiểu theo nghĩa vật học đâu. Cũng như nhà văn Paul Morand nói khôi hài theo Pascal :

La femme est un roseau dépendant

(Người đàn bà là một cây sậy hay xài tiền) ý nói đùa rằng người đàn bà là một kẻ yếu đuối mà xài tiền thì khoẻ lắm ! Đó là lối « chơi trí khôn » jeu d'esprit.

● Lương điền vạn khoảnh... Thọ nhà in sắp lộn ra khoảng. Thầy cò sửa không kỹ nên đề cô than phiền mãi, xin lỗi cô.

● Phồ Thông số 1 (loại cũ và loại mới) đều hết đã lâu. Tòa soạn cũng không còn, số 12 cũng hết cả. Rất tiếc Hôm nào cô rỗi mời cô « dời gót ngọc » đến tòa soạn, chúng tôi mong được hân hạnh tiếp chuyện.

CHIA BUỒN

Chúng tôi rất kinh ngạc được tin cô Lê-thị-Hạnh, ái nữ của ông bà Lê-tài-Phúng tức Lê-tràng-Kiều, ngụ tại số 7 đường Hoàng-Lương Saigon, nữ sinh, vừa thất lạc ngày 27-5-1961.

Trong dịp đầu đôn này, chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Bạn Lê-tràng-Kiều và cầu chúc cho hương hồn cháu được yên diên miền cực lạc.

NGUYỄN-VỸ

THUỐC MUỐI SÙI TẮM

VECENO

Chuyên trị:
BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ÓI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RUỘT
BAO-TỬ CO RÚT

CÓ BÁN KHẮP
ĐƯỢC-PHÒNG AU-MỸ

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT, HẠCH GAN

Liệt kê cho
SẢN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU MƠI MẠNH

HEPATANA



Pharmacie TANA

42-44 NGUYEN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc VAN-XUAN

Phát hành lại THUỐC BỔ:

HUYET-SON-DUONG

Sở tiếp Đại lý
và khách hàng tại

Nhà thuốc VAN-XUAN

4. Đường THUAN-KIEU CHOLON

Đang in và sẽ phát hành
cuối tháng 5 - 1961

ĐỜI THỨC GIẢ

THƠ

của cụ UNG-BÌNH Thúc giả thị

Sưu tập và trình bày:

Cô TÔN-NỮ HỖ-KHUƠNG (Huế)

Ấn-loát và xuất bản:

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233, Phạm-ngũ-Lão — Saigon

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233 Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

Điện thoại: 25861

Số thương mại: Saigon số 640A

Thương mục kho bạc

Saigon số 9.657

Số Quốc-Gia Danh-Bộ

25	129	54	001
----	-----	----	-----

- ★ In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.
- ☆ In lịch treo — lịch bỏ túi — nhãn hiệu — bao hộp — đồng sách đẹp.
- ★ Cung cấp dài hạn ấn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.
- ☆ Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ, cho các hiệu đoàn, nhãn cô áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin đề:

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận rễ nhàu là *môn-thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (Hypertention artérielle)*. Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 18-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu* (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim « hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không « tỉnh táo (gâtisme) v.v... »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »
(B. s. Đặng Văn Hồ)

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Số bệnh *lao ra máu* ở bệnh viện Ngô-Quyền trong năm thí-nghiệm thuốc này chỉ còn 1,2 phần 10, so sánh với mấy năm trước. Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khất huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn dược phẩm trên đây đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán-sĩ tại 246 Đường Cống-Quyên và 550 E Đại lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon.

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan ?

NÊN DÙNG THUỐC



CÓ BÀN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị:
• **SUYỄN**

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

K.D. số 250/HĐKD — Saigon, ngày 9 - 6 - 1961

In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon

Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ



Nước ngọt **CON CỌP XÁ XÍ**
Giải lao độc nhất vô nhị,
Giải cảm; lọc máu, kiện tì,
Trị thấp, nhuận tràng, khát vị,
Hưng cường thân thể nhược suy,
Tiêu thực, diệt trừ tả lỵ,
Đóng chai Hoà Tiến tân kỳ:
Thượng phẩm trình bày tuyệt mỹ!

NƯỚC NGỌT CON CỌP mới chai
Là nguồn Vui Mạnh kéo dài tươi Xuân